



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Mặc Không Tử**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG điệp CƯ TRẦN LẠC ĐẠO** (TK. Thích Huyền Quang), trang 8
- ♦ **ĐẠO PHẬT VIỆT TK THỨ I VÀ THỜI KỲ BẮC THUỘC t.t.** (HT. Thích Đức Nhuận), trang 9
- ♦ **BƯỚC XƯÔNG TRẦN GIAN, DUYÊN NƠI** (thơ Hàn Long Ẩn), trang 13
- ♦ **QUYẾT NGHỊ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN II** (GHPGVNTNHNK), trang 14
- ♦ **HÌNH ẢNH ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN VÀ AN CƯ** (Hophap.net), trang 16
- ♦ **PHỤC BAI THƯỢNG VĂN** (BHDTU' GDPTVN), trang 18
- ♦ **NIỀM VUI TU HỌC** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 19
- ♦ **TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 20
- ♦ **NGÀY ĐẦU AN CƯ CỦA PHẬT GIÁO TẠI HOA KỲ** (Thích Minh Dung), tr. 23
- ♦ **HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN IV** (Hoavouu.com), trang 24
- ♦ **CHÉN TRÀ TÀO KHÊ** (Thích Nguyên Tạng), trang 26
- ♦ **ĐÔI MÂY** (thơ Lý Thừa Nghiệp), tr. 28
- ♦ **ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN** (TN Tịnh Quang dịch), trang 29
- ♦ **THEO ÁNG MÂY BAY, MỘT CÔI ĐI VỀ** (thơ Bùi Giáng & Tịnh Công Sơn), tr. 31
- ♦ **CHÂN KHÔNG - DIỆU HỮU - Câu chuyện dưới cò** (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ♦ **NGHE PHÁP - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **CHO NGƯỜI EM ÁO LAM** (thơ Đào Văn Bình), trang 33
- ♦ **CHO VÀ NHẬN - Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **XUÂN, HẠ, THU, ĐÔNG** (thơ Diệu Đức), trang 34
- ♦ **ANH CHÀNG CẦU PHẬT** (thơ Tâm Minh Ngó Tăng Giao), trang 35
- ♦ **DẤU QUÊ** (Toại Khanh), trang 36
- ♦ **ĐI TÌM CON SÓNG** (thơ Mặc Không Tử), trang 36
- ♦ **TRUYỀN THÔNG AN CƯ TRONG ĐẠO PHẬT** (Thích Trùng Sỹ), tr. 37
- ♦ **CHÀNG ĐI CHÀNG ĐẾN** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 39
- ♦ **CON NGƯỜI ĐƯỢC TẠO RA ĐỂ ĂN THỊT?** (Tâm Diệu dịch), trang 40
- ♦ **LỆ TRỜI RƠI XƯÔNG, LỆ NGƯỜI NỜ HOA** (Huệ Trân), trang 47
- ♦ **ĐỌC THƠ NHẤT HẠNH** (Vĩnh Hào), trang 49
- ♦ **KẾT DUYÊN PHÁP LỬ** (TN Giới Định), trang 52
- ♦ **CHÙM THƠ VỊNH THỦ** (Mặc Phương Tử), trang 54
- ♦ **NHÀ CỎ CHUỘT** (Vĩnh Hữu), trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: BÚN RIÊU CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ **TƯƠNG QUAN THẦY THUỐC - BỆNH NHÂN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ **PHƯỚC DUYÊN GẶP THẦY** (thơ Mỹ Trang), trang 63
- ♦ **VỀ LẠI NÚI KHÔNG** (Uyên Nguyên), trang 64
- ♦ **ĐƯỜNG VỀ, LỐI VỀ, LẮNG NGHE** (thơ Kha Nguyệt), trang 64
- ♦ **NGÓN NGHỀ RẼN LUYỆN TINH THÔNG...** (Tịnh Minh dịch), trang 66
- ♦ **CHÙA HỘI PHƯỚC CÙNG DƯƠNG KHẮT THỰC** (Pháp Lâm), trang 68
- ♦ **TRUYỆN NGÂN TRẨM CHỮ** (Steven N.), trang 69
- ♦ **ĐỌC "THIỆN TẬP" CỦA CS NGUYỄN GIÁC...** (Huỳnh Kim Quang), trang 70
- ♦ **VỀ ĐI EM, XIN ĐỪNG QUÊN TÔI** (thơ Nguyệt Bình), trang 71
- ♦ **HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN IV** (Hoavouu.com), trang 72
- ♦ **GHPGVNTN HK TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN...** (Bình Sa), trang 74

Báo Chánh Pháp số 32, tháng 7 năm 2014, do Chùa Cổ Lâm (WA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

ĐỘC HÀNH

Trăng hạ huyền chênh trên đầu ngọn thông cuối đường. Một mình giữa đêm. Trụ đèn kiên nhẫn đứng thẳng và im lặng; bên cạnh cây bạch đàn cao ngất đang lao xao trước gió. Đèn vàng lay lắt tỏa bóng trong màn sương. Màu bông giấy đỏ rực dưới nắng mai, giờ trở nên tím sẫm. Con mèo lẫm lẫm, bước nhẹ trên mái nhà ai. Hoa một đoá, nở trong vườn đêm tịch mịch. Mùi cỏ dại phảng phất đâu đây. Trong phút giây bỗng thấy đời thênh thang, vô cùng.

Chẳng có gì đơn độc sinh ra, tồn tại, chuyển động, và biến mất giữa cõi đời. Chẳng có gì gọi là độc hành, độc lập, độc bộ, độc cư, cô thân, cô độc, cô đơn... Tất cả sự sinh xuất, chuyển động đều là sinh xuất, chuyển động của tổng thể, của những tập hợp các nhân duyên, các điều kiện. "*Núi không là núi; sông không là sông.*"⁽¹⁾ Chẳng có gì có thể tự sinh ra; chẳng có gì có thể được sinh ra từ một nguyên nhân (duy nhất) khác; chẳng có gì có thể vừa được sinh ra bởi chính nó và cùng lúc từ một nguyên nhân khác; cũng chẳng có gì có thể sinh ra mà không cần nguyên nhân nào cả.⁽²⁾

Thế nhưng trong đời sống thực tế, người ta vẫn thường cho rằng, hoặc mặc nhiên xác tín rằng, họ đã sinh ra và tồn tại như một cá thể độc lập; có riêng một thể xác, tâm hồn và tên họ, thủ đắc những sở hữu phụ thuộc (như tài sản, tài năng, sắc đẹp, danh vọng...); từ đó dẫn đến những khổ đau, hệ lụy cho mình, cho người, và cho cả cuộc đời. Chỉ đến khi, do một biến cố hay thảm họa nào đó, bị vượt mất tất cả những gì dính ninh là của mình, thuộc về mình, mới nếm được nỗi thống khổ cùng tận (mà mình đã từng gieo đến cho kẻ khác) để rồi chạy đôn chạy đáo, tìm đến tập thể; đồng hóa

mình với một tổ chức, nhằm cứu vãn sự tồn tại của bản ngã thông qua phóng ảnh của tổ chức ấy. Nghĩa là trong mộng tưởng, lại về vơi thêm mộng tưởng; nơi chiếc giẻ rách, lại vá thêm miếng giẻ rách. Sự vay mượn, vá víu, chẳng thể nào là giải pháp hay cho sự tìm cầu giá trị tự thân và hạnh phúc chân thật của cuộc tồn hữu.

Như vậy, có chăng sự độc hành của lữ thứ trên mộng dài xa quê, ngang qua cuộc đời chập chùng khổ đau, phiền lụy? Có chăng bước độc hành của thiền giả trên đường về cổ quận bồng bênh mây trắng?

Vẫn có đấy. Mỗi bước chân nở từng đoá sen; hay đường sen nở, đón mỗi bước chân êm. Bước chân ấy, không có người khởi động, không có động tác bước đi, không có thời gian diễn ra bước đi, không có con đường. Kẻ độc hành, vô ngã; một mình cất bước mà cùng ba cõi chạm đến khung trời tự tại thênh thang.

(1) Thiền sư Duy Tín, một thiền sư Trung Hoa, đời Tống, từng nói "*Trước khi học đạo, thấy núi là núi, sông là sông. Đang lúc học đạo, thấy núi không là núi, sông không là sông. Sau khi ngộ đạo, thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông.*" Phát biểu này được xem như một khẩu quyết, một chỉ nam tóm tắt kiến giải và trình tự liễu ngộ về Thiền.

(2) *Chư pháp bất tự sinh. Diệc bất tùng tha sinh. Bất cộng bất vô nhân. Thị cố tri vô sinh.* Các pháp không thể tự sinh; không sinh từ pháp khác; không sinh bởi cả hai (tự và tha) hợp lại; cũng không thể tự nhiên mà sinh (vô nhân – không có nhân). (Bài kệ thứ 3 của *Trung Luận*)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ÚC ĐẠI LỢI: Lễ Phật Đản tại Cảng Darling

TIN ẢNH: Chùa Nam Thiên đã tổ chức Lễ hội Phật Đản thường niên lần thứ 20 trong 2 ngày 10 và 11-5-2014 tại Cảng Darling của thành phố Sydney. Sự kiện đầy màu sắc, phổ biến và đa văn hóa này do Hội Phật Quang Quốc tế (BLIA) tổ chức.



Sân khấu chính của Lễ Phật Đản lần thứ 20 năm nay



Phần trình diễn của 24 tay trống



Quang cảnh Cảng Darling trong Lễ Phật Đản 2014



Các em bé xếp hàng trong cuộc thi Trang phục thời Thái tử Tất Đạt Đa



Trao giải thưởng cuộc thi Trang phục thời Thái tử Tất Đạt Đa



'Nhân vật' Đức Phật theo phong cách Disney



Ba biểu tượng thiện ngôn, thiện hành và thiện ý



Số người tham dự 2 ngày lễ hội ước tính lên đến 25 nghìn

Biểu tượng Đức Phật đản sinh
Photos: Richard Ashen —>

(tipitaka.net – May 14, 2014)



NHẬT BẢN: Đường hành hương Phật giáo trên đảo Shikoku

Tuyến đường hành hương Shikoku dài 1.200 km được đánh dấu bằng 88 ngôi chùa. Có thể mất 2 tháng để hoàn thành cuộc hành trình này nếu đi bộ.

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều người nước ngoài tham gia hành hương. Họ thực hiện cuộc hành hương vì nhiều lý do, chủ yếu là để trải nghiệm nền văn hóa Phật giáo Nhật Bản; tham quan nông thôn Nhật; thay đổi cuộc sống của họ; và dành thời gian để suy nghiệm về cuộc sống của mình.

Cuộc hành hương năm nay dự kiến sẽ đặc biệt đáng nhớ vì nó đánh dấu kỷ niệm 1.200 năm kể từ khi tín đồ đầu tiên hành cước trên con đường này.

Hành trình bắt đầu từ chùa Ryozenji tại tỉnh Tokushima, phía đông bắc của đảo Shikoku, đi theo chiều kim đồng hồ.

Mỗi năm có 150.000 người tham gia cuộc hành hương. Trong số này chỉ có khoảng 5.000 người hoàn tất lộ trình bằng đi bộ, và đa số khách hành hương Nhật đi bằng xe buýt.

(Tipitaka Network – May 17, 2014)



Y phục truyền thống của khách hành hương Phật giáo tuyến đường Shikoku & Bản đồ tuyến đường hành hương Shikoku

TIN ẢNH: PHẬT TỬ KHẮP THỂ GIỚI MỪNG LỄ PHẬT ĐẢN (2014)

1/ ẤN ĐỘ: Đền Đại Giác ngộ ở Bồ Đề Đạo tràng trong đêm Phật Đản



2/ TRUNG QUỐC: Phật tử xếp nền hoa sen thành hình chữ vạn tại Chùa Yufo, Thượng Hải



3/ ĐÀI LOAN: Hàng nghìn Phật tử dự lễ Phật đản tại Đài Bắc



4/ MIỄN ĐIỆN: Phật tử tưới một cây thiêng tại chùa Shwedagon ở Yangon



5/ SINGAPORE: Chư tăng "tam bộ nhất bát" tại Tu viện Kong Meng San Phor



6/ MÃ LAI: Phật tử mở tranh thiêng tại một ngôi chùa Tây Tạng ở Ipoh



7/ NAM HÀN: Tín đồ cầu nguyện dưới những chiếc đèn lồng tại chùa Jogyesa ở Seoul



Photos: Reuters & AFP

ÁO QUỐC: Trường Đại học Vienna tổ chức Hội nghị lần thứ 17 của Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế (IABS)

IABS sẽ tổ chức một hội nghị khoa học tại trường Đại học Vienna, Áo quốc, từ ngày 18 đến 23-58-2014.

Hội nghị này là diễn đàn quốc tế hàng đầu dành cho các học giả Phật giáo để trình bày những tài liệu phát hiện của họ.

Trong những bài diễn thuyết và các cuộc hội thảo, người tham dự sẽ có những cơ hội để gặp gỡ những nhân vật hàng đầu về Nghiên cứu Phật giáo từ khắp thế giới. Các học giả và sinh viên của họ cũng có thể nhận được thông tin cập nhật và thảo luận về

những phát triển gần đây trong nghiên cứu khảo cổ, lịch sử và triết học.

Lịch trình hội nghị được chia thành 25 phần và 35 nhóm tham gia hội thảo. Phần lớn nghiên cứu bao gồm thiền định, luật nhân quả của Phật giáo, và các mạng lưới Phật giáo thông qua du lịch đến Yogacara ở Tây Tạng, nhân chủng học Phật giáo và Phật giáo Tocharian.

(Buddhist Door – May 19, 2014)



Trường Đại học Vienna, Áo quốc
Photo: Wikimedia Commons

NEPAL: Phim ngắn về Đức Phật mang tên “Hướng tới một Lâm Tì ni bền vững”

Kathmandu, Nepal – Nhân dịp lễ Phật Đản, bộ phim ngắn “Hướng tới một Lâm Tì Ni bền vững, nơi dân sinh của Đức Phật” đã được chiếu ra mắt vào ngày 14-5-2014 tại Lâm Tì Ni. Phim được sản xuất bởi sự cộng tác giữa Văn phòng UNESCO tại Kathmandu và Văn phòng UNDP Quốc gia tại Nepal theo Dự án Hỗ trợ Lâm Tì Ni của UNDP/UNESCO.

Phim dài 19 phút, giới thiệu ý nghĩa tổng thể của Lâm Tì Ni, một tài sản Di sản Thế giới UNESCO tại Nepal từ năm 1997.

Thông qua câu chuyện của Đức Phật, bộ phim muốn truyền tải thông điệp rằng mọi người cần chung tay giữ gìn và bảo vệ di sản phong phú của Lâm Tì Ni và các khu vực chung quanh bằng cách làm việc với các cộng đồng địa phương và tạo cho họ những phương cách có thể cải thiện điều kiện kinh tế-xã hội của họ.

(Republica – May 17, 2014)

MIẾN ĐIỆN: Hội nghị Tăng đoàn của 2.558 nhà sư

Tổng cộng 2.558 nhà sư từ 9 giáo hội được công nhận đã tham dự Hội nghị Tăng đoàn Toàn thể các Giáo hội lần thứ 15. Hội nghị diễn ra tại Chùa Kabar Aye ở Ragoon từ ngày 11 đến 13-5-2014, kêu gọi cải cách Ủy ban

Tăng đoàn Nhà nước Maha Nayaka, là hội đồng vốn giám sát tất cả tăng sĩ tại Miến Điện.

Chư tăng đề xuất 18 thay đổi đối với các quy định của ủy ban này. Họ cũng nhấn mạnh rằng ủy ban cần phải độc lập với chính phủ.

Chư tăng thảo luận về sự cần thiết phải tăng cường sự hiểu biết về Phật giáo, đặc biệt đề cập đến những căng thẳng gần đây của các cộng đồng tôn giáo. Họ nói cải thiện sự hiểu biết về Phật giáo là điều cần thiết để tránh xung đột với tín đồ của các tôn giáo khác và để bảo đảm sự sống chung hòa bình với các tín ngưỡng khác.

(tipitaka.net – May 21, 2014)



Chùa Kabar Aye, nơi diễn ra Hội nghị Tăng đoàn lần thứ 15 của Miến Điện

Photo: panoramio.com

MÔNG CỔ: Bảo tàng Erden-zuu bị đánh cắp 7 tượng Phật mạ vàng

Vào tối ngày 19-5-2014, 7 tượng Phật mạ vàng và một số hiện vật tôn giáo khác đã bị đánh cắp từ Bảo tàng của Tu viện Erdenezuu tại Kharkhorin soum, tỉnh Uvurkhangai.

Các thanh tra cảnh sát, cơ quan điều tra và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiện đang làm việc tại bảo tàng sau khi nhận được báo cáo từ Tổng Cục Cảnh sát.

Bảo tàng Erdenezuu có hệ thống báo động được lắp đặt tại tất cả các tủ kính trưng bày và có các nhân viên bảo vệ trực gác suốt ngày đêm.

Ba trong số các tượng bị trộm là những kiệt tác thủ công mỹ nghệ đẹp nhất, có niên đại từ thế kỷ thứ 17 và được xem là những vật tạo tác vô song của Mông Cổ.

Một nguồn tin từ bảo tàng cho biết, “Các tượng Văn Thủ, Duinhor, Jugdernamjil mạ vàng và 4 tượng Di Lặc mạ vàng đã bị trộm. Chúng tôi không chắc chắn làm thế nào bọn trộm lén vào và

thoát ra khỏi bảo tàng mà không bị các bảo vệ chú ý”.

Tất cả các tổ chức thực thi pháp luật bao gồm các phòng ban biên giới và hải quan đã được thông báo về vụ án và đang làm việc để tìm những hiện vật bị đánh cắp này.

(Buddhist Art News – May 22, 2014)



Một tượng của Phật giáo Mông Cổ
Photo: Ulan Bato Post

TÍCH LAN: Tổng thống Mahinda Rajapaksa: “Giáo lý Phật giáo tạo nền tảng cho sự hiểu biết, khoan dung giữa con người của mọi quốc gia”

Ngày 21-5-2014, trong thông điệp video gửi đến lễ kỷ niệm Ngày Vesak Quốc tế được tổ chức đại quy mô tại Trụ sở UNESCO ở Paris, Pháp, Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa phát biểu rằng thông điệp vượt thời gian của Phật giáo cung cấp một nền tảng cho sự hiểu biết và lòng khoan dung giữa con người của tất cả các quốc gia, nền văn hóa, tín ngưỡng và truyền thống.

Tổng thống nói giáo lý Phật giáo có thể có một tác động tích cực trong việc giúp giải quyết nhiều cuộc khủng hoảng mà cộng đồng quốc tế phải đối mặt ngày nay.

“Lễ Vesak thường niên được UNESCO tổ chức này, kể từ khi được công nhận là một ngày lễ Liên Hiệp Quốc, nhấn mạnh tầm quan trọng của thông điệp vượt thời gian của Phật giáo trong thế giới hiện đại”, ông nói.

Song song với sự kiện này, một cuộc triển lãm ảnh do Ban Truyền thông của Tổng thống tổ chức với chủ đề "Phật giáo và Nền văn hóa Tích Lan" đã diễn ra tại Trụ sở UNESCO.

(dailynews.lk - May 24, 2014)

NAMIBIA: Một tổ chức từ thiện Phật giáo tạo nên sự khác biệt trên khắp châu Phi

Trong 10 năm, Trung tâm Chăm sóc Amitofo (A Di Đà Phật) (ACC) ở Namibia đã phụng sự như một trường học và trại trẻ mồ côi cho trẻ em tại các nước Malawi, Swaziland và vùng Lesotho ở Phi châu.

Có trụ sở tại Nam Phi, ACC là một tổ chức Phật giáo nổi bật vì đây là trại trẻ mồ côi Phật giáo đầu tiên trên lục địa châu Phi. Nó cũng độc đáo về chương trình giảng dạy đặc biệt và hữu ích: Trẻ em ở ACC không chỉ học về Phật giáo mà còn học tiếng Quan thoại và Kung Fu, được thiết kế bởi Hòa thượng Hui Li, người sáng lập ACC. Ông là tăng sĩ người Đài Loan, bắt đầu sứ mệnh của mình tại châu Phi vào năm 1992.

Nhiều em trong số trẻ mồ côi đang ở tại ACC được nhận nuôi từ các ngôi làng xa xôi, bị suy dinh dưỡng và bệnh tật. Sư Hui Li nghĩ cách tốt nhất để tăng cường sức khỏe của các em là dạy chúng Kung Fu, để chúng có thể tự vệ và đóng góp cho xã hội khi chúng lớn lên. Và dạy các em tiếng Quan thoại cũng có vẻ quan trọng, nhờ các mối quan hệ ngày càng tăng giữa Trung quốc và các nền kinh tế của châu Phi.

(Buddhist Door - May 26, 2014)



*Hòa thượng Hui Li và các 'con nuôi' của ông tại ACC
hoto: Convi Fung*



*Biểu trưng của ACC
Photo: amitofocc.com*

ẤN ĐỘ: Nhà sư từng giúp làm phim về sự cai trị của Trung quốc tại Tây Tạng đã trốn thoát và sống lưu vong

Dharamshala, Ấn Độ - Golok Jigme Gyatso, nhà sư Tây Tạng từng hỗ trợ trong việc làm một phim tài liệu chỉ trích sự cai trị của Trung quốc tại Tây Tạng đã trốn thoát và sống lưu vong. Golok Jigme đã từ Tây Tạng đến Dharamshala, Ấn Độ, vào ngày 18-5-2014. Hiện ông đang được sự chăm sóc của Trung tâm Tiếp nhận Tây Tạng tại đây.

Tại nhà của Golok Jigme ở Trung tâm Tiếp nhận, đại diện của các tổ chức phi chính phủ Tây Tạng đã mừng đón ông với những khăn quàng cổ chúc lành truyền thống.

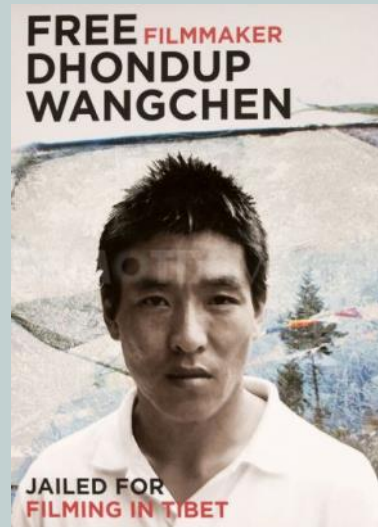
Gần đây, vào Ngày Tự do báo chí Thế giới, tổ chức Nhà báo Không Biên giới đã tôn vinh Golok Jigme là một người trong danh sách "100 Người hùng Thông tin".

Jigme đã giúp nhà làm phim Dhondup Wangcheng bí mật quay phim tài liệu "Bỏ lại Nỗi sợ Phía sau" vốn làm sáng tỏ cuộc sống của người dân Tây Tạng tại Trung quốc trong thời gian chuẩn bị Thế vận hội 2008 tại Bắc Kinh.

Từ năm 2008, Golok Jigme đã nhiều lần bị bắt giam. Còn nhà làm phim Dhondup Wangcheng hiện đang chịu án tù 6 năm và dự kiến sẽ được phóng thích vào tháng 6 tới.

(Tibet House US - May 27, 2014)

*Golok Jigme Gyatso
←-- Phayul.com*



*Nhà làm phim Dhondup Wangchen
Photo: demotix.com*

MIẾN ĐIỆN: Trao giải cuộc thi văn học Phật giáo

Tiền thưởng tổng cộng gần 5 triệu K (kyat) đã được trao cho những người chiến thắng của một cuộc thi văn học Phật giáo trẻ. Tổ chức Thutason Lin Buddhawin, đơn vị tổ chức cuộc thi này, đã công nhận những người thắng cuộc trong một lễ trao giải tại Nhà hát Quốc gia ở Yangon vào ngày 13-5-2014.

Cuộc thi nhằm khuyến khích các thế hệ trẻ tìm hiểu thêm về giáo lý của Đức Phật.

Các nhà tổ chức đã kiểm tra các thí sinh tại Yangon, Mandalay, Nay Pyi Taw, và Pyapon và Wakama ở vùng Ayeyarwady.

Thí sinh đoạt giải nhất (1 triệu K) là Mg Kyaw Phone Ko, 14 tuổi, đến từ thị trấn Nyaungdon ở vùng Ayeyarwady, nói rằng cuộc thi đã làm tăng tiến sự hiểu biết của em về giáo lý Phật giáo.

Trong khi sự kiện năm nay tập trung vào lứa học sinh trung học từ 11 đến 14 tuổi, các nhà tổ chức đã lên kế hoạch tổ chức một cuộc thi mở rộng vào năm tới, bao gồm cả người lớn và trẻ em ở các độ tuổi khác.

(nmtimes.com - May 27, 2014)

ẤN ĐỘ: Kỳ giảng dạy thường niên của Đức Đạt lai Lạt ma cho thanh thiếu niên

Dharamshala, Ấn Độ - Ngày 4-6-2014, khoảng 2.000 sinh viên từ các miền khác nhau của Ấn Độ và nước ngoài, học sinh từ các trường tại Dharamshala và đội ngũ giáo viên của Trường TCV (Làng Trẻ em Tây Tạng) đã tập trung tại thính đường của trường TCV để nghe 2 ngày giảng dạy

của Đức Đạt lai Lạt ma cho thanh thiếu niên về Bát Nhã Tâm Kinh, và về sự tôn vinh Đức Văn Thù Sư Lợi và Quán Thế Âm.

Đây là lần thứ 8 của kỳ giảng pháp như vậy của ngài kể từ lần đầu tiên vào năm 2007, được tổ chức bởi Ủy ban Phật giáo Nhập môn của Dharamshala.

Trưởng ủy ban là Dawa Tsering nói, "Giáo lý chủ yếu là để thúc đẩy thanh niên Tây Tạng lưu vong tìm hiểu Phật giáo ở mức độ học tập và thấm nhuần một sự hiểu biết sâu sắc hơn về nền văn hóa Phật giáo Tây Tạng và các giá trị tinh thần cốt lõi của nó". Ông cho biết cũng sẽ có thời gian dành cho phần vấn đáp trực tiếp với Đức Đạt lai Lạt ma và các học giả Phật giáo Tây Tạng nổi tiếng khác trong kỳ giảng dạy này.

(Phayul – June 4, 2014)



Đức Đạt lai Lạt ma giảng pháp tại thánh đường của trường TCV



Thanh thiếu niên tham dự kỳ giảng dạy thường niên của Đức Đạt lai Lạt ma
Photos: Kunsang Gashon

TRUNG QUỐC: Dấu chân của nhà sư in sâu vào mặt sàn gỗ qua hơn 20 năm cầu nguyện

Tại tu viện Rongwo Gonchen Gompa có niên đại từ năm 1301, là tu viện chính của Phật giáo Tây Tạng của thị xã Đồng Nhân (tỉnh Quý Châu), nhà sư 70 tuổi Hua Chi đã cầu nguyện tại một vị trí chính xác trong hơn 20 năm, tạo ra một dấu chân chính xác hằn lên lớp gỗ có từ hàng thế kỷ.

Mỗi ngày ông đến và lạy hàng nghìn lần tại bệ thờ của ngôi

chùa, và ông làm như vậy từ 2 thập kỷ qua.

Hàng ngày trước khi mặt trời mọc, ông đến và đặt 2 bàn chân vào dấu chân của mình tại bệ thờ của chùa, rồi cúi xuống để cầu nguyện vài nghìn lần trước khi đi quanh ngôi chùa.

Dấu chân nơi phần đầu bàn chân và gót chân hằn xuống gỗ sâu hơn 3 cm.

Nhưng thời gian đang bắt đầu tác động lên cơ thể của sư Hua Chi. Ông cho biết trong những năm đầu ông thường cầu nguyện từ 2 đến 3 nghìn lần một ngày, nhưng do tuổi tác nên những năm gần đây ông chỉ lạy khoảng 1 nghìn lần mỗi ngày, và đôi khi chỉ có lạy được 500 lần trong cái lạnh của mùa đông.

(Mahabhodi – June 5, 2014)



Dấu chân in sâu vào sàn gỗ của nhà sư Hua chi
Photo: Reuters

THÁI LAN: Bảo và động đất làm sụp đổ tượng Phật tại Chiang Rai

Một tượng Phật chính của chùa Mae Saruayluang ở tỉnh Chiang Rai đã sụp đổ, sau khi một số tượng nhỏ chung quanh chùa phải chịu đựng một trận động đất và một cơn mưa giông lớn vào tối 29-5-2014.

Sư trụ trì chùa Mae Saruayluang nói rằng pho tượng đã sụp đổ do một trận mưa bão lúc 7:35 PM tối 29-5. Không có ai bị thương tích.

Pho tượng đang xây dựng được 3 năm và đã gần hoàn thành thì các cơn bão tàn phá tỉnh này.

Trong trận động đất 6,5 độ richter vào đầu tháng 5, pho tượng theo phong cách Chiangsaen nói trên đã bị thiệt hại. Rồi do một loạt dư chấn và mưa lớn, cuối cùng tượng đã đổ. Tổng thiệt hại ước tính mất 5 triệu baht.

Nhiều chùa ở Chiang Rai, Chiang Mai và các tỉnh lân cận đã bị thiệt hại trong các cơn dư chấn, bao gồm Chùa Rong Khun – tức ngôi Chùa Trắng nổi tiếng có trang trí công phu.

(Tipitaka Network – June 5, 2014)

TÍCH LAN: Đại sứ quán Hoa Kỳ cấp 100.000 usd để bảo tồn tu viện Phật giáo Rajagala

Đại sứ quán Hoa Kỳ đã trao cho trường Đại học Sri Jayewardenepura của Tích Lan khoản tài trợ 100.000 usd vào năm 2013, và đang làm việc chặt chẽ với trường và Cục Khảo cổ học về dự án bảo tồn tu viện Phật giáo Rajagala quan trọng này.

Toạ lạc tại Huyện Ampara ở Tỉnh Đông, Rajagala không chỉ có ý nghĩa như một khu tu viện Phật giáo cổ xưa; nó cũng là một trong những di tích khảo cổ hoang sơ nhất tại Tích Lan. Trong chuyến tham quan di tích tu viện trong rừng này, Đại sứ Hoa Kỳ Sison phát biểu, "Đại sứ quán Hoa Kỳ tự hào là đối tác trong dự án này, nhờ vậy chúng tôi có thể giúp tiến đến một sự hiểu biết tốt hơn về niềm tự hào, di sản và lịch sử độc đáo của Tích Lan. Đây thật sự là một vinh dự khi được tham gia vào một công việc có giá trị như vậy".

Khu phức hợp tu viện Phật giáo rộng 400 hecta Rajagala được xây dựng giữa những năm 119 đến 109 trước Công nguyên, nhưng bị bỏ hoang vào khoảng năm 993 sau Công nguyên và bị suy thoái dần kể từ thời điểm đó. Nó được "tái khám phá" trong một cuộc khảo sát khảo cổ học vào năm 1890. Khoản tài trợ của Hoa Kỳ sẽ giúp xác định, bảo tồn và khôi phục khoảng 80 loại di tích khác nhau, bao gồm các bảo tháp, một chánh điện, nhà tắm nước nóng, phòng ăn và các công trình khác. Công việc bắt đầu vào cuối năm 2013 và sẽ tiếp tục đến năm 2017.

(Buddhist Art News – June 5, 2014)

Đại sứ Hoa Kỳ Michele J. Sison (thứ 2 từ bên trái sang) và các vị chức sắc Tích Lan bên pho tượng Phật nằm có chiều dài 30 feet, một trong những điểm nổi bật của di tích thiền lâm Rajagala
Photo: Asian Tribune



LTS.: Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang viên tịch ngày 05 tháng 7 năm 2008. Đã 6 năm trôi qua, Tăng Ni và Phật tử khắp nơi vẫn còn ôm lòng kính tiếc bậc thạch trụ tông lâm hiếm có của Phật giáo Việt Nam. Không những là một cao tăng đạo hạnh, khiêm cung, Ngài còn là một thiền sư gắn liền cuộc đời của mình với dòng sinh mệnh dân tộc. Nhân dịp kỷ niệm húy kỵ lần thứ 6 ngày Ngài viên tịch, Chánh Pháp xin đăng lại Thông Điệp Xuân Nhâm Ngọ (2002) do Ngài chấp bút cách nay 12 năm, để cảm nhận tấm lòng vì Đạo vì Đời của Ngài, cũng như để thấy viễn kiến và giải pháp đề nghị của Ngài trước nỗi suy vong của đất nước. Không phải chờ đến khi Trung quốc đặt giàn khoan HD 981 mới sự tình mà tìm phương cứu nước! Hiểm họa ngoại xâm đã được Ngài cảnh báo từ lâu. Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN TĂNG THỐNG

Phật lịch 2545

Số: 01/VTT/XLTV

THÔNG DIỆP CƯ TRẦN LẠC ĐẠO XUÂN NHÂM NGỌ – 2002

Nam Mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Xuân lại đến trong hoàn cảnh nhiều nhương của đất nước và Phật sự. Nhưng với tấm lòng như như bất động, xuân vẫn là xuân muôn đời của trời đất. Xuân vẫn tuần hoàn nhắc nhở người Phật tử về lẽ vô thường, vô ngã để hướng tới sự giác ngộ của Niết Bàn. Nghĩa là có khổ, thì có phương pháp diệt khổ; có ly biệt, chia phân, thì có phương cách trở về đoàn tụ sum vầy; có ngược đãi bất công, thì có con đường giải thoát cảnh đời nô lệ để tự do sống người.

Vì vậy, từ nơi lưu đầy quạnh hiu ở Quảng Ngãi, tôi vẫn cư trần lạc đạo, và hôm nay xin gửi đến toàn thể chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, nam nữ Cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước lời cầu chúc năm Nhâm Ngọ an lành, như ý và thành công theo ý nghĩa xưa nay của Mã đáo thành công.

Trong mấy ngày Xuân êm đềm nghỉ ngơi, chúng ta cần nhớ tưởng đến công đức của Thầy, Ban vừa xả thân tứ đại trong năm qua, nhớ tưởng đến công đức của lịch đại Tổ sư đã dày công hoằng hóa làm nền tảng cho Đạo Phật bị hùng Việt Nam.

Một trong những nguồn thiền của nước ta là nguồn Trúc lâm Yên tử, lấy "Cư trần lạc đạo" làm tiêu chí. Cư trần lạc đạo có nghĩa là hiện diện nơi trần thế mà hành đạo, vui đạo, sống đạo, dựng đạo, hưng đạo, chứ không lánh xa trần thế đầy khổ nhục tìm thú riêng cho bản thân.

Hiện diện nơi trần thế, nói lên con đường hành động cứu nhân độ thế của Phật giáo Việt Nam. Việc ấy đã thực hiện, đã chứng tỏ, suốt lịch sử hai nghìn năm Phật giáo, đặc biệt dưới các triều đại tự chủ và độc lập, từ thuở Hai Bà Trưng cho đến thời hiện đại. Sự thành bại không đáng quan tâm cho bằng ý chí kim cương bất hoại của người Phật tử. Ý chí ấy còn, đạo Phật còn. Đạo Phật còn, dân tộc sẽ trường tồn trong cường thịnh, vinh quang và thái hòa, nhân loại sẽ bước vào kỷ



nguyên huynh đệ, đại đồng.

Theo đúng tinh thần "Cư trần lạc đạo" như thế, người Phật tử mới bảo toàn được Phật tính con người trên mặt đất, đồng lúc bảo vệ phẩm giá người đồng bào và nhân loại, đồng lúc bảo vệ sự toàn vẹn tâm linh nơi mỗi cá nhân. Sự toàn vẹn tâm linh con người chẳng khác chi sự toàn vẹn lãnh thổ một quốc gia. Nếu tiền nhân đem máu xương dựng nước và giữ nước, nay con cháu lại đem lãnh thổ quốc gia bán đồ bán tháo cho ngoại bang, thì còn gì là quê hương của tổ tiên và dân tộc? Cũng như thế, tâm linh con người không thể khiếm khuyết quy hàng các thế lực nhất thời và vô đạo. Có như vậy, cuộc đại hoằng dương Chánh pháp ở thiên niên kỷ thứ ba Tây lịch mới mở ra sinh lộ độ thế của đạo Hòa bình, là đạo Phật, trước bao phương thức bạo lực và khủng bố mới, có nguy cơ đẩy nhân loại vào sự hủy diệt, tương tàn, và bài bác Phật tính nơi mỗi cá nhân.

Trong chí nguyện "cư trần lạc đạo" như thế, tôi kêu gọi toàn thể các cấp Giáo hội và nam nữ Cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước phát Bồ đề tâm, đồng mãnh bước lên con đường Đạo cứu khổ trừ nguy mà Đức Thế tôn đã khai thị từ 2545 năm trước, và lịch đại Tổ sư đã đem lại an lạc cũng như chủ quyền cho dân tộc suốt hai nghìn năm qua trên dải đất Việt Nam.

Nam Mô Đương lai Đại từ Di Lặc Tôn Phật.

P.L. 2545 – Quảng Ngãi, Xuân Nhâm Ngọ, 2002

Thay mặt Hội đồng Lưỡng viện
Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất
Xứ lý Thường vụ Viện Tăng Thống
(chữ ký)

Tỳ kheo THÍCH HUYỀN QUANG

ĐẠO PHẬT VIỆT THẾ KỶ THỨ NHẤT VÀ THỜI KỲ BẮC THUỘC (111 tr. TL – 542 TL)

HT. Thích Đức Nhuận

(trích **Đạo Phật và Dòng Sứ Việt**, do PHV Quốc Tế xuất bản năm 1998)

(Bài đăng 2 kỳ)

ĐẠI CƯƠNG:

- Thời đại Hùng Vương qua truyền tích Tiên Dung My Nương và Chử Đồng Tử

- Đạo lý Nhân quả - Luân hồi - Nghiệp báo trong nếp sống người Việt:

- Về thực chất cuộc sống

- Về phương diện sáng tác

- Sang đầu thế kỷ II (168 - 189) do 4 vị

Phạm Tăng: Ma Ha Kỳ Vực, Khang Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mâu Bác (cũng gọi là Mâu Tử) từ Ấn Độ - Trung Hoa tới Giao Châu hoằng hóa đạo Phật.



như đời Lê phân điền chẳng hạn. Thì trong Phật giáo dạy thực hành "bình đẳng, thiếu dục, vị tha"... Tinh thần "tự lực cánh sinh" của dân tộc ta thật phong phú, về ý hệ, người Việt tự hào đã có bốn ngàn năm văn hiến; và về võ công thì qua các đời: Ngô, Lý, Trần, Lê, nguyên ông cha ta đã từng chiến thắng oanh liệt các kẻ thù xâm lăng dưới các thời: Hán, Tống, nguyên, Minh, Thanh, và như lịch sử đã chứng minh: dân tộc Việt sống hiên ngang kiêu hùng bất khuất. Xét trong Đạo Phật có thuyết "Đại

hùng, đại lực".

(tiếp theo kỳ trước)

Bây giờ ta thử xét qua một vài đặc tính văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo, có thể nói: hai nền văn hóa tuy hai mà một – tự bản thân của nó đã có những nét hòa đồng mẫu nhiệm một cách kỳ diệu:

- Về thực tại cuộc sống:

Người Việt rất tôn sùng thờ cúng Tổ tiên, mà Phật giáo cũng triệt để kính trọng, và còn đặt ra những nghi lễ thích hợp với nhu cầu dân tộc, như lễ "Nhập Liệm, Qui Lăng", hay lễ Vu Lan Báo Hiếu v.v.. Tục ngữ Việt Nam có câu: **"tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân"...**

Dân tộc Việt nam thường ưa chuộng "nâu, lam" thì hiện nay các tăng sĩ Phật giáo đều giữ được sắc thái riêng biệt ấy hơn ai hết. Trong bài Trường Ca mẹ Việt Nam, phần mở đầu, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết:

Mẹ Việt Nam

không son không phấn

Mẹ Việt Nam

chân lấm tay bùn

Mẹ Việt Nam

không mang nhung lụa

Mẹ Việt nam mang tấm nâu sòng...

Dân tộc ta giàu đức tính tiết kiệm, ít có ham muốn quá đáng, nên hay "hưởng thụ bình quân",

- Về phương tiện sáng tác:

Trong suốt dọc dài lịch sử (có thể nói) hầu hết những sáng tác tác phẩm văn nghệ thuật do người Việt viết, hoặc phỏng tác, không nhiều thì ít, đều đã chịu ảnh hưởng của thuyết **nhân quả, luân hồi, nghiệp báo** của Đạo Phật.

Thật vậy, người Việt Nam, từ lúc nằm nôi từng đã được các bà mẹ kể cho nghe những câu ca dao, tục ngữ:

"ở hiền thì lại gặp lành

ở ác gặp dữ tan tành ra tro

(hay tội dành vào thân)

"Sống đục sao bằng thác trong.

"Ba vuông sánh với bảy tròn,

Đời cha nhân đức đời con sang giàu".

"Làm việc phi pháp sự ác đến ngay".

v.v...

Cùng trong những mẫu chuyện mang một nội dung tương tự, như: Tấm Cám, Truyền kỳ Mạn Lục, Quan Âm Thị Kính, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Đoạn Trường Tân Thanh, v.v..

Chẳng hạn, *Truyện Tấm Cám*, Bụt hiện ra để cứu giúp người lành, *Truyện Kỳ Mạn Lục*, với lý nhân quả nghiệp báo được tác giả viện dẫn bằng bạc trong khắp các truyện – dĩ nhiên trong đó tác giả có đề cập luân lý Khổng Mạnh – nhằm giải thích những tình huống éo le, như người có hạnh mà nghèo, kẻ bất nhân lại khá, bằng lối sống, "đầu thai chuyển kiếp", như truyện *Nghiệp Oán Của Đào Thị*, truyện *Gã Trà Đồng Giảng Sinh*...



Ta hãy nghe Nguyễn Dữ kể về câu chuyện Gã Trà Đồng:

... "Có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội khiến kiếp trước; bất nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không nên lập luận một bề và xem trời một mặt (xem *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ, bản dịch Trúc Khê).

Dưới đây là những câu trích trong các truyện Quan âm Thị Kính, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Đoạn Trường Tân Thanh:

"Đoái trông thế sự nực cười
Như đem trò rối mà chơi khác gì".

(QATK, câu 335 – 336).

... "Cho nên mền cửa Từ Bi

Đám xin nhờ đức Tăng, Ni mở lòng".

(QATK, câu 343 – 344)

Truyện Nhị Độ Mai:

"Trời nào phụ kẻ trung trinh

Dầu vương nạn ấy, ắt dành phúc kia

Danh thơm muôn kiếp còn ghi

Để gương trong sạch, tạc bia dưới đời".

(Nh. Đ.M, câu 7 – 10)

Truyện Phan Trần:

"Xa xa phảng phất hành lang

Đức Quan Âm đã giáng sinh bao giờ".

(Ph. T, câu 391 – 392).

"Sư còn lân mẫn chúng sinh

Xin thương đến tấm lòng thành mấy nao".

(Ph. T, câu 401 – 402)

Đoạn Trường Tân Thanh hay Truyện Kiều với những triết lý về nghiệp báo:

"Kiếp này nợ trả chưa xong

Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau"

(ĐTTT, câu 1019 – 1020)

"Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia với bằng ba chữ tài..."

(ĐTTT, câu 3249 - 3252)

Những truyện ngụ ngôn, có tính cách luân lý và nhân quả thường quần quýt lấy nhau, Kéo Cày Trà Nợ, Âm Đức, Hai Vợ Chồng Con Chiên Chiện, Ông Sư, Chèo Cờ và Vẹt, Phù Du và Đom Đóm, v.v..

Và còn biết bao nhiêu đặc tính khác của Phật giáo rất phù hợp với dân tộc tính, dân tộc trí, đã làm nảy nở trong những nếp sống hằng hữu để vươn lên cuộc sống trong sáng, cao cả, toàn mỹ. Đó là những nét điển hình để chứng minh rằng *văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc* có những mối duyên gặp gỡ rất đồng nhất tế nhị. Có thể nói hai nền văn hóa tuy hai mà một.

... Không chỉ riêng nước Việt nam mà đối với bất cứ một nước nào khi Đạo Phật truyền tới cũng đều được các nhóm dân tộc hoan hỷ long trọng tiếp nhận, không nơi nào và chẳng lúc nào bị ruồng bỏ, bởi vì Đạo Phật là đạo Từ Bi, lấy tình thương làm động lực phát triển lòng Từ, lấy trí tuệ làm mục tiêu nhằm tới Giác Ngộ Giải Thoát Con Người.

Một triết lý cao đẹp như thế ở xã hội nào, thời gian hay hoàn cảnh nào mà không thích hợp, vĩnh viễn.

Được như vậy là vì Đạo Phật có một tôn chỉ rất rộng rãi: tôn trọng những đặc tính của mỗi dân tộc, mà chỉ cần khai thác phần NHÂN TÍNH để hỗ tương, với mục đích dìu dắt con người đạt tới đích Chân Thiện Mỹ; và khi Đạo Phật đến dân tộc nào cũng vẫn kính trọng nếp sống cổ truyền, những phong tục sẵn có... ***Chỉ vì tinh thần giáo lý Giác ngộ Giải Thoát Tự Chủ của Đạo Phật không bao giờ trái với sự việc nào, bất cứ ở đâu, hạng người nào, khi họ biết hướng đến chân lý.***

ĐẠO PHẬT VÀ DÒNG SỬ VIỆT vẫn mãi mãi sống đẹp và tươi sáng!

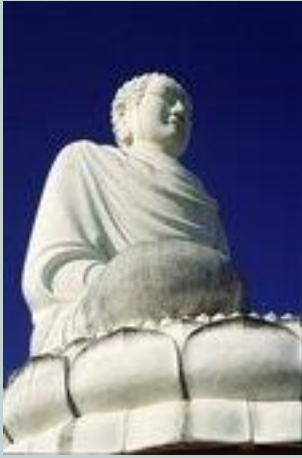
Nước Việt Nam dù trải trên mười thế kỷ chung đụng với văn hóa Trung Hoa nhưng khi nguồn văn hóa GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT và TỰ CHỦ của Đạo Phật truyền vào Việt Nam thì người Việt đã hân hoan lấy đó làm ngọn đuốc thắp sáng cho cuộc cách mạng giải phóng giống nòi khỏi ách thống trị của người phương Bắc, giành lại quyền tự chủ, độc lập cho Tổ quốc miễn yếu.

Vào thời đại Hai Bà Trưng, dòng dõi Hùng Vương, hồi đầu kỷ nguyên Tây lịch, (40 – 43)[10], dân số Giao Chỉ không nhiều, chỉ có 32.000 ngàn nóc nhà, nhưng về luật pháp của nước ta thời đó hơn luật pháp nhà Hán những mười (10) điều[11]. Do đó có thể khẳng định rằng: Cách đây 2000 năm, Việt Nam đã có pháp luật thành văn rồi, không còn ở chế độ tục lệ pháp nữa; toàn dân thuần nhất nên với 32 ngàn nhà thì dân số hữu dụng trai tráng rất ít, thế mà với một lệnh Khởi Nghĩa ban ra, toàn dân nhất tề đứng dậy, ắt phải có một nền văn minh đặc thù và một tình nghĩa máu mủ đùm bọc keo sơn, một sự cương quyết mãnh liệt và khôn khéo lắm mới dám đối địch với quân thù nhà Hán.

Năm Quý Mão (203) tức là năm thứ ba đời Hán Hiến Đế, Sĩ Nhiếp dâng sớ xin đổi Giao Chỉ thành Giao Châu, thì đạo Phật đã xuất hiện rồi và rất hưng thịnh, Giao Châu trực nhận Đạo Phật do các Tăng sĩ Ấn Độ truyền vào từ trước kỷ nguyên Tây lịch chứ không phải là sau này.

Trong tờ chiếu của vua Hán Hiến Đế có đoạn đáng chú ý: "Đất Giao Châu là nơi văn hiến, sông núi phong phú, của báu, vật lạ, văn vật khá đẹp, nhân tài lỗi lạc. Thường năm thường có tai họa chiến tranh, lâu nay ít có quan đầu mục, thái thú xứng đáng có tài, cho nên đất hẻo lánh chưa được thấm nhuần giáo hóa. Nay đặc ủy cho khanh trọng nhiệm, nên tuân theo phong tục họ Triệu, họ Đê, lấy ơn nhân đức mà chấn giắt dân, không phụ cái tài lương đồng triều đình. Trẫm đề cử khanh làm An viễn tướng quân, phong tước Long độ đình hầu" – dẫn sách Việt Điện U Linh, mục chuyện Sĩ Nhiếp –

Truyện Cao Tăng Trung Hoa có nhận định là, lúc Phật giáo ở Trung Hoa chưa được thịnh thì ở Luy Lâu, các tăng sĩ người Ấn Độ đã hiện diện ở đây truyền bá giáo lý Đức Phật rất náo nhiệt, như xây chùa, dựng tháp, mở trường và dịch kinh...



Để chứng minh cho sự kiện trên, ta hãy đọc một đoạn văn mà **Thiền Uyển Tập Anh** đã ghi tại cuộc đối thoại do quốc sư Thông Biện trả lời hoàng thái hậu Phụng Thánh Cảm Linh Nhân Ý LAN – mẹ vua Lý Nhân Tông (1027 – 1127) – nhân dịp bà hội tụ các bậc cao tăng trong nước về chùa Phở Ninh, thiết trai nghỉ cúng dường và vấn đạo. Hôm ấy là ngày rằm tháng hai, mùa xuân, niên hiệu Hội Phong thứ V (1096), Hoàng Thái hậu hỏi về **NGUỒN GỐC ĐẠO PHẬT VIỆT**.

Quốc sư Thông Biện đã trình bày những dữ kiện lịch sử Đạo Phật truyền vào Việt Nam ra sao? (Sdd):

"Theo sự tích của đại sư Đàm Thiên, Chính Pháp luôn luôn được vua Cao Tổ nhà Tùy ngưỡng mộ, và phán rằng: "Ta nghĩ đến đạo từ bi của đức Phật mà không biết làm thế nào để báo đáp ân đức của Ngài. Ta đã lặn ở ngôi cao... Ta chỉ muốn đem tất cả tài sức của ta hộ trì Tam bảo (Phật- Pháp- Tăng). Ta đã thu thập di hài của chư Tăng và đã kiến lập bốn mươi chín cây tháp thờ ở khắp nước, để làm qui củ cho nhân gian, như là bến đò và chiếc cầu cần thiết cho khách qua sông. Ngoài một trăm năm mươi ngôi chùa, ta còn muốn xây thêm nhiều chùa nữa ở khắp xứ Giao Châu, vì ta muốn rằng hạnh phúc ngự trị khắp cả thế gian. Giao Châu tuy nội thuộc Trung Hoa lại ở quá xa. Vậy phải chọn những sa môn đức hạnh và tài ba đến đó để giáo hóa chúng dân bằng pháp Bồ Đề (Bodhi)" Đại sư Đàm Thiên^[12] tâu:

"Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc, khi Phật pháp truyền vào Trung Hoa chưa đến Giang Đông, mà tại Luy Lâu đã sáng lập trên hai mươi chế da (Caitya: tháp thờ xá lợi), đã độ hơn năm trăm tăng sĩ và dịch được mười lăm bộ kinh. Do đó, người ta nói rằng giáo pháp truyền đến Giao Châu trước Giang Đông (Trung Hoa) vậy". "Theo đó, người ta thấy rằng Đạo Phật ở Giang Châu không khác gì ở Trung Hoa. Bệ hạ có tấm lòng thương yêu khắp nhân gian, và muốn truyền bá giáo pháp ở khắp nơi một cách bình đẳng, thì những người truyền giáo không cần thiết, mà thản nghĩ rằng, phải gửi những quan viên đến đó chăm sóc các chùa chiền nơi đó mà thôi.^[13]

Sang thế kỷ thứ II Tây lịch (168 – 189), Đạo Phật và Dòng Sư Việt đã phát triển vững mạnh náo nhiệt do bốn vị phạm tăng:

MA HA KỲ VỰC (Marajivaka)
KHANG TĂNG HỘI (K'ang seng Houei)
CHI CƯƠNG LƯƠNG (Tchi kiang liang)
MẬU BÁC (Mécu – Fô)

Ba vị trên là người Ấn Độ. Ngài Mậu Bác (cũng gọi là Mậu Tử) thuộc người Trung Hoa. Bốn nhân vật trên đều đã lưu trú tại Bắc Kỳ, các ngài đã cùng với người bản địa dựng chùa Pháp Vân và nhiều chùa khác để tu niệm và truyền bá Đạo Phật ở khắp nơi trong nước.

Năm 255 – 256 cũng có một vị tăng tên KALYĀNARŪCI (Chi Cương Lương Tiếp) người bắc Ấn Độ (Indoscythe) tới Giao Châu dịch kinh Pháp Hoa Tam Muội (Saddharmassamadhī suttra), có tỳ khưu

Đạo Thanh, người Giao Châu phụ dịch. Đạo Phật Việt thuở ấy đã tạo được Niềm Tin của người dân bản địa và đã có ảnh hưởng tốt trong nếp sống nhân gian.

Vào thế kỷ thứ IV, hai vị thiền sư Đạt Ma Đề Bà (Dharmadeva) và Huệ Thắng cũng đã xuất hiện trên đất Giao Châu. Thiền sư Đạt Ma Đề Bà, người Ấn Độ, tới Giao Châu truyền bá Thiền học tại đây. Thiền sư HUỆ THẮNG, người Giao Chỉ, là một trong những đệ tử xuất sắc của Đạt Ma Đề Bà, đã chứng ngộ thiền tâm. Sau, thiền sư (Huệ Thắng) qua Trung Hoa hoằng pháp và tịch tại chùa U Thê ở Bành Thành.

Sách **Phật Giáo Việt Nam**, giáo sư Nguyễn Đăng Thực đưa ra nhận định về địa thế nước ta và ảnh hưởng của nguồn văn hóa tự chủ của Đạo Phật đối với dân tộc Việt Nam:

"Điều kiện địa lý thuận lợi của đất Giao Chỉ là có đường thông với Tây Trúc tức khu vực văn hóa Ấn mà đại diện bấy giờ ở phía nam Giao Chỉ là Chiêm Thành và Chân Lạp. Do đấy mà Phật Giáo trước khi ảnh hưởng vào Trung Hoa phải từng phát triển ở Giao Chỉ trước đã. Và điều kiện Lĩnh Nam đã mở cửa xuống Đông Nam Á để tiếp đón và giao dịch với lục địa Á Châu là hải đảo Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương để sớm trở nên đất "ngã ba ngã tư giao lưu của các chủng tộc và văn hóa". Phật giáo là một tôn giáo mở cửa độc nhất trong các tôn giáo thế giới đã cống hiến cho dân tộc Việt Nam đất Giao Chỉ cái nhựa sống thiết yếu để hợp nhất các khuynh hướng tư tưởng tín ngưỡng giao lưu xung khắc, thành cái ý thức hệ khai phóng của địa lý đòi hỏi. Cũng vì thế mà nhân dân tự động suy tôn người con Phật họ Lý là Lý Phật Tử lãnh đạo cuộc giải phóng và xây dựng một nước Việt Nam độc lập đầu tiên. Tuy triều Tiền Lý ngắn ngủi có nửa thế kỷ, nhưng cái ý thức hệ "Tam giáo" do Thiền tông hợp sáng trên căn bản thực nghiệm tâm linh Phật giáo, đến thời Hậu Lý đã giải phóng hẳn Việt Nam, trở nên một nước Đại Việt vững bền và cường thịnh tại khu vực "Đông Nam Á" (Sdd, trang...)

Việt Nam là nơi hội tụ các tầng tài khắp bốn phương, nền tinh hoa Đạo Phật Việt luôn luôn đơm sắc thái đặc biệt, trong những thời gian hoàn cảnh đặc biệt. Đạo Phật đối với dân tộc Việt Nam được coi như thứ vũ khí tinh thần hiệu nghiệm, để vừa đối kháng với nền văn hóa Trung Hoa, vừa thấu thái những tinh hoa của nền văn hóa đó rồi dung hòa cả hai nền văn hóa Ấn – Hòa hợp với tinh thần "Lối sống" của người Việt hình thành một nền văn hóa Việt Nam sống động trong tâm tư mỗi người và trong cuộc sống dân tộc. Phật giáo đã kích động tinh thần tự chủ của người Việt. Và, từ đó đưa đến đòi hỏi một nền tự chủ dân tộc. **Khi một nền văn hóa dân tộc đã có cá tính khác biệt với nền văn hóa của đế quốc thì công việc đấu tranh giành độc lập chỉ còn là công việc thời gian mà thôi.** Chính vì vậy mà trước kia, trong lịch sử Đạo Phật Việt, các vị thiền sư đã cùng với dân tộc Việt Nam phấn đấu cho một nền Tự Chủ về văn hóa của dân tộc.

(trích Đạo Phật và Dòng Sư Việt, tác giả Thích Đức Nhuận, do PHV Quốc Tế xuất bản năm 1998)

Chú thích:

[10] Cuộc Khởi Nghĩa đầu tiên của hai chị em



Bà Trưng chống quân Đông Hán vào năm 40 của thế kỷ đầu Tây lịch là do các quan lại Trung Hoa đã không biết tôn trọng quyền tự trị của dân tộc Việt, mà chỉ chuyên chú vào việc khai thác kinh tế, làm giàu cá nhân. Và cuộc khởi nghĩa thứ hai của bà Triệu, năm 248 Tây lịch, chống Đông Ngô, cũng vì Trung Hoa không muốn để dân tộc Việt tự trị, hòng đồng hoá và tiêu diệt người Việt mau hơn. Vì sự tồn tại của giống nòi, người Việt đã phản tình kịp thời, tìm phương đối phó lại với người phương Bắc (Trung Hoa).

Hai cuộc khởi nghĩa mang màu sắc quý tộc Lạc hầu, Lạc tướng (đời Trưng) hay màu sắc bình dân hướng khởi tình cảm (Bà Triệu, tức Triệu Thị Trinh) cũng đã gây được cho lớp hậu tiến niềm phấn khởi tự tin: *giải phóng quốc gia khỏi gông cùm phương Bắc*.

Nhưng từ khi vương triều Bà Trưng đổ thì chế độ quý tộc Lạc hầu, Lạc tướng cũng đổ theo. Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu mang tính cách quần chúng tự phát, vì các nhà quý tộc có uy tín đã bị tru diệt cả rồi.

Như đã biết: Nước Trung Hoa phần nhiều ít chú trọng tới phương Nam bằng phương Bắc, và hễ bao giờ ở chính quốc có rối loạn thì sự cai trị ở Giao Châu lại càng lỏng lẻo hơn và nhiều khi là không cần thiết. Chỉ bao giờ chính quốc ổn định rồi thì người Trung Hoa mới lại dồn lực quay về phương Nam để thắt chặt thêm vòng xích đô hộ.

Các cuộc khởi nghĩa của Việt Nam đều phải ăn nhịp với các sự biến động tại chính quốc. Do đó có thể phân chia ý thức quốc gia Việt Nam hay nói khác đi, sự đối kháng, sự bảo tồn văn hóa của Việt Nam đối với văn hóa Trung Hoa qua năm thời kỳ:

1. THỜI KỲ ĐỐI KHÁNG, tức là thời kỳ bắt đầu từ đời Hùng Bàng lập quốc, từ thời Hùng Vương đến thời hai Bà Trưng.

2. THỜI KỲ THỎA HIỆP, tức là thời kỳ bắt đầu từ Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp. Lúc này nước Việt Nam có lác đác vài nhà trí thức như Lý cấm, Lý Tiến .v.v.. sang Trung Hoa du học, đã đỗ đạt và làm quan.

3. THỜI KỲ QUẬT KHỞI, Nhà Tiền và hậu Lý Nam Đế (542 – 602) và họ Khúc (906 – 923) đã mở màn cho thời kỳ chế độ tự chủ.

4. THỜI KỲ PHẢN TÌNH, Nhà Ngô (939 – 965) có công phế bỏ thứ văn hóa nô dịch của người phương Bắc. Tuy nhiên giai đoạn này mới chỉ là "phản tình" tự chủ mà thôi; cho nên trong nước mới phát sinh nạn cát cứ không mấy tốt đẹp.

5. THỜI KỲ SÁNG TẠO, ĐỘC LẬP, nhà Đinh (960 – 980) Tiền Lê (981 – 1009) đã mở màn cho giai đoạn quốc gia, độc lập để sau này hai triều đại Lý – Trần phát triển ý thức văn hóa quốc gia hùng mạnh.

Nếp sống vĩ đại của Phật giáo, vốn đã sinh hoạt mạnh mẽ ở Việt nam, qua từng thời kỳ, và rất tế nhị, uyển chuyển để tùy duyên tế độ sinh dân. Sang tới triều đại Lý – Trần là thời kỳ *Sáng tạo Văn Hóa Độc Lập* của quốc gia dân tộc thì Phật giáo công khai dẫn thân hoạt động một cách đặc lực hơn bao giờ hết.

Tại Việt Nam, thời thượng cổ, vào giai đoạn thỏa hiệp văn hóa bắt đầu từ Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp, đã có một phong trào chịu ảnh hưởng văn hóa phương bắc, chủ thuyết thần phục Trung Hoa cùng tranh tồn với phong trào cự tuyệt văn hóa "thiên triều", chủ trương độc lập quốc gia, do các nhà văn hóa thiên sư Việt nam trực tiếp thu nhận từ nguồn văn hóa Đạo Phật dưới thời họ Lý, họ Khúc.

Thời quật khởi kéo dài gần nửa thế kỷ (542 – 602) cũng qua đi để nhường cho thời kỳ phản tình sáng tạo. Nhìn tổng quát, ta thấy tư tưởng phương Bắc với ý định tiêu diệt các cơ sở tinh thần Việt Nam, cho nên, sau khi nhà Đông Ngô sụp đổ thì nước ta bị đặt dưới ách đô hộ của nhà Tấn. Nhà Tấn tan rã thì Tống, Tề, Lương thay nhau tuần tự ngự trị đất nước Việt. Nhà Tống vừa bị đổ (479 TL) thì nhà Tề kế vị, và 22 năm sau, nhà Lương hạ nhà Tề, rồi năm độc quyền thống trị nước Việt. Kể từ khi nhà Tống mất ngôi, nước Trung Hoa rối loạn rất nhiều. Lúc này, vị quan cai trị Giao Châu, là thứ sử Tiêu Tư, lợi dụng tình thế rối ren tại chính quốc liền tung hoành hà hiếp vợ vệt của cải người dân thuộc quốc. Đây là cơ hội để người Việt có dịp quật khởi, và cuộc khởi nghĩa của Lý Nam Đế đã diễn ra vào mùa xuân năm 542 (xem mục "*Công Cuộc Dựng Nước Tới Tiền Lý*").

[11] Theo PHẠM TIẾP, một văn sĩ kiêm sử gia chính khách Trung Hoa đời Tống, thời đại Nam – Bắc triều thế kỷ thứ V TL, tác giả sách HẬU HÁN THƯ dẫn chứng ở q24, Mục *mã Viện Liệt Truyện*, do Thượng Hải Trung Hoa Thư Cục, q5, tờ 8b ghi:

"viện tương lâu thuyền đại tiểu nhị thiên dư sư, chiến sĩ nhị vạn dư nhân, kích Cửu Chân tặc Trưng Trắc dư đảng Đô Dương đảng, tự Vũ Thiết chí Cự Phong, trăm hoạch ngũ thiên dư nhân; Kiều Nam tức bình. Viện tầu ngôn: Tây Vu huyện, hộ hữu tam vạn nhị thiên, viễn giới khứ Đình thiên dư lý, thỉnh phân vi Phong Khê, Vọng Hải nhị huyện. Hứa chi. Viện sở qua chiếm vi quận huyện, trí thành quách, xuyên cử quán khải, dĩ lợi kỳ dân, điều tầu Việt luật dư Hán luật hiện thập dư sự; dữ Việt nhân thân minh cực chế, dĩ ước thúc chi; tự hậu, Lạc Việt phụng hành Mã tướng quân cổ sự".

Nghĩa là:

"viện đem lâu thuyền (thuyền cao hai tầng), lớn nhỏ hơn hai vạn binh sĩ đánh quận Cửu Chân dư đảng của Bà Trưng Trắc là bọn Đô Dương, từ đất Vũ Thiết đến đất Cự Phong, vừa chém, vừa bắt được hơn năm ngàn người; cõi Kiều Nam (tức Lĩnh Nam) đều bình định. Viện tầu lên vua rằng: huyện Tây Vu (thuộc quận Giao Chỉ), có ba vạn hai ngàn nhà, biên giới xa nhất, cách Trung Hoa (huyện Đình) hơn ngàn dặm. Vậy xin chia làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải. Vua Hán y cho lời tầu. Viện đi qua xứ nào, liền đặt ra quận huyện, xây thành quách, đào ngòi tát nước, để làm lợi cho dân. Có điều trần tầu luật của người Việt, so sánh với luật Hán có hơn mười điều. Rồi ban bố rõ phép cũ cho người Việt biết, để bố thúc dân Việt. Từ đó về sau, dân Lạc Việt phải tuân theo phép cũ của Mã Viện". Dẫn theo sách Trung Việt Pháp Luật Tỷ Giảo, trang...

[12] HỒ THÍCH VĂN TỐN, tập IV, Mục "Lăng Già Tông Khảo", tác giả dẫn sách **Tục Cao Tăng**



Truyện, q212, kể sự tích thiền sư ĐÀM THIÊN, đời Tuỳ, có thành lập một Đạo Tràng Thiền Định ở Tây Kinh. Nhà học giả kiêm triết gia Hồ Thích viết về thiền sư Thích Đàm Thiên như sau:

"Thiền sư Thích Đàm Thiên, quê ở Thái Nguyên, chuyên nghiên cứu các kinh Hoa Nghiêm, Duy Ma, Lăng Già... khi gặp nạn nhà Bắc Chu hủy diệt chính pháp, thiền sư dời đến phương Nam học thêm về Duy Thức, Nhiếp Đại Thừa Luận (trong sách không thấy nói là thiền sư đã tham học với vị nào...) và ngài rất tâm đắc "ý chỉ" của hai bộ luận này. Sau thiền sư trở về Bắc, rồi ở hẳn đây mở trường dạy về Nhiếp Đại Thừa Luận, Khởi Tín Luận và Kinh Lăng Già... không bao lâu, thiền sư trở thành một vị đại sư nổi tiếng đương thời. Thiền sư hợp tác cùng vua Văn Đế nhà Tuỳ, khởi sự chấn hưng Phật giáo, xây chùa, dựng tháp ở khắp trong nước...

Thiền sư tịch năm Đại Nghiệp thứ III 967). Tác phẩm (của thiền sư) còn truyền lại cho đời, có:

Nhiếp Luận Số 10 quyển.

Lăng Già và Khởi Tín Số....

Qua đoạn văn trên: chứng minh lời ngài Thông Biện dẫn chứng *Sự tích đại sư Đàm Thiên thuộc đời Tuỳ là chính xác, chứ không phải đời Tề như tác giả sách PHẬT GIAO VIỆT NAM từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII đã khẳng định*: "Đàm Thiên tịch vào khoảng giữa 479 và 483, cuối triều đại nhà Tề" và... là một lời "biện" của Thông Biện? – Bản dịch của Tuệ Sỹ, ban tu thư viện Đại Học Vạn Hạnh 1968, xem các trang 49, 52.

[13] Nguyên văn bản chữ Hán trong sách **Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục**:

"... An Đàm Thiên pháp sư truyền, Tùy Cao Tổ vị chi pháp dã, Hậu viết: Trầm niệm Điều Ngự từ bi chi giáo, bảo đức vô do. Vị thiếu nhân vương, hoảng hộ Tam bảo, dĩ biến thu di thể xá lợi, nhưng ư quốc nội, lập thụ bảo pháp, phạm tứ thập cửu sở, biểu thể tân lương. Dư nhất bách ngũ thập tự tháp. Ngoại các Giao châu chư xứ kiến lập. Ký tư phúc nhuận, dĩ cập đại thiên. Nhiên bi tuy nội thuộc, do hệ cơ mi, nghi tuyển danh đức sa môn vãng bị chư xứ hóa độ, linh nhất thiết câu đắc Bồ Đề".

Pháp sư viết: "Giao Châu nhất phương đạo thông Thiên Trúc, Phật pháp sơ lai Giang Đông vị bị; nhi Luy Lâu hữu trùng sáng hưng bảo sát nhị thập dư sở, độ tăng ngũ bách dư nhân, dịch kinh nhất thập ngũ quyển, dĩ kỳ tiên chi cổ dã. Vu thời tặc dĩ hữu Tỳ khưu danh: MA HA KỲ VỰC, KHANG TĂNG HỘI, CHI CƯƠNG LƯƠNG, MÂU BÁC chi thuộc tại yên.

...Dữ Trung quốc vô dị. Bê hạ, thị phổ thiên, Từ phụ, dục bình đẳng thí, khả độc khiến sử tương, dật bỉ hữu nhân yên, bất tu vãng hoá" (Sđd).

BƯỚC XUỐNG TRẦN GIAN

*Ta bước xuống trần gian tìm đâu đó
Những ưu tư những ước nguyện thật gần
Bao toan tính bao lụy phiền theo mãi
Ôm kiếp người mà "mỗi gói chồn chân"*

*Vì ngũ trước nên đời không là thật
Cuộc vui tàn, nước mắt đọng bờ mi
Danh với lợi chỉ "Trời cho" nói ngược
Hóa kiếp rồi tất cả rũ nhau đi*

*Mùi khổ lụy mà nào ai có biết
Vẫn tranh giành giẫm nát lên nhau
Khi thất thế mới thấy lòng đau nhói
Thời gian trôi, nước đã chảy qua cầu*

*Xin khép lại những gì trong ảo mộng
Thắp ngọn đèn trí tuệ của Thích Ca
Nương diệu pháp tựa câu kinh giải thoát
Nghe trong lòng... vọng... Yết-đế-ba-la...*

DUYÊN NỢ

*Gặp nhau là bởi chữ duyên
Ngày sau chia cách con thuyền lẻ loi
Đến đi như thế mây trôi
Lời kinh Phật dạy Có rồi lại Không*

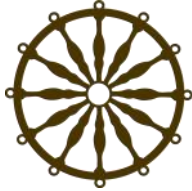
*Lang thang trong cõi phiêu bồng
Hận thù chi để nát lòng của nhau
Luân hồi còn có kiếp sau
Ta còn gặp lại nguyên màu năm xưa*

*Yêu nhau giữa cuộc nắng mưa
Cũng là chữ Nợ mấy mùa tạo nhân
Khi nào dứt sạch nghiệp trần
Nợ Duyên, Duyên Nợ mới lần sang trang*

*Thôi thì thiếp đã gặp chàng
Nợ Duyên xin gói mây ngàn gió bay
Hẹn chẳng là hẹn một ngày
Gặp nhau ở cõi Phương Tây Di Đà.*

HÀN LONG ÂN

Thiên Trúc, Cali, tháng 6/2014



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

QUYẾT NGHỊ

Đại Hội Thường Niên lần II, nhiệm kỳ II (2012-2016) của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Chiếu Quy Chế của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ về việc tổ chức Đại Hội, và theo Quyết Nghị của Đại Hội Thường Niên lần thứ I, nhiệm kỳ 2 được thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2013, Hội Đồng Điều Hành đã gửi Thông Tư số 26, ký ngày 29.3.2014, triệu tập Đại Hội Thường Niên lần thứ II, nhiệm kỳ 2, để hai Hội đồng và các Tổng vụ tường trình phát-sự trong năm qua, đồng thời thảo luận về các đề án khả thi của Giáo hội cho những năm sắp tới.

55 đại biểu chính thức và quan sát viên, bao gồm chư tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT từ các tự viện, tịnh xá, tu viện, Phật học viện, trung tâm văn hóa Phật giáo, tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ đã tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ II, nhiệm kỳ 2 tại Phật học viện Quốc Tế vào ngày 16.6.2014.

Trong 3 phiên họp của Đại Hội, toàn thể cử tọa được lắng nghe phúc trình của Văn Phòng Thường Trực (Khoảng Đại I), và báo cáo phát-sự từ các Tổng vụ thuộc Hội Đồng Điều Hành (Khoảng Đại II); cũng như đã thảo luận, chia sẻ, và triển khai các đề án của Giáo Hội (Khoảng Đại III). Các vấn đề quan yếu được thảo luận trong nghị trình Đại Hội có thể được đúc kết qua các nhận thức và quan điểm chung như sau:

- Giáo Hội đặc biệt quan tâm việc đẩy mạnh một cách đồng bộ phát-sự của các Tổng vụ để đạt được những thành quả tốt đẹp và thiết thực trong sứ mệnh hoằng pháp, giáo dục của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ nói riêng, hải ngoại nói chung.

- Việc xây dựng hạ tầng cơ sở của Giáo Hội trên toàn cõi Hoa Kỳ để phát triển nền Phật Việt một cách vững chắc và rộng rãi là điều bức thiết cần hết lòng thực hiện.

- Việc Trung Quốc đặt giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng Đặc quyền Kinh tế của Việt Nam là dấu hiệu rõ rệt của một cuộc xâm lăng từng phần và trắng trợn lãnh hải nước ta. Là con dân nước Việt từ trong máu huyết, là người con Phật luôn hết lòng phục vụ Đạo pháp và Dân tộc, đều phải quyết tâm phản đối hành vi xâm lược này, và sẵn sàng góp sức mình cho công cuộc bảo vệ giang sơn.

- Giáo Hội không chủ trương, không khuyến khích việc tự hy sinh thân mạng nhưng sự phát nguyện thiêu thân của Huynh Trưởng Cấp Tấn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Lê Thị Tuyết Mai, pháp danh Đồng Xuân, để cúng dường chư Phật, cầu nguyện cho sự trường tồn của GHPGVNTN, đồng thời kêu gọi toàn dân đoàn kết chống Trung Quốc xâm lăng lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam là sự hy sinh cao cả cho nguyện vọng chung của dân tộc và đạo pháp, xứng đáng được truy tán tưởng niệm.

- Công cuộc phục hoạt GHPGVNTN và đòi hỏi tự do dân chủ cho Việt Nam do Cố ĐLHT Thích Huyền Quang phát động từ năm 1992, đã bị các thế lực ác và những cá nhân tha hóa, ở trong và ngoài Giáo Hội, cố tình chặn đứng và triệt tiêu kể từ Giáo chỉ số 2 năm 2005, và cao điểm là Giáo chỉ số 9 năm 2007, khiến uy tín của Giáo Hội bị phá sản, nhân sự Giáo Hội phân cực, ly tán; vì vậy, Đại Hội kêu gọi tìm giải pháp cụ thể để củng cố nội lực, phục hồi uy tín và tiếng nói của GHPGVNTN. Chỉ bằng cách đó Giáo Hội mới có thể tiếp tục đóng góp sức mình một cách hữu hiệu cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

- Nhân kỷ niệm 50 năm công bố Hiến Chương GHPGVNTN (1964-2014), Đại Hội hướng tâm tưởng niệm, tri ân Bồ-tát Thích Quảng Đức cùng chư vị Thánh tử đạo đã xả thân vì Đạo Pháp, xây đắp nền tảng cho sự hình thành GHPGVNTN; và trước sự đổ nát, suy vong của chính Giáo Hội này, từ trong nước ra đến hải ngoại trong các năm qua, Đại Hội kêu gọi toàn thể thành viên GHPGVNTN Hoa Kỳ ý thức vai trò lịch sử của mình trong việc thừa tự di sản của Thầy-Tổ, đồng nguyện đưa vai gánh vác trọng nhiệm xương mình lý tưởng hòa bình của Phật giáo, đồng thời phát huy sứ mệnh hoằng pháp để phục vụ nhân loại và dân tộc như Hiến Chương GHPGVNTN đề ra từ khởi thủy.

Bằng tất cả tâm lực và sự hợp nhất ý chí qua các nhận định trên, chúng tôi, toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội Thường Niên lần II, nhiệm kỳ II (2012 – 2016) của GHPGVNTN Hoa Kỳ đồng thanh:

QUYẾT NGHỊ

1. Tiến hành việc thành lập một ủy ban đặc trách củng cố và phát triển các cơ sở hạ tầng; hợp thức hóa các tự viện và tổ chức Phật giáo tại các địa phương trở thành đơn vị cơ sở của Giáo Hội;
2. Khuyến thỉnh chư tôn đức Tổng vụ trưởng các tổng vụ Hoằng Pháp, Văn Hóa và Giáo Dục phối hợp tổ chức Đại Hội Hoằng Pháp để trao đổi kinh nghiệm hành đạo và triển khai các phương thức truyền bá chánh pháp thích ứng với nền văn hóa phương tây, phù hợp với nhân tâm và hoàn cảnh hiện tại nơi xứ người;
3. Chiếu các đề án đã được thông qua bởi Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I, tổ chức tại Chùa Cổ Lâm ngày 12 tháng 8 năm 2012, khuyến thỉnh Tổng vụ Ni Bộ tiến hành tổ chức Đại Hội Ni Bộ với sự cố vấn và hiệp trợ của chư tôn đức hai Hội Đồng GHPGVNTN Hoa Kỳ; khuyến thỉnh Tổng vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch soạn thảo cẩm nang về oai nghi và ứng xử dành cho hàng Tăng sĩ để ứng dụng phù hợp trong nếp sống văn hóa phương tây hiện đại;
4. Khuyến thỉnh Tổng vụ Tăng Sự thực hiện việc thống kê danh sách các tự viện và Tăng Ni Việt Nam tại Hoa Kỳ;
5. Cung thỉnh HT. Thích Nguyên Trí làm Trưởng Ban Điều Hợp tổ chức Lễ Hội Phật Đản chung tại miền Nam California vào tháng 5 năm 2015;
6. Khóa An Cư Kiết Hạ năm 2015 sẽ được bảo trợ và tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, California; Đại hội Thường niên lần thứ III, nhiệm kỳ II, năm 2015, sẽ tổ chức vào các ngày trước hoặc sau khóa an cư kiết hạ này;
7. Hết lòng ủng hộ tinh thần, yểm trợ tịnh tài, tham dự giảng dạy hoặc tham gia chương trình tu học trong Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ V tại thành phố San Diego, California năm 2015 do Thượng Tọa Thích Minh Dung và chư tôn đức Tăng Ni Nam California đồng tổ chức;
8. Tích cực quang lâm tham dự Ngày Về Nguồn lần thứ VIII do Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại tổ chức tại Chùa Pháp Bảo, Úc châu ngày 27 đến 28 tháng 9 năm 2014; cũng như Ngày Về Nguồn lần thứ IX tổ chức tại Chùa Khánh Anh Pháp quốc từ ngày 13 đến 16 tháng 8 năm 2015; để biểu hiện niềm tri ân đối với Lịch Đại Tổ Sư và Thầy-Tổ, đồng thời xây dựng nền tảng cho việc trang nghiêm Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại;
9. Kiên trì theo đuổi cuộc vận động phục hoạt GHPGVNTN do Đức Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang khởi xướng từ năm 1992;
10. Kêu gọi nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cấp thiết thực hiện việc gầy dựng sức mạnh đoàn kết dân tộc để chống lại sự xâm lăng của Trung quốc; mà muốn vận dụng được sức mạnh của toàn dân, trước hết cần hủy bỏ vai trò độc đảng độc tôn của Đảng CSVN, mở rộng đối thoại, cho phép đa nguyên đối lập, để qui tụ thành phần trí thức tinh hoa của dân tộc; trả tự do tức khắc cho những nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền; đồng thời cho phép người dân biểu tình ôn hòa để phản đối Cộng sản Trung quốc xâm lấn đất liền, hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam.

Quyết Nghị này gồm 10 điểm đã được toàn thể Đại Hội, gồm 55 đại biểu Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT đồng biểu quyết thông qua lúc 6 giờ 30 chiều ngày 16 tháng 6 năm 2014 tại trường chánh điện Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, tiểu bang California, Hoa Kỳ.



**ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 2, NHIỆM KỲ II (2012—2016)
TỔ CHỨC TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, NORTH HILLS, CALIFORNIA, NGÀY 16/6/2014**



Photos: Hophap.net

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ TỔ CHỨC AN CƯ KIẾT HẠ
TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, NORTH HILLS, CALIF., TỪ NGÀY 16 ĐẾN 26/6/2014**



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014



Temple HoPhap.Net - 2014

Photos: Hophap.net



Phục bài thượng văn

của BAN HƯỚNG DẪN TRUNG ƯƠNG GDPTVN
THÀNH KÍNH TƯỢNG NIỆM
ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG thượng HUYỀN hạ QUANG
ĐỆ TỨ TẦNG THỐNG GHPGVNTN

Sông Côn sóng cuộn,
Đỉnh Thái mây vần;
Bốn nghìn năm non nước lặng chuông ngân,
Suốt nghìn dặm hoa vàng in ngần lệ,
Rừng thông bóng ngă, chợt lênh đèn dếp cò rêu mờ,
Canh mộng đèn lu, nghe lạnh buốt nhà Lam mưa rử.
Đường đời vinh nhục, không nhạt màu son,
Vận nước thăng trầm, dễ mòn nẻo Đạo.
Giữa lúc thuyền Chánh Pháp vượt ngàn thác lũ,
Ảnh Hùng Tinh lịm tắt bờ Tây;
Đàn chim đại bợ vợ, cội Bồ Đề lá rụng.
Chúng con toàn thể Lam viên khắp mọi miền thế giới,
Từ tận cùng hải đảo xa xôi,
Hoặc hiện tiền, hoặc xa cách,
Hết thầy đồng quy tâm về trú xứ Nguyên Thiều,
Đồng phủ phục dưới bóng Linh đài,
Chí thành kính niệm Giác Linh xưa,
Gia phong truyền nếp, tín nguyện túc căn.
Giang sơn Bình Định kết thái anh hoa;
Nhân kiệt địa linh ươm mầm Thánh chủng.
Tuổi đồng chơn cất ái tử thân, nhẹ gót siêu phương.
Đường Bắc Nam xuyên suốt dặm trường,
Mười bốn năm theo Thầy học đạo.
Giữa lúc nhân tâm thế đạo ngửa nghiêng,
Đất nước ngập tràn máu lệ,
Quê hương nô dịch ngoại bang;
Gió Tây điên đảo, tà thuyết hoành hành;
Chín năm ròng lận lộn hiểm nguy, vào tù ra khám,
Mong manh chiếc áo nâu sòng mà đương cự cuồng
phong, dương cao Chánh Lý.
Khi đất nước qua phân, củi đậu nấu đậu,
Mà nước sông Côn chứa cặn tình người;
Sừng sững Trường Sơn,
Bóng rập phương trời khói hận.
Sân chùa nắng đỏ, đỉnh tháp sương in;
Ảnh đèn khuya soi lối cửa tùng,
Hồn dân tộc rạng ngời Bắc đẩu.
Ba mươi năm vật đổi sao dời,
Bền nguyện cả dầu lênh đèn chìm nổi.
Cửa Thiền bỗng rộn ràng khóa lợi,
Đèn Tổ chong leo lét Tăng luân.
Đường Bắc Nam một dải sơn hà,
Tinh nhân thế chấp chờn phản phúc.
Thị phi không đầu mối,
Nhân nghĩa khớp dầm danh.
Bóng xuất trần nặng trĩu gánh nhân sinh,
Gương đạo lý phối pha màu thế lụy.
Người về đâu, muôn dặm thân cò,

Cắm gậy trúc vững nền Đạo thống.
Đi về đâu, nghìn nhà một bát,
Quải nạp y ấp ủ hương Nguyên.
Bánh xe Hóa đạo xoay vần theo quỹ đạo Nhật thân,
Bỉnh pháp truyền đăng
Giữ gìn lưu truyền Thánh sử.
Nghìn năm Huyền sử, đêm âm u bởi lạc hướng văn
minh.
Một lớp thiêu thân, gió dập dồn theo lửa đèn hư huyền.
Đầu đường xó chợ lác nhác trẻ thơ,
Quán rượu phòng trà quay cuồng niên thiếu.
Để đưa đàn nai qua rừng an ổn,
Tránh xa cạm bẫy yêu ma;
Chúng con nương nhờ đức Cả, tựa bóng sân chùa,
Dọn vườn Lam tiếp đãi hậu sinh,
Lắng nước Tuệ ươm mầm chánh tín.
Những cánh chim non đã tung bay khắp bốn phương
trời,
Bằng BI TRÍ DỮNG mà vượt ngàn giông bão.
Kỳ diệu thay! Chúng sanh nghiệp cảm bất khả tư nghì;
Gốc cổ thụ nghìn năm sừng sững.
Rồi một sớm, cổng nhà Thiền chợt khóa nẻo vườn Lam,
Đàn Oanh vũ xua bay tứ tán.
Từ ly loạn nghe ẩn tình thâm thiết,
Lướt phong ba nên chí nguyện kiên cường.
Trên trời cao ngự án mây Tử,
Cho cỏ dại vườn cao, dù nắng mưa bão táp.

Ô hô ai tai!
Dòng sanh diệt sát na không đình trú,
Cõi vô thường một thoáng sương mai.
Bến Kim Hà rụng cánh hoa Đàm,
Miền đất khổ nhen lời Di huấn.
Kể từ đây, đường về cõi Tịnh, bóng ẩn hoa vàng;
Lối cò Nguyên Thiều, rêu mờ gậy trúc.
Biển Đông vang dậy muôn lớp sóng triều,
Cánh hạc ngút ngàn phương trời thăm thẳm.
Bóng Thầy lồng lộng,
Đi về tự tại đường mây;
Lênh đèn một chiếc thuyền Lam,
Mù mịt ba nghìn thế giới.
Còn đây vắng lời Thầy dạy,
Mênh mông bể khổ, bất khả nại hà.
Chốn Ta Bà ô trược,
Chúng con nguyện không quản công gai;
Đời nhân ngã thị phi,
Còn đức nhân nền sáng màu đạo nghĩa.
Ô hô, phục vọng Giác Linh tiền.

NIỀM VUI TU HỌC

HUẤN TỪ cho Lễ Khai Mạc Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 4

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Trưởng Lão Hòa Thượng Thích
Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo
Phẩm GHPGVNTNHHK,

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý học viên của Khóa Tu Học
Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 4,

Nhìn hình ảnh đồng đủ chư tôn đức Tăng, Ni
quang lâm chứng minh và hướng dẫn việc tu học,
và sự hiện diện ngày càng đông đảo của quý Phật
tử tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần
thứ 4, lòng chúng tôi cảm thấy hoan hỷ và ấm
cúng vô cùng.

Thật vậy, đối với một nhà tu nguyên hiền đời
mình cho sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp giải
khổ quần sinh như chúng tôi thì không có sự hoan
hỷ nào bằng sự hoan hỷ khi thấy chư vị Trưởng
Tử của Đức Như Lai luôn luôn thực hành thể
nguyên truyền bá Phật Pháp, tiếp dẫn hậu lai. Và
cũng không có niềm vui nào bằng niềm vui khi
thấy quý Phật tử luôn tinh tấn tu và học Phật
Pháp để sống xứng đáng với danh nghĩa là người
con Phật.

Chúng ta có được sự hoan hỷ trọn vẹn như
hôm nay cũng là nhờ công đức của chư tôn đức
Tăng, Ni và Phật tử trong Ban Tổ Chức đã tận tụy
cố gắng hiến trong việc tổ chức Khóa Tu Học Phật
Pháp Bắc Mỹ lần thứ 4 này suốt mấy tháng qua,
đặc biệt là Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu,
Trưởng Ban Tổ Chức. Thay mặt cho Giáo Hội,
chúng tôi xin thành tâm tán thán công đức vô
lượng của Hòa Thượng Trưởng Ban cùng chư tôn
đức Tăng, Ni và Phật tử trong Ban Tổ Chức.

Nhân đây, chúng tôi xin có đôi lời khuyến tấn
cùng quý học viên tham dự Khóa Tu.

Thưa quý liệt vị,

Chúng ta đang sống trong thời đại và thế giới
văn minh tiến bộ mọi mặt, nhưng đồng thời chúng
ta cũng đang đối diện với muôn vàn khổ đau và
bất ổn xảy ra mỗi ngày trong cuộc sống, mà hệ
lụy không phải từ đâu khác hơn là tốc độ phát
triển phi mã của khoa học hiện đại, kỹ nghệ hóa,
điện tử hóa, đô thị hóa dẫn đến những xáo trộn
kinh khủng của môi trường xã hội và môi trường
thiên nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến nếp sống
bình an của con người. Đó là chưa nói đến luật tắc
sinh, lão, bệnh, tử mà chúng ta phải cứ mưng
khi thọ sinh trong cõi đời này! Bằng ấy vô thường
và bất an thì dù thấy lời Phật dạy năm xưa về bản
chất khổ đau của kiếp người là chân thật biết
chừng nào ! Và cũng vì vậy, mới thấy con đường
tu học Phật Pháp là chọn lựa sáng suốt nhất để
cứu mình và cứu người ra khỏi biển khổ trầm
luân.

Chính trong ý nghĩa ấy, chúng tôi tha thiết
mong mọi quý học viên hãy nghiêm túc xem thời
gian mấy ngày ngắn ngủi của Khóa Tu Học Phật
Pháp này là cơ hội quý báu và hân hỷ trong đời

để nỗ lực thật sự
trong việc học Phật
và tu Phật.

Trước hết là
hãy sửa soạn thân
tâm cho việc tu học.
Sửa soạn như thế
nào? Quý vị hãy
tưởng tượng đến việc mình đang rửa và lau chùi
sạch chén đĩa để chuẩn bị đựng thức ăn mà ăn.
Sửa soạn thân tâm cho việc tu học cũng vậy, là
chúng ta hãy làm sạch thân tâm mình để chuẩn bị
tiếp nhận giáo pháp của đức Phật mà quý vị giáo
thọ trao truyền cho. Làm sạch thân tâm ra sao?
Là hãy buông xuống hay ít nhất cũng tạm gác qua
một bên mọi thứ suy nghĩ và công việc từ cá nhân
đến gia đình và xã hội kể từ giờ phút này. Để
thân và tâm không bị buộc ràng vào bất cứ điều
thể sự gì. Để thân và tâm rộng rãi, bình an và
thư thả. Bằng vào trạng thái trong sạch ấy của
thân và tâm, quý vị sẽ đón nhận Chánh Pháp một
cách trọn vẹn hơn, cũng như quý vị sẽ tinh tâm
và tăng trưởng đạo lực hơn trong những thời khóa
tụng kinh, bái sám, niệm Phật và tham thiền.

Thứ đến là hãy để thân tâm sống trọn vẹn
trong không khí thanh tịnh, trang nghiêm và an
lạc của mấy ngày tu học. Sống trọn vẹn như thế
nào? Là giống như lúc mình đang thưởng thức
món ăn thì nên để thân tâm thưởng thức trọn vẹn
từng hương vị của món ăn. Cũng vậy, sống trọn
vẹn trong không khí thanh tịnh và an lạc của khóa
tu là giữ thân tâm rộng rãi, an tịnh trong từng
sinh hoạt của mấy ngày tu học, từ suy nghĩ, lời
nói, bước đi, đến ăn uống, và cử chỉ giao tiếp với
tất cả pháp hữu trong đạo tràng. Tất cả đều được
thu nhiếp trong trạng thái bình lặng của thân
tâm.

Và sau cùng, gặt hái được thành quả của việc
tu học trong mấy ngày tham dự khóa tu để làm
hành trang cho con đường đi tới của cuộc sống.
Gặt hái như thế nào ? Là làm sao để mình có được
sự tiến bộ thực sự và cụ thể trên đường tu học
Phật Pháp; là thấy rằng mình có học hỏi thêm
được kiến văn đối với giáo lý của Phật; là chứng
thực được mình có thực sự an lạc hơn, bình thản
hơn, nhẫn nhục hơn, bớt sân si hơn, thương yêu
và cảm thông nhiều hơn với mọi người.

Làm được như vậy thì quý học viên mới thực
sự thu hoạch được thành quả thiết thực trong
mấy ngày tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc
Mỹ lần thứ 4, và cũng là không cô phụ lòng bi
mẫn và quan tâm của chư tôn đức Tăng, Ni nói
chung và Ban Tổ Chức nói riêng.

Xin nhất tâm cầu nguyện Khóa Tu Học Phật
Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ Tư được thành tựu viên
mãn.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát
tác đại chứng minh.

Phật Lịch 2558, San Diego, ngày 30/5/2014
Sa Môn Thích Tín Nghĩa



TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN YOU ARE RESPONSIBLE

Tác Giả: **VEN. DR. K. SRI. DHAMMANANDA**

Người Dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

(tiếp theo kỳ trước)

PHƯƠNG CÁCH LÀM GIẢM NHỮNG KHỔ ĐAU CỦA BẠN

5. Khoan dung, nhẫn nhục và thông cảm

Thông thường người ta sống đạo đức và bình an hay than phiền họ là nạn nhân của các thủ đoạn và mưu chước của kẻ khác. Bạn không gây buồn phiền cho ai nhưng bạn vẫn bị thiệt hại và không phải do chính lỗi lầm của bạn.

Gặp hoàn cảnh như thế bạn (nạn nhân vô tội) nên nhận thức và hiểu biết rằng trong thế gian này gồm có đủ hạng người với những nghiệp chướng riêng của họ người tốt và kẻ không tốt lắm người xấu và kẻ không quá xấu. Cho nên, bạn có thể tự an ủi rằng bạn thuộc thành phần người tốt trong khi người gây ra sự bất an thuộc loại người xấu. Và trong một vài hoàn cảnh, bạn phải đối kháng lại các hành động bất chánh của những người xấu.

Như trường hợp của người lái xe giỏi và cẩn thận lại gặp phải tên tài xế thiếu kinh nghiệm và bất cẩn. Người tài xế giỏi và thận trọng lúc nào cũng chú ý lái xe một cách kỹ lưỡng để tránh gây tai nạn. Tuy nhiên, đôi lúc tại nạn xảy ra không phải bởi lỗi của anh ta mà do lỗi của người khác lái tồi và bất cẩn. Cho nên người lương thiện đôi khi gặp phải cảnh khổ gây nên bởi những kẻ xấu ác cũng như những người lái xe bất cẩn.

Sau khi nói lên điều ấy, bạn nên nhớ rằng người tài xế giỏi thực sự có thể tránh gây tai nạn vì họ lái xe trên đường cẩn thận và dự liệu trước chính xác các hành động của những người lái xe khác. Điều này cũng giống như bạn ngăn ngừa các sự việc có thể xảy ra với những người gây phiền não và tạo điều xấu ác. Phương pháp thực tế là nên tránh càng xa họ càng tốt, nhất là khi bạn ở trong hoàn cảnh không thể cải đổi họ được. Có thể bạn không có khả năng chống trả lại để khỏi rơi vào cơn lốc của sân si và thù hận.

Nhưng nếu bạn có đủ nghị lực đương đầu với những ảnh hưởng xấu xa, bạn nên cố gắng sửa chữa cho hạng người ấy hơn là xa lánh và bỏ rơi họ. Họ cũng là con người cho nên bạn có thể hướng dẫn họ đi vào con đường đạo giáo. Và phương cách tốt nhất để cải tạo những người xấu là bạn nên sáng suốt thực hành sự khoan dung, nhẫn nhục và thông cảm.

Sự thông cảm là cái mồi giúp bạn tự bảo vệ thoát khỏi mưu chước xấu xa của họ, và tình thương sẽ là chất liệu giúp bạn chinh phục mọi tâm hồn. Con người thường hành động sai quấy là do bởi vô minh hoặc hiểu lầm không thấy rõ được mình, cũng như về khát vọng muốn có hạnh phúc và con đường đạt tới hạnh phúc của họ. Nếu quả thực như vậy thì ngay vào lúc họ phạm lỗi lầm bạn nên có hành động phù

hợp với sự giáo dục và tu tập về tôn giáo của bạn. Chính trong giờ phút thử thách đó mà sức mạnh về đạo đức, trí tuệ và lòng từ bi của bạn mới được thể hiện. Khi người ta có hành động xấu với bạn tức là kẻ ấy cho bạn một cơ hội để bạn nhận biết được những khuyết và ưu điểm của bạn; và bằng sự hiểu biết đó, bạn có thể hành động nhằm hướng đến sự diệt trừ mọi tính xấu và phát triển các đức tính tốt nơi bạn.

Lòng khoan dung, sự nhẫn nhục và thông cảm đó là những đức tính tốt quan trọng mà bạn cần nên áp dụng khi gặp phải người có hành động sai lầm. Những thiện tánh này có thể giúp bạn vượt thoát khỏi mọi phiền não, khổ đau và khó khăn trong cuộc sống. Một số người có thể lợi dụng việc làm lành của bạn khi bạn thực hành các tính tốt đó. Nhưng bạn đừng lo ngại về điều ấy nếu bạn hành động một cách sáng suốt, vì các tánh thiện này có thể giúp những người làm ác nhận thấy được lỗi lầm của họ cũng như có năng lực cải đổi khiến họ thực hành các việc tốt.

6. Nên tha thứ và bỏ qua

Trà thù người gây khổ đau cho bạn chỉ gây thêm phiền não và bức dọc cho mọi người. Trong khi dự tính việc trả thù bạn khuấy động ngọn lửa sân hận trong lòng bạn và nuôi dưỡng cho nó phát triển bằng nhiên liệu của vô minh. Ngọn lửa này sẽ bùng cháy lớn và có thể thiêu đốt tất cả mọi vật, trước hết là chính bạn rồi sau đó mới đến người khác. Sự cảm giận như liều thuốc độc mà bạn đã tự tay chích vào gần thịt mình trước khi nó được tiêm vào kẻ thù của bạn. Điều ấy giống như khi ném phân bỏ và người ta, tay bạn bị dơ nhớp trước khi bạn làm bất kỳ kẻ khác.

Khi bạn sanh tâm thù hận, bạn sẽ không khác gì kẻ tạo nên điều xấu ác vốn là nguồn gốc gây nên sự cảm giận của bạn. Bằng cách tạo ra sự hận thù, bạn không còn làm chủ được mình và cũng không tiến gần hơn đến bất cứ giải pháp nào cho vấn đề của bạn. Bạn trở thành kẻ thua thiệt. Khi tức giận, bạn xúi giục kẻ khác nhưng người đó lại đáp trả bằng cái cười lãnh đạm, hẳn nhiên lúc ấy bạn cảm thấy tuyệt vọng. Bạn thấy mình thất bại vì không thể gây xáo trộn thúc đẩy người kia sân giận. Bạn là người thua trận vì kẻ khác đã không hợp tác với bạn trong việc bôi nhọ phi báng người ta.

Đức Phật dạy: "Thật hạnh phúc thay cho những ai sống không hận thù giữa những người thù hận. Giữa sự thù hận, chúng ta sống không hận thù". Bạn nên hành động sáng suốt như người biết tu, không giận ghét hay trả thù người đã gây khổ đau cho bạn. Bạn nên thông cảm rằng người tạo nên phiền não cho bạn khi ấy đã bị xúi giục bởi lòng tham, sự tức giận, ganh ghét và vô minh. Và họ, như mọi người khác vào lúc nào đó cũng thường bị thúc đẩy bởi các tánh xấu ấy. Sự hiểu biết như thế chỉ đến với bạn qua việc tu tập thiền định.

Khi thiền định, bạn có được sự nhận thức rõ



ràng về những động cơ thúc đẩy, lòng ham muốn, sự yếu kém và khả năng của bạn. Sự tự giác đó giúp bạn diệt trừ được các tánh xấu và tăng trưởng những điều tốt nơi bạn. Khi bạn hiểu biết rõ mình hơn, bạn nhận thấy rằng những kẻ khác cũng gặp điều khó khăn giống như bạn. Bạn thấy họ bị mắc vào chiếc lưới của sự tự lừa dối mình, sự mù quáng vì vô minh nhằm đấu tranh một cách vô ích để thỏa mãn mọi dục vọng của họ.

Do sự mê lầm và lòng ái dục đó khiến họ tạo ra những hành động mang lại khổ đau cho chính họ và những kẻ khác. Nhưng, dù có những giới hạn và sự yếu kém này, họ vẫn có khả năng tu tập để phát triển về tinh thần. Nhận thức được như thế, bạn có thể trang trải tình thương đến cho mọi người, khoan dung đối với những ai đã gây khổ đau cho bạn cũng như biết tha thứ và bỏ qua.

Đức Phật dạy: “Kẻ làm ác không phải bản chất họ ác. Nhiều người gây tội lỗi là do mê lầm. Khi biết họ bị vô minh che lấp, bạn không nên phi báng hay buộc tội để gây khổ đau cho họ. Mà bạn nên cố gắng sửa đổi và giải thích về những sai lầm của họ”.

Với lòng từ bi và trí tuệ mà đức Phật đã dạy giúp bạn đối xử với người gây tội lỗi giống như bạn giúp điều trị một bệnh nhân đang đau khổ. Thay vì than trách sự đau bệnh của họ, bạn nên cố gắng diệt trừ nguyên nhân gây ra bệnh để giúp họ lành mạnh và hạnh phúc. Khi trang trải tình thương và lòng từ bi đến kẻ khác, bạn giúp họ cơ hội nhận biết lỗi lầm và từ bỏ được tánh xấu của họ. Lòng từ bi và tình thương có khả năng hoá giải kẻ ác trở nên người thiện; và kẻ thù trở thành bạn. Đức Phật dạy: “Hận thù không thể chấm dứt bằng thù hận, chỉ có tình thương mới diệt được hận thù. Đó là định luật muôn đời”.

Mỗi khi gặp người làm hại bạn, bạn nên sửa chữa cho họ. Bạn cố gắng noi theo gương lành của đức Từ Phụ là luôn luôn lấy ân trả oán. Đức Phật dạy: “Càng gặp nhiều oan trái, Như Lai càng hành thiện”. Có người nghĩ rằng lấy ân trả oán là điều không thực tế. Nhưng lấy oán trả oán bạn sẽ bị sa lầy trong đau khổ. Về phần bạn, bạn nên lấy ân trả oán.

Khi chúng tôi khuyên “lấy ân trả oán”, chúng tôi không muốn giải thích điều ấy theo cái nghĩa vật chất. Mà quan trọng hơn chính là sự phát triển về tinh thần để cho tình thương có thể gieo rắc đến tất cả mọi người đang sống trên toàn thế giới. Phát triển tư tưởng lành hầu giúp bạn luôn có ý nghĩ tốt với kẻ khác mặc dù họ gây thương tổn hoặc làm hại bạn nhiều đến đâu. Ngay cả giờ phút này bạn thấy đó là điều khó thực hiện, bạn vẫn tạo phúc lành lớn lao cho chính bạn và kẻ khác bằng hành động không lấy oán trả oán.

Những sự khó khăn và khổ khổ của bạn thực ra là do chính bạn gây ra. Chúng phát sinh do các hành động bắt nguồn từ tánh tham, sân, si. Thực vậy, sự khổ đau là cái giá bạn phải trả cho lòng tham đắm cuộc sống hiện hữu và những thú vui nhục dục. Cái giá quá đắt mà bạn phải trả là sự khổ đau thể xác và lo âu tinh thần. Tương tự như bạn trả tiền thuê và thuế má về cái nhà bạn ở. Tiền “mướn nhà” là sự đau khổ về thân và tâm mà bạn phải chịu đựng, trong khi “cái nhà” là cơ thể của bạn nhờ đó bạn đã thụ hưởng các thú vui dục lạc thể gian. Bạn phải trả giá cho sự hưởng khoái lạc: thật là bất hạnh vì không có thú vui nào mà không phải trả giá đắt.

Chừng nào bạn còn bị trói buộc bởi những đam mê say đắm của dục vọng, bạn phải nhận chịu sự khổ đau và phiền não. Tuy nhiên, nếu bạn muốn

giảm thiểu hay diệt trừ nỗi khổ ấy, bạn sẽ phải chế ngự và ngay cả từ bỏ lòng tham mãnh liệt về các thú vui dục lạc. Bạn phải đương đầu với sự chọn lựa: thụ hưởng thú vui nhục dục, bạn nên chuẩn bị nhận lãnh sự khổ đau; hoặc là từ bỏ lòng ái dục để tìm nguồn vui trong hạnh phúc tinh thần, chứ không thể có cả hai đường đối với vấn đề ấy.



WAYS TO REDUCE YOUR TROUBLES

5. Tolerance, Patience and Understanding

Occasionally people who have led good and peaceful lives complain that they have become victims of the wiles and intrigues of others. They have not cause trouble to others, yet they are harmed through no fault of their own.

Under such circumstances, the innocent victims must realize and understand that the world is composed of a wide variety of people with their idiosyncrasies the good and the not-so-good, the bad and the not-so-bad. Therefore, he may console himself that he Belongs to the “good” category, whereas the disturber of peace belongs to the “bad” category. And on certain occasions, he has to put up with the misdeeds of the “bad” ones.

It is like the case of the good and careful driver and the bad and reckless driver. The good and careful driver takes every precaution to drive carefully so as to avoid accidents. Nevertheless, he sometimes meets with accidents through no fault of his, but that of the bad and reckless driver. Thus, the good sometimes have to suffer because there are bad people just as there are bad drivers.

After saying all that, it is useful to remember that the really good drivers can avoid getting into accidents because they act wisely on the road and anticipate the actions of other drivers correctly. This is no different from averting potential problems with troublemakers and evil-doers. One obvious way is to avoid associating with them as far as possible, especially when you are not in a position to change their ways. You may not have the strength to resist from being drawn into the whirlpool of hatred and vengeance.

But if you are strong enough to resist their evil influences, then you should make every effort to correct them instead of isolating and neglecting them. They are human beings too who can be brought into

the religious fold. And the way to influence evil-doers to be good is through the wise practice of tolerance, patience and understanding.

Understanding will be your shield to protect yourself from their wiles, and compassion will be your flame to melt all hearts. A man often does wrong because of his ignorance or misunderstanding about himself, his desire of gaining happiness, and the way to obtain happiness. If this is so, then it is during the time when he errs that you should act consistently with your education and religious training. It is during such times of trial that the strength of your character, wisdom and compassion may be known. When others do you wrong, they offer you and opportunity to be aware of your defilements and virtues, so that with such understanding you will be able to work towards the removal of the defilements and the strengthening of your virtues.

Tolerance, patience and understanding _ these are great qualities for you to practice during times when a man acts out of ignorance. These qualities can help to relieve you from the miseries, suffering and burden of life. Some people may take advantage of your goodness when you practice these qualities. But you should not be threatened if you act wisely, because these qualities have the ability to make the wrong-doers realize their error and the power to transform them into doing-good.

6. Forgive and forget

Taking revenge on your trouble-makers create more problems and difficulties for everyone. In contemplating vengeance, you spark off the fire of hatred within your heart and feed it the fuel of delusion to let it grow. This fire will grow so big that it can consume everything in its path, yourself first before anyone else. Hatred is like a poison which you inject into your veins, before injecting into your enemy. It is like throwing cow manure at another: you dirty your hands first, before you dirty others.

When a person submits to hatred, he becomes no different from the evil-doer, the object of his anger. By giving in to hatred, he surrenders his self-control without coming any closer to the solution of his problem. He becomes the loser. When an angry person tries to instigate another but receives an unconcerned smile instead, he is usually overcome by a feeling of despair. He feels frustrated for not being able to upset the other person and make him angry. He is defeated because the other party has not co-operated by way of losing his head and joining in the mudslinging.

The Buddha said: "Ah, happily do we live without hate amongst the hateful. Amidst the hateful, we live without hate." You act wisely like a cultured man by not hating or hitting back at your trouble-maker. You understand that at that moment, the trouble-maker has been intoxicated with greed, anger, jealousy and ignorance. In that he is no different from other human beings who have similarly been intoxicated at other times. Such an understanding would come to you through the practice of mindfulness.

When a person practices mindfulness, he has an intimate understanding of his motivations and desires, his weakness and strength. That self-awareness helps him to remove the unwholesome and increase the good. When he understands himself better, he realizes that other beings are caught

in a similar predicament. He see his fellow beings trapped in the net of self-illusion, blinded by ignorance, struggling vainly to satisfy their every desire.

From that ignorance and desire arise the performance of deeds which bring unhappiness to others and themselves. Yet, in spite of these limitations and weakness, these beings have every potential to experience spiritual growth. Realizing this, such a person develops compassion for all beings, tolerates the problems they create, and learns to forgive and forget.

The Buddha taught: "Evil-doers are not wicked by nature. Many people do evil because of their ignorance. Since they are ignorant, we should not curse or condemn them for eternal suffering. We should instead try to correct them and explain to them their error".

Such compassion and understanding taught by the Buddha helps one to treat an evil-doer just as one would a patient suffering from a sickness. Instead of condemning him for being sick, you should try to remove the cause of his sickness so that the may become well and happy. By radiating compassion and loving-kindness to a person, you give him a chance to realize his folly and give up his bad habit. Compassion and loving-kindness have the power to change a trouble-maker into a benefactor, and your enemies into friends. The Buddha once said: "Hatreds do not cease by hatred; by love alone do they cease. This is an eternal law".

If a person keeps on doing wrong to you, on your part you should correct him each time. Try to follow the noble example set by the Buddha who always returned good for evil. The Buddha said, "The more evil that comes to me, the more good will radiate from me". Some people think that it is not practical to return good for evil. Returning evil for evil they are caught in the quagmire of troubles. As for yourself, try to return good for evil.

When we say "return good for evil" we do not necessarily mean this in a physical sense. Rather, it is more important to develop a mental state where "loving kindness" is felt towards all beings that inhabit the world. Develop thoughts of goodwill so that you will constantly think well of others, no matter how much they hurt you or harm you. Even if you find that at this moment this is something which is difficult to perform, you still do a great service to yourself and others by not returning evil for evil.

Your troubles and difficulties are really *self-caused*. They arise from actions rooted in greed, hatred and delusion. In fact, suffering is the price you pay for craving for existence and sensual pleasure. The price which comes as physical pain and mental agony is a heavy one to pay. It is like paying rental or taxes for the house you occupy. The "rental" is the physical pain and mental agony you undergo, while the "house" is your physical body through which you experience the worldly pleasures of the senses. You have to pay the price for the enjoyment: nothing is really free of charge unfortunately.

So long as you are caught in the iron pincers of craving, you experience pain and agony. However, if you wish to reduce or eliminate that pain, you will have to subdue, and even renounce, your strong craving for sensual pleasure. You are confronted with a choice: to enjoy sensual pleasure you must be prepared to experience suffering, or to renounce craving so as to delight in spiritual happiness. There are no two ways about it. □

NGÀY ĐẦU AN CƯ CỦA PHẬT GIÁO TẠI HOA KỲ

Thích Minh Dung

Hằng năm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tại Hoa Kỳ tổ chức An Cư cho cộng đồng Tăng Ni đang sinh hoạt tại nhiều tiểu bang khác nhau trên nước Mỹ. Đây là một truyền thống và giáo luật trong nhà Phật áp dụng từ ngàn xưa. Năm nay mùa An Cư được tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế, thuộc thành phố North Hill cách Los Angeles chừng 30 dặm. An Cư có nghĩa là đại tăng qui tụ trong một trú xứ và tất cả thì giờ trong ngày dành cho việc tu và học.

156 vị Tăng Ni đã về Phật Học Viện Quốc Tế từ ngày 15 để bắt đầu cho khóa an cư vào lúc 5 giờ sáng ngày 16 tháng 06 năm 2014. Năng lực của đại tăng đã làm cho khuôn viên của ngôi chùa này thêm an lạc và trong lành hơn. Khi được hỏi, đại tăng sẽ học hỏi gì trong mười ngày an cư này, Thượng tọa Nhật Huệ dù sức khỏe chưa bình phục nhưng rất cố gắng về khóa An Cư, cho biết: "Mỗi ngày có hai chủ đề như: Giáo pháp, Những biến động lớn của Phật giáo Việt nam, Con đường hoằng pháp tại Hoa Kỳ, Luật di trú của tu sĩ, Giới luật của tăng ni..."

Có thời khóa Sám hối mỗi ngày cũng như tọa thiền và tụng kinh vào mỗi sáng sớm. Ngoài ra, chư Tăng thay phiên nhau thuyết pháp cho chư thiện tín mỗi đêm. Một trong những ý nghĩa lớn của An Cư là sự hội ngộ của những tăng lữ Việt Nam đang hành đạo trên đất Mỹ. Họ cần một nơi để trở về và sống với nhau giữa những người tăng lữ. Họ cần được chia sẻ và trao đổi những kinh nghiệm hành đạo trên đất nước mới này mà nó khác biệt quá nhiều đối với tập quán, văn hóa Việt nam.

Những hình ảnh của các vị lão tăng thật là cảm động. Trưởng lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan, Chư Hòa Thượng Tín Nghĩa, Phước Thuận, Nguyên Trí, Nguyên An, Thái Siêu... luôn nở nụ cười niềm nở với chư Tăng Ni trẻ. Họ là những bậc đạo sư của lòng từ nhưng cũng khá nghiêm nghị. Tuổi tác, phẩm vị không là một khoảng cách trong mùa An cư ở đây. Ngược lại, nó biểu tỏ được tình thầy trò, huynh đệ, đồng tu và thêm nữa là tình ly hương.

Khi được thỉnh giáo Hòa Thượng Thắng Hoan, vị Thiền chủ của khóa An cư, Ngài trả lời: "Người thế tục, hằng năm họ cần phải tu nghiệp để nâng cao nghề nghiệp. Đức Thế tôn đã nhìn thấy điều đó và chỉ giáo cho hàng đệ tử của Ngài, người làm sự mệnh hoằng pháp, mỗi năm cũng phải bồi tu cho đạo hạnh chính mình bằng cách An Cư". Hơn thế nữa, Ngài nhấn mạnh đây là phương pháp tu tập để tăng trưởng đạo lực và tín tâm của người Phật tử ở Mỹ về ba phương diện thân giáo, khẩu giáo và ý giáo trên con đường truyền đăng tục diệm.

Số lượng của đại tăng trong mùa An cư năm nay là một nỗ lực lớn của cộng đồng Phật giáo Việt nam ở Hoa Kỳ. Phần lớn chư tăng ni là những vị trụ trì, lãnh đạo Phật giáo ở các thành phố và tiểu bang khắp nước Mỹ. Nước Mỹ rộng lớn, từ miền Trung và

Đông mà về đây thì mất cả ngày bay. Dù xa, dù bận, dù tốn kém tiền vé máy bay, nhưng vì phụng hiến đời mình cho Phật pháp, những tăng lữ này đã về một trú xứ để an cư và để sống trong một tăng đoàn hùng lực, an lạc.



Phật Học Viện Quốc Tế Nam California, nơi tổ chức Thập Nhật An Cư năm 2014



Chư Tăng trong khóa tu niệm tại chánh điện PHVQT



Chư Tăng Ni tham dự lớp học tại PHV Quốc Tế

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN IV, TỔ CHỨC TẠI TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL, THÀNH PHỐ SAN DIEGO, CALIFORNIA, TỪ NGÀY 29/5 ĐẾN 02/6/2014— LỄ KHAI MẠC



Photos: Hoavouu.com

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN IV, TỔ CHỨC TẠI TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL, SAN DIEGO, CALIFORNIA, TỪ NGÀY 29/5 ĐẾN 02/6/2014 — CÁC LỚP HỌC TIÊU BIỂU



Photos: Hoavouu.com

CHÉN TRÀ TÀO KHÊ

Thích Nguyên Tạng



Uống trà là một nét đẹp văn hóa truyền thống của Á Đông theo phương châm *"Binh minh nhất trà"* (sáng sớm một tuần trà, đây cũng là một phong cách đẹp bên trong của thiền. Mỗi buổi khuya, trước giờ công phu, thị giả dâng đến chư Tôn Đức những chén trà đạo vị của Trường Hạ Quảng Đức Úc Châu, khiến tôi nhớ đến mùi thơm của chén trà Tào Khê năm nào. Trong nhà Thiền ai cũng từng nghe qua câu *"Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn, Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở"*. Hay những cụm từ có tính cách kinh điển hóa như *"ăn cơm Hương Tích"*, *"uống trà Tào Khê"*, *"ngồi thuyền Bát Nhã"*, *"ngắm trăng Lăng Già"*.... Ở đây, trà Tào Khê là loại trà như thế nào?

Tào Khê, vốn là một địa danh nổi tiếng trong Phật Giáo. Thuở ban đầu Tào Khê là tên của một dòng suối chảy trước Chùa Hoa Nam, thuộc núi Song Phong, Quận Khúc Giang, Thành Phố Thiệu Quan, Tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa. Tương truyền vào năm 502 Tây lịch, một nhà Sư Ấn Độ tên là Trí Dược Tam Tạng đi thuyền sang Trung Hoa để truyền đạo. Khi thuyền đi ngang dòng Tào Khê, Ngài Trí Dược lấy tay vốc nước nếm thử, thấy thơm ngon, liền bảo: *"Đầu nguồn suối này ắt có nơi đất tốt"*. Ngài liền ngược dòng tìm lên nguồn, mở núi dựng chùa, đặt tên là Bảo Lâm Tự (sau này đổi thành Hoa Nam Tự). Về sau, Ngài Huệ Năng, vị Tổ đời thứ sáu của Thiền Tông Trung Quốc, đến đây hoằng pháp, thổi một luồng gió mới cho đời sống tu hành của người đệ tử Phật với pháp tu đồn ngộ. Từ đó hàng triệu đệ tử Phật khắp nơi đã nhờ vào pháp tu của Ngài mà đạt đến hạnh phúc, an lạc, giác ngộ và giải thoát.

Chính vì sự xuất hiện của Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê mà cảnh trí ở nơi này đã trở thành Phật cảnh, y báo và chánh báo của suối Tào Khê và Chùa Nam Hoa đều vĩnh viễn. Con người giác ngộ ở đâu thì cảnh vật ở nơi đó đều thay đổi, môi trường sống xung quanh trở nên mát mẻ và thanh thoát. Và cũng từ đó, nói đến Tào Khê là nói về Lục Tổ Huệ Năng và cõi giới tu hành của Ngài. Tào Khê đã trở thành một danh thắng tâm linh, là điểm đến của khách hành hương. Hiện nay có hàng vạn lượt người đổ về đây để chiêm bái mỗi ngày. Khách đến đây được đãi chén trà thơm lấy từ dòng suối Tào Khê trước Chùa, sẽ cảm thấy lòng mình an lạc sảng khoái đến lạ lùng. Chỉ cần được một ngụm trà Tào Khê rồi, hành giả sẽ không bao giờ có thể quên được hương vị độc nhất vô nhị của nó. Thật đúng như lời tự tình của một vị Thiền Sư *"Đến đây rồi niềm vui khó tả tình, chỉ nhìn thấy nụ cười luôn hé nở"*. Và cũng từ đó, dòng suối Tào Khê được xem là tượng trưng cho dòng nước cam lồ có tác dụng tẩy sạch phiền não, nhiễm ô, xóa tan đi mọi bụi trần khổ đau của nhân thế.

Trà Tào Khê thực sự là những giọt nước cam lồ mát dịu, một dòng suối từ bi chảy dài xuyên suốt qua bao thế kỷ, mang theo chất liệu mát ngọt của trí

tuệ và từ bi để nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng của bao thế hệ nhân sinh. Hình ảnh chén trà Tào Khê trong cửa thiền của Tổ Huệ Năng lưu lại nét đẹp lung linh kỳ ảo, nhìn vào đó ta thấy tất cả cội nguồn tâm linh của quá trình dẫn thân hành đạo của chư vị tiền bối, từ Phật Tổ Thích Ca; Sơ Tổ Ca Diếp; Nhị Tổ A Nan; Tổ 28 Ấn Độ và cũng là Sơ Tổ Trung Hoa, Bồ Đề Đạt Ma, rồi truyền xuống cho Huệ Khả; Tăng Xán; Đạo Tín; Hoảng Nhẫn và Huệ Năng.

Lục Tổ Huệ Năng (638-713) là người đặc đạo lúc chưa xuất gia, là vị Tổ thứ sáu của Thiền tông, là đệ tử truyền thừa của Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn. Ngài họ Lô (zh. 盧) sinh trong một gia đình nghèo, cha mất sớm nên không được đi học, lớn lên làm nghề bán củi để nuôi mẹ. Năm 22 tuổi, một ngày nọ, nhân đem giùm củi về nhà cho người mua, nghe lời Kinh của một người đang tụng, thấy hay, Ngài liền hỏi tụng Kinh gì, người đó bảo là Kinh Kim Cang, vì do đi lễ Chùa Đông Thiền ở Huyện Huỳnh Mai, xứ Kỳ Châu, nghe Tổ Hoảng Nhẫn giảng rằng nếu ai thọ trì Kinh Kim Cang thì sẽ thấy Tánh và thành Phật. Nhờ có nhân duyên từ kiếp trước, nên Ngài Huệ Năng đã được người giúp cho 10 lượng bạc để lo cho mẹ già, rồi Ngài an tâm lên đường để tìm đến Huỳnh Mai tu học. Đi bộ gần hai tháng trời mới đến nơi. Khi gặp Ngài, Ngũ Tổ hỏi: *"Con là người phương nào, đến đây cầu việc gì?"* Huệ Năng đáp: *"Con là người ở Lĩnh Nam, đến đây chỉ cầu thành Phật."* Ngũ Tổ bảo: *"Là người Lĩnh Nam, giống người dã man, thành Phật thế nào được?"* Huệ Năng thưa: *"Con người tuy phân có Nam Bắc, nhưng Phật tánh nào có Bắc Nam?"*

Qua cách đối đáp, Tổ Hoảng Nhẫn nhận ra ngay đây không phải là người thường, nhưng không truyền pháp ngay, cho xuống bếp làm công quả gánh nước, giã gạo... Hơn tám tháng sau, Ngũ Tổ thấy đã đến lúc phải truyền tâm ấn cho người kế thừa, nên tập chúng và ra lệnh cho chúng đệ tử mỗi người viết kệ trình bày sở chứng của mình. Lúc ấy chỉ có Thầy Thần Tú, một đệ tử lớn, tri thức xuất chúng, đã trình kệ: *"Thân thị Bồ đề thể, Tâm như minh cảnh đài, Thời thời cần phất thức, Vật sử nhạ trần ai."* Nghĩa là: *"Thân là cội Bồ đề, Tâm như đài gương sáng, Phải luôn nhớ lau chùi, Chớ để dính bụi trần."* Ngài Thần Tú so sánh thân người như cây Bồ đề và tâm người như đài gương sáng, người tu hành phải lo lau chùi, giữ tấm gương luôn luôn được trong sáng. Lúc ấy, Tổ Huệ Năng đang giã gạo trong bếp, nghe đọc bài kệ, biết người làm chùa tỏ ngộ đạo mẫu, nên Ngài đã nhờ người khác viết bài kệ của mình như sau: *"Bồ đề bản vô thọ, Minh cảnh diệc*

phi đài, Bồn lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai?" nghĩa là: "Bồ-đề vốn không cây, Gương sáng cũng chẳng đài. Xưa nay không một vật, Chỗ nào dính bụi trần?". Nghe bài kệ, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn biết Huệ Năng vượt hẳn Thần Tú, đã kiến tánh, nhưng sợ tổn hại đến Huệ Năng, nên nửa đêm gọi Ngài vào tịnh thất và thuyết trọn Kinh Kim Cang cho Ngài. Khi nghe đến câu "Ứng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm": **"Hãy nương nơi không có chỗ nương, mà khởi tâm kia"**. Tâm kia chính là tâm thanh tịnh, tâm giác ngộ, tâm giải thoát; có nghĩa là nếu để tâm mình dính mắc vào đối tượng nào đó thì mình bị ràng buộc, phiền não và khổ đau. Ngài Huệ Năng hoát nhiên đại ngộ và thốt ra bài kệ: "Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt, Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, Nào ngờ tự tánh vốn không dao động, Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn Pháp". Ngũ Tổ liền truyền y bát cho Ngài và khuyến nên đi về phương Nam để hành đạo.

Tiếp đó, trong suốt 15 năm, Ngài Huệ Năng vẫn trong thân phận là cư sĩ, ở ẩn trong nhóm người thợ săn và tùy nghi thuyết pháp cho họ. Họ bắt Ngài giữ lưới, thấy có thú rừng lọt vào thì mở ra thả, đến bữa ăn thì Ngài phương tiện ăn rau luộc gỏi trong nồi thịt của họ. Sau đó, cơ duyên đến, Ngài về chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, chứng kiến 2 vị Tăng tranh cãi quyết liệt, bất phân thắng bại về tấm phướn treo trước chùa. "Phướn động hay gió động?" Tổ Huệ Năng khai thị: "không phải gió động, cũng không phải phướn động, mà tâm các vị động," lúc ấy Thầy Trụ Trì Ấn Tông đến hỏi: "Nghe nói y pháp Huỳnh Mai đã truyền về phương Nam, phải chăng là hành giả đây?". Lúc đó Ngài mới tự nhận mình là truyền nhân của Ngũ Tổ. Sư Ấn Tông tổ chức lễ thể phát cho Ngài và nhận Ngài làm Thầy.

Sau đó, Tổ Huệ Năng bắt đầu giáo hóa ở chùa Pháp Tánh, rồi về Chùa Bảo Lâm ở suối Tào Khê và thành lập Nam tông Thiền Phái, xiển dương pháp tu đồn ngộ, tức chứng ngộ ngay tức khắc, một sự nhảy vọt bất ngờ, mang tính trực giác, trong lúc Ngài Thần Tú chủ trương tiệm ngộ, pháp tu giác ngộ từ từ theo thời gian, dùng suy luận, tu tập theo chỉ dạy của kinh sách mà giác ngộ. Trong cuộc tranh chấp giữa hai phái đồn ngộ và tiệm ngộ, pháp môn của Tổ Huệ Năng đã chứng tỏ sinh lực của mình, sản sinh ra vô số Đại sư và trở thành truyền phái đích thật của Phật pháp tại Trung Quốc và truyền ra nước ngoài,

còn phái của Ngài Thần Tú chỉ vài thế hệ sau là khô chết.

Sau đời của Tổ Huệ Năng, chén trà Tào Khê theo chân của các Thiền Sư truyền đến Việt Nam. Tại VN qua sự truyền thừa của Tổ Sư Minh Hoằng Tử Dung, khai sơn chùa Ấn Tôn, tức chùa Từ Đàm, Huế; Tổ Sư Minh Hải Pháp Bảo, khai sơn chùa Chúc Thánh, Quảng Nam; Pháp Phái Liễu

Quán xuất phát từ Tổ Liễu Quán quê ở Phú Yên, đệ tử cầu pháp với Tổ Sư Minh Hoằng Tử Dung. Thiền Phái Lâm Tế Liễu Quán đã phát triển rực rỡ ở Huế, Nha Trang, Sài Gòn và Lâm Tế Chúc Thánh qua sự giáo hóa của Tổ Minh Hải Pháp Bảo đã truyền trì và phát triển mạnh ở Hội An, Quảng Nam, Bình Định...

Pháp phái Lâm Tế Liễu Quán do Tổ Liễu Quán truyền theo bài kệ như sau:

*"Thiệt Tế Đại Đạo
Tánh Hải Thanh Trừng
Tâm Nguyên Quảng Nhuận
Đức Bồn Từ Phong
Giới Định Phước Huệ
Thể Dụng Viên Thông
Vĩnh Siêu Trí Quả
Mật Khế Thành Công
Truyền Trì Diệu Lý
Diễn Xướng Chánh Tôn
Hạnh Giải Tương Ứng
Đạt Ngộ Chơn Không".*

Pháp phái Lâm Tế Chúc Thánh do Tổ Minh Hải khai sáng được truyền thừa thứ tự theo bài kệ truyền pháp ở Quảng Nam như sau:

*"Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chơn Như Thị Đồng
Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu
Kỳ Quốc Tộ Địa Trường.
Đắc Chánh Luật Vi Tuyền
Tổ Đạo Giải Hạnh Thông
Giác Hoa Bồ Đề Tho
Sung Mãn Nhân Thiên Trung".*

Trong khi ở Bình Định, bài kệ này được truyền lại như sau:

*"Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chơn Như Thị Đồng
Vạn Hữu Duy Nhất Thế
Quán Liễu Tâm Cảnh Không
Giới Hương Thành Chánh Quả
Giác Hải Dũng Liên Hoa
Tĩnh Tấn Sanh Phước Huệ
Hạnh Trí Giải Viên Thông
Ánh Nguyệt Thanh Trừng Thủy
Vân Phi Nhật Khứ Lai
Đạt Ngộ Vi Diệu Tánh
Hoằng Khai Tổ Đạo Trường".*

Trong khi đó ở miền Bắc Việt thì có Phái Thiền Tào Động, do các Ngài Tào Sơn Bản Tịch (840-901) và Động Sơn Lương Giới (807-869) sáng lập từ Trung Hoa truyền vào, nhiều chùa được tạo dựng như Chùa Trấn Quốc, Chùa Hòe Nhai để truyền bá Phật Pháp. Nhìn chung, cả 3 phái Thiền từ Trung Hoa sau thời của Ngài Huệ Năng, phái Tào Động ở Đàng Ngoài dưới thời Chúa Trịnh, hai phái Lâm Tế Liễu Quán và Lâm Tế Chúc Thánh truyền ở Đàng Trong dưới thời Chúa Nguyễn, về sau đều phát triển và ảnh hưởng rộng khắp trên toàn cõi VN, từ Ai Nam Quan cho đến Mũi Cà Mau. Đặc biệt sau 1975, các dòng Thiền này được người con nước Việt truyền ra và phát triển mạnh ở Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu & Úc Châu. Mong rằng chư Tôn Đức Tăng Ni khi làm lễ quy y cho các đệ tử, nên đặt pháp danh theo các bài kệ truyền thống trên để gìn giữ mạng mạch truyền đăng tục diệm, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.

Dòng suối Tào Khê cũng chảy xuống xứ sở Triều Tiên một cách mạnh mẽ, hiện tại tông phái Thiền sâu rộng nhất là Thiền phái Tào Khê (Jogye)



được Thiền Sư Đạo Nghi (Myeongjeok Doui, 1301-1382), một Tăng sĩ Hàn Quốc nổi tiếng trở về từ Trung Hoa vào năm 1346 và lập nên Thiền phái này trong triều đại Tân La Thống Nhất (Unified Silla). Ngài cho rằng Thiền là một pháp tu tốt nhất để đạt tới giác ngộ. Những bộ kinh căn bản của Thiền phái này là Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Bát Nhã, Kinh Kim Cang và Kinh Pháp Bảo Đàn. Có khoảng 1725 ngôi chùa là chi nhánh ở khắp trong và ngoài Triều Tiên, và có khoảng 10.056 Tăng Ni và khoảng gần 10 triệu Phật tử qui y theo phái Tào Khê này.

Bên cạnh Triều Tiên, dòng suối Tào Khê cũng chảy qua xứ hoa Anh Đào Nhật Bản vào thế kỷ thứ 9 từ Trung Hoa, tại đây hai Thiền phái Lâm tế và Tào Động đều ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của Lục Tổ Huệ Năng.

- Thiền phái Lâm Tế (Rinzai Sect): Do công khai sáng của Thiền Sư người Nhật Vinh Tây (Eisai, 1141-1215). Ngài xuất gia từ năm mười ba tuổi ở chùa An Dưỡng (Annyo) ở Kibitsu. Ngài đã đến Trung Hoa để học đạo trong hai lần, vào những năm 1168 và 1187. Lần sau cùng Ngài về đến Nhật vào năm 1191 và xây dựng chùa Shofuku ở Hakata. Ngôi chùa này được xem là ngôi chùa đầu tiên trên đất nước này. Năm 1215, triều đình Nhật xây dựng Chùa Kiến Nhân (Kennin-ji) tại Kyoto, Ngài được thỉnh về chứng minh Đạo Sư cho ngôi già lam này. Ngài cũng được xem là người có công trong văn hóa uống trà của Nhật, Ngài đã mang giống trà từ Trung Hoa về trồng ở Nhật. Vị Thiền Sư nổi tiếng của Thiền phái này về sau là Ngài Bạch Ẩn (Hakui Ekaku, 1685-1786) với những tác phẩm để lại cho đời. Ngày nay ở Nhật có 14 chi phái thuộc dòng Thiền này, tuy không hợp nhất về tổ chức, nhưng vẫn theo đuổi lý tưởng ban đầu của Tổ Sư Vinh Tây. Thiền Tào Động (Soto/Tsao-tung): Là một trong năm Thiền phái chính của Trung Hoa và là một trong mười ba Tông phái chính của PG Nhật. Đây là một Thiền phái kiểu mẫu như để so sánh với Thiền Lâm Tế. Nếu Lâm Tế thích ứng với giới thượng lưu trí thức, thì Tào Động lại gần gũi với tầng lớp bình dân. Thiền Tào Động được Thiền sư Đạo Nguyên (Dogen, 1200-1253) khai sáng. Ngài Đạo Nguyên vốn là đệ tử của Tổ Vinh Tây, sau đó Ngài sang Trung Hoa du học và trở về Nhật Bản xây dựng Thiền phái này. Người kế thừa và làm lớn mạnh dòng Thiền này là Thiền Sư Suzuki Shosan (1579-1653). Hiện nay ngôi già lam chính của Thiền phái này là Chùa Tổng Trì (Soji-ji) ở Yokohama do Thiền Sư Hành Cơ (Gyogi, 666-749) tạo dựng năm 1321.

Sự phát xuất của lá trà Tào Khê cũng lung linh kỳ tuyệt, đó là lá trà của Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Năm xưa, lúc Ngài từ Ấn sang Trung Hoa để truyền đạo, vì chưa đến cơ duyên để khai thị cho Vua Lương Võ Đế, nên đã vào núi Thiếu Lâm để thiền tọa 9 năm, chờ đợi thời cơ, trong lúc thiền tọa Ngài ngủ gật, bực mình, Ngài đã đưa tay xé mí mắt của mình, vứt xuống đất, ngay tại đó, đã mọc lên một loại cây có lá xanh tươi, lấy lá đó nấu nước uống, tỉnh thức đến kỳ, về sau người ta gọi đó là lá trà. Giờ đây chúng ta uống chén trà này, lá trà lấy từ Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma và lấy nước từ suối Tào Khê của tổ Huệ Năng, để tạo nên một chén trà tỉnh thức giác ngộ. Đó là một hình ảnh tuyệt mỹ lấp lánh có một không hai trên thế gian này.

Tóm lại, dòng chảy giác ngộ và tỉnh thức kia đã bắt nguồn từ đỉnh Hy Mã Lạp Sơn Ấn Độ, rồi chảy xuống Trường An, Lạc Dương, rồi nối kết với dòng suối Tào Khê ở Quảng Châu, rồi chia ra thành 5 nhánh (1. Lâm Tế, 2. Quy Ngưỡng, 3. Tào Động ,



thơ

ĐÔI MÂY

*Chập chùng đôi núi mây vô ngại
Thênh thang trang giấy nốt nhạc trầm
Bùn sen ngan ngan trắng đại hải
Cánh cửa xuân thì đương mưa râm.*

*Ào ào lau sậy đàn theo gió
Máu tim say mãi cuộc sum vầy
Người về đầu đỏ sương lan tỏa
Bóng bênh vạn pháp trắng đôi mây.
Người bơi qua biển, bơi qua lửa
Bờ bến như lai gió xạc xào
Bát cơm ai thổi thơm từng bữa
Sóng bủa nghe ra cũng ngọt ngào.*

*Em ạ! Chiều nay mưa rơi nhẹ
Mình về thấp lại ngọn đèn xưa
Dưới ánh trăng khuya màu quạnh quẽ
Tắc dạ chìm theo với gió lùa.*

LÝ THỪA NGHIỆP

4. Vân Môn, 5. Pháp Nhãn), trong đó, có nhánh chảy qua Triều Tiên, Nhật Bản, có nhánh chảy vào Việt Nam, rồi lan truyền đến các quốc gia phương Tây. Dòng suối mát Tào Khê hiện đã chảy vào các vùng đất lạ ở trên toàn cầu như Trung Đông và Châu Phi. Dòng suối mát Tào Khê, chảy đến đâu đều mang lại đặc chất mát dịu, ngọt ngào và tỉnh thức đến đây, ai đó có duyên may uống được ngụm trà Tào Khê này lập tức nhận ra đường đi lối về của nhân quả nghiệp báo, để rồi lo tỉnh tu giác ngộ và giải thoát.

Viết tại Trường Hạ Quảng Đức kỳ 15, 2014
Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng

ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN

ROBERT TRAER

Thích nữ Tịnh Quang dịch



Một sự phân tích về Phật giáo xác minh rằng nhân quyền có thể bắt đầu ở Ấn Độ, nơi sinh của Phật giáo. Vào năm 1956, BR Ambedkar, người đạo Hindu đã quy y Phật giáo và đưa gần 4.000.000 người giai cấp "hạ tiện" khác cùng quy y.[1]

Sangharakshita, một Phật tử đã đóng một vai trò quan trọng trong phong trào cải đạo hàng loạt mà Ambedkar vận động, các ký giả viết về Ambedkar:

Cuối cùng, sau nhiều năm không thành công của cuộc đấu tranh cho nhân quyền cơ bản đối với dân tộc của mình, ông đã buộc phải nhận ra rằng sẽ không thay đổi được trái tim Giai cấp của Ấn Độ giáo, và rằng, xóa bỏ giai cấp, phản kháng học thuyết Hindu mà ông ta từng nói một cách nhiệt tình đó chỉ là giấc mộng.[2]

Đầu năm 1935, Ambedkar đã bị đe dọa khi bỏ Ấn Độ giáo, trong một bài phát biểu trước một cuộc họp của những giai cấp thấp, ông ta "nói một cách cay đắng về sự thất bại đối với những nỗ lực của họ để bảo đảm những nhân quyền căn bản như là các tín hữu của cộng đồng Hindu." [3]

Ambedkar đã cân nhắc việc cải sang đạo Sikh, nhưng cuối cùng thừa nhận rằng chỉ có tính cách của Đức Phật và Chúa Kitô quyền rũ ông. Tuy nhiên, hệ thống đẳng cấp đã được quan sát thấy trong các nhà thờ Kitô giáo của miền Nam Ấn Độ, và Ambedkar cảm thấy cộng đồng Kitô hữu đã không có tinh thần chiến đấu chống lại sự bất công xã hội, ông đã chuyển sang Phật giáo.[4]

Ambedkar đã viết rằng triết lý của ông đã được "niêm yết" trong ba từ: tự do, bình đẳng và tình huynh đệ.

Tuy nhiên, không ai nói rằng tôi đã vay mượn triết lý của tôi từ cuộc Cách mạng Pháp. Tôi đã không. Triết lý của tôi có nguồn gốc tôn giáo và khoa học chính trị. Tôi đã tìm thấy những lời dạy của sư phụ mình, Đức Phật.[5]

Ông ta cho rằng tình huynh đệ là tên khác cho dân chủ, đó là "một thái độ cơ bản về sự tôn trọng và tôn kính hướng đến những người cộng sự." [6] Đức Phật đã biến đổi thái độ tôn trọng và vâng mệnh bao hàm trong các khái niệm giáo pháp của dân tộc Hindu trở thành một đạo đức phổ quát. Bằng cách chấp nhận các thành viên của "hạ cấp" và phụ nữ vào Tăng đoàn, Đức Phật đã thực hiện "những bước cụ thể để tiêu diệt các định chế bất bình đẳng." [7]

Ambedkar lập luận rằng đối với Phật tử giáo pháp là đạo đức phổ quát để bảo vệ kẻ yếu từ kẻ mạnh, cung cấp các nguyên tắc, tiêu chuẩn và mô hình chung, và biện pháp bảo vệ sự phát triển của cá nhân. Đó là những gì làm cho tự do và bình đẳng có hiệu quả... [8]

Đối với Ambedkar, tình huynh đệ "không là gì, nhưng một cái tên khác cho tình huynh đệ của con người nằm trong ý nghĩa danh xưng đối với đạo đức. Đây là lý do tại sao Đức Phật thuyết giảng về

Dhamma, đó là Giáo pháp [dharma] đạo đức bởi Dhamma là thiêng liêng cho nên mang tính đạo đức toàn diện." [9]

Phê bình

Nhiều Phật tử đang lưỡng lự trong việc xác định giáo pháp với quyền con người. Học giả Phật giáo Masao Abe viết rằng "từ ngữ chính xác của phạm trù 'nhân quyền' theo nghĩa phương Tây không thể được tìm thấy ở bất cứ đâu trong văn học Phật giáo." [10] Khái niệm phương Tây về nhân quyền liên quan duy nhất chỉ dành cho con người. Khác với điểm này, trong Phật giáo một con người thì không chỉ được bao hàm từ quan điểm của con người, có nghĩa là, không chỉ đơn giản là một căn bản của trung tâm điểm [anthropocentric], nhưng trên cơ sở triết học vũ trụ xuyên suốt tâm thể rộng lớn hơn nhiều. Cụ thể hơn, trong Phật giáo, loài người được biết như là một phần của tất cả chúng sinh hoặc thậm chí là một phần của tất cả chúng sinh, có tri giác và không tri giác (sentient và nonsentient), bởi vì cả hai, con người và loài khác người (human và nonhuman beings) đều có giá trị như nhau, đó là tạm bợ và vô thường (transiency và impermanency). [11]

Vì vậy, tự thân con người cũng là vô thường, hoặc quan hệ đến chúng. Khái niệm về tự ngã đồng nhất tuyệt đối hoặc cái tôi thực thể, vĩnh cửu là một cấu trúc quan niệm không thực được tạo ra bởi tự ý thức của con người. Phật giáo gọi nó là Maya, hay ảo tưởng, và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tỉnh giác với Vô ngã bằng việc thoát khỏi ảo giác này trong sự hiểu biết về tự ngã. [12]

Mặc dù bản ngã và tự nhiên là khác biệt lẫn nhau về mức độ tương đối, "trên mức tuyệt đối chúng nó như nhau và hòa lẫn với nhau vì sự thiếu vắng của bất kỳ sự cố định, thực thể cá nhân nào đó." [13]

Vì lý do này, Abe xác định rằng, Phật giáo khác nhau hoàn toàn từ các truyền thống tôn giáo độc thần.

Trong truyền thống Do Thái-Kitô giáo, vấn đề nhân quyền và nghĩa vụ của con người đối với người khác phải được xem xét trong mối quan hệ mệnh lệnh độc quyền của Thiên Chúa tối cao, trong khi đó trong Phật giáo, cùng một vấn đề lại đòi hỏi sự thấu hiểu liên quan đến tất cả chúng sinh trong vũ trụ. Sự khác biệt này chỉ ra rằng trong Phật giáo sự xung đột giữa nhân quyền và tự do tôn giáo trở nên ít nghiêm trọng... [14]

Nó cũng có nghĩa rằng đối với Phật tử tính chất tự nhiên thì không có nhiều sự phụ thuộc vào con người hơn là con người đối với thiên nhiên. Phật giáo cung cấp một loại quan điểm sinh thái về đời sống: "Theo giới căn bản 'Không sát sinh,' các quyền lợi đối với súc vật và thực vật cũng được nhìn nhận tương đồng như quyền lợi của con người." [15] Trên cơ sở phân tích Phật giáo như thế, Abe làm các khuyến

ngợi sau đây để thúc đẩy nhân quyền và khắc phục tính không khoan dung của tôn giáo. Thứ nhất, chấp chặc vào giáo lý và tín điều nên được loại bỏ, vì đây là nguyên nhân của sự không khoan dung. Thứ hai, trí tuệ chứ không phải là công lý cần phải được đề cập, vì đây là cơ sở của lòng từ bi và tình yêu. Thứ ba, truyền thống độc thần phải được hiểu đồng nhất của thực tại tối hậu trong một phương cách bất nhị để tránh xa sự độc đoán và thái độ không khoan dung đối với các truyền thống khác.[16]

Tương tự như vậy, Kenneth Inada thừa nhận tầm quan trọng của nhân quyền, nhưng cho rằng đối với Phật tử nhân quyền là "phụ thuộc cho các vấn đề lớn hơn hoặc nhiều yếu tố cơ bản đối với bản chất con người." [17] Bản chất con người được hiểu như là một phần của tiến trình "tương duyên (paticcasamupada)," đó là học thuyết vĩ đại nhất của Phật giáo: Nó có nghĩa rằng, trong bất kỳ tiến trình cuộc sống, sự phát sinh một biến cố kinh nghiệm là một tổng thể, bao hàm sự liên quan. Một biến cố đặc biệt không phát sinh trong lý không, nó cũng không đưa đến kết quả bởi việc áp dụng của sự thúc đẩy dành cho các yếu tố bên ngoài. Nó là một sự xuất hiện duy nhất đó là hoàn toàn phụ thuộc vào hoặc liên quan đến tất cả các yếu tố hiện diện trong môi trường xung quanh. Như vậy, bên trong quá trình này là không có gì rời rạc hoặc có bất kỳ khoảng trống, vì nó liên quan với sự hoàn toàn đầy đủ của tất cả các yếu tố hiện diện. Mỗi sự quan hệ là đầy đủ trong chừng mực như tiến trình trình được liên quan. Điều này có nghĩa rằng yếu tố quan hệ là một cách cụ thể nhất trong quá trình cuộc sống tiếp diễn.[18]

Đây là Giáo Pháp (Pháp), Đức Phật nói: "Ai thấy được duyên sanh thì người đó thấy được Pháp và Người nào thấy Pháp thì người đó thấy được duyên sanh." [19] Vì vậy, "có sự liên hệ thân mật và quan trọng đối với quý tặc Phật giáo hoặc giáo pháp với Nhân quyền." [20] Bồ tát là hiện thân cho sự tồn tại lý tưởng, vì vị ấy bước vào tâm thể của con người: Trong sự quan tâm của Phật giáo về đồng loại, nó đưa ra minh họa cụ thể nhất của học thuyết về sự quan hệ nhân duyên-trong đó mỗi một yếu tố bao hàm trong mỗi yếu tố khác... Đó không chỉ là sự khởi đầu của sự hòa hợp với các chúng sinh khác, nhưng quan trọng hơn, yếu tố hòa hợp nằm trong sự thay đổi xung quanh vũ trụ.[21]

Lý tưởng Bồ Tát nhắc nhở chúng ta rằng không có kinh nghiệm cá nhân, thực tại, vì nó "bảo chúng ta về" bình đẳng, tự do, và an toàn từ quan điểm tổng thể." [22]

Nhân quyền là một phần mở rộng đối với bản chất con người. Như vậy, trong quan điểm Phật giáo chúng xuất phát từ những mối quan hệ về quyền lợi của con người.

Nhân quyền là những vấn đề pháp lý có thể được làm thành luật pháp, nhưng chỉ đến một mức độ nhất định nào đó, đặc biệt là trong một thế giới phân cách. Tuy nhiên, bản chất con người là một vấn đề tồn tại mà không thể bị kiểm tra dưới luật pháp và cũng không thể định lượng được, do đó, người ta phải dùng phương sách với việc tự tin và tự thực hiện để tìm kiếm sự tồn tại duy nhất cho chính mình.[23]

Inada kết luận rằng "khi các chính phủ có thể để cung cấp một bầu không khí thuận lợi đáp ứng đầy đủ cho đời sống cá nhân bằng phương cách thoáng mở và sự tiếp xúc tự do đối với tất cả, câu hỏi về nhân quyền đặt trên bản chất con người nên được cân nhắc thoải mái hơn, nếu không giải quyết

được vấn đề." [24]

Taitetsu Unno khẳng định: "Thực tế là truyền thống Phật giáo trong lịch sử quá khứ của nó đã có rất ít điều để nói về quyền cá nhân, trong nhận thức hiện tại về thuật ngữ này nó không có nghĩa rằng Phật tử đã không quan tâm đến tình trạng tốt cho con người, với phẩm cách và tự do ý chí" [25] Thêm nữa, ông ta lập luận rằng Phật giáo hiện đại "phải làm rõ những gì nó đã cung cấp đối với khái niệm về quyền cá nhân và sự thực hiện của nó cho tất cả mọi người." [26]

Unno tin rằng, chìa khóa đối với sự đóng góp của Phật giáo là khái niệm của chính nó về tự thân con người. Mỗi cá nhân là một phần của sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả cuộc sống. Như vậy, giáo lý Vô ngã (anatman) có thể tạo nên sự đánh giá cao về con người hơn là những thực thể hoặc cá nhân. Nhận thức này giải phóng một người từ các khái niệm nô dịch và tập quán của văn hóa và tôn giáo, chẳng hạn như những người chịu áp đặt bởi các truyền thống đẳng cấp Ấn Độ giáo.

Bằng cách phủ nhận các căn bản siêu hình của giá trị và định chế truyền thống, thay vào đó, Đức Phật khẳng định tính chất quyết định của hành vi và đạo đức con người bằng việc nhận ra những gì là thực sự con người. Ngài cũng nhấn mạnh sự tin tưởng vào sức mạnh của lý giải và lý do tự trị và từ chối mặc khái, quyền hạn, và truyền thống như các nguồn gốc của sự hiểu biết.[27]

Tăng đoàn là kiểu mẫu hình ảnh của con người, là "một xã hội bình đẳng- không phân biệt dòng giống hoặc đẳng cấp hay giàu nghèo, đàn ông hoặc phụ nữ." [28] Tất cả là con người trong mối quan hệ với những người khác và thiên nhiên, bởi đức hạnh cư xử và nhân cách của họ.

Quyền là một sự phản ánh của sự thực tương quan này. Khi một người nhận ra sự liên kết của mọi sự sống, người ta nhận ra rằng các quyền cơ bản không chỉ dành cho con người nhưng cho tất cả chúng sinh, cũng như đối với cả thiên nhiên của chính nó. Unno khẳng định: tôn trọng cá nhân và công nhận quyền lợi không phải thuộc về mặt tính nhưng là thực tế năng động khiến cho nó bắt buộc rằng khi chúng ta khẳng định các quyền cá nhân của riêng của chúng ta, chúng ta cũng phải sẵn sàng từ bỏ chính mình để khẳng định quyền của người khác. Tuy nhiên, khi chúng ta khẳng định chỉ có quyền lợi của riêng mình nhờ sự nương vào các quyền lợi của người khác, bao gồm các quyền của nhân loại trong tự nhiên, một quốc gia hay chủng tộc hơn người khác, một niềm tin hoặc quan điểm hơn người khác, chúng ta trở thành kẻ độc tài và áp bức.[29]

Chỉ với sự hiểu biết đối với sự thực tương quan sẽ khẳng định nhân quyền đóng góp cho một xã hội công bằng. Trong cách này chúng ta sẽ thấy rằng cá nhân không phải là "nhân vật trong số nhiều, nhưng như là đối tượng tuyệt đối, sự phủ định của nhiều; và nhiều không chỉ đơn giản là một bộ sưu tập của những người khác, nhưng nhiều người bằng với lợi thể chung, sự phủ định về những người riêng biệt đưa đến nhiều cách khác nhau." [30]

Trong khi Bồ Tát là một ngoại lệ, tất cả mọi người có thể sống với một cảm giác của lòng biết ơn đối với sự tương thuộc của thực tại trong sự xác nhận rằng "một cuộc sống với hạnh nguyện và hy sinh cho vô số người khác, bao gồm những ân phúc đối với thiên nhiên." [31] Người Nhật thường biểu hiện "Okagesama" phản ánh của lòng biết ơn khiêm tốn này.

[*\(xem tiếp trang 60\)*](#)

Nửa đêm thức dậy, bỗng nhớ mấy câu thơ của Trịnh Công Sơn, rồi lại nhớ mấy câu của Bùi Giáng...

Trịnh Công Sơn không những là nhạc sĩ thiên tài, mà còn là một thi sĩ tuyệt vời.

Bùi Giáng không những là một thi hào thượng thừa, mà còn là một gã điên "lùng lắt."

Họ, những thiên tài con Phật, đã nói thay chúng ta rất nhiều điều mà ngôn ngữ hạn hẹp của chúng ta không thể với tới. Thơ của họ là những bài pháp về vô thường, khổ, không, vô ngã... về lòng tử bi vô lượng. (Vinh Hào)

THEO ÁNG MÂY BAY

*Tháng năm dòng nước trôi xa
Người qua, người sẽ đi qua những người
Tôi qua... không một hẹn lời
Hẹn hò chi bấy, bước dời về đâu?*

*Tặng đời đóa đóa hoa sầu
Nhớ nhau từ đóa mộng đầu rã đôi
Giọt nước như giọt mưa rơi
Mỗi mùa mưa đến tôi ngồi chấp tay*

*Mưa về đọng ở hàng mi
Mắt tôi hồng lệ dựng xây hồng vàng
Đèo bông đeo đuổi đã mang
Đầy xưa u oán, đá vàng hiêu cho*

*Đi đi lỡ bước sang đò
Cuồng ca túy vũ không dò lênh đênh
Đi đi suốt kiếp mỗi đêm
Nhọc nhằn đã lắm còn lênh đênh hoài*

*Giọt mưa gõ nhịp dẻo dai
Hoàng hôn gõ nhánh cửa cài kín bùng
Đi đi tình mộng vô chừng
Đắm chiêu vô tận ngại ngừng vỡ toang*

*Như tia nắng biếc chiều tàn
Lửa đời thoi thóp khôn hàn trái tim
Niềm vui níu nhánh mộng chìm
Tâm hồn cô độc tâm tình tìm nhau*

*Gom từng cơn nắng nhỏ chơi
Nụ cười hiu hắt phành phơi nổi đời
Nhánh đời gió lộng trùng khơi
Nhặt lên thả xuống chiều vơi vơi bay.*

BÙI GIÁNG



MỘT CỐI ĐI VỀ

*Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một
Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về*

*Lời nào của cây lời nào cỏ lạ
Một chiều ngồi say một đời thật nhẹ ngày qua
Vừa tàn mùa xuân rồi tàn mùa hạ
Một ngày đầu thu nghe chân ngựa về chốn xa*

*Mây che trên đầu và nắng trên vai
Đôi chân ta đi sông còn ở lại
Con tình yêu thương vô tình chợt gọi
Lại thấy trong ta hiện bóng con người*

*Nghe mưa nơi này lại nhớ mưa xa
Mưa bay trong ta bay từng hạt nhỏ
Trăm năm vô biên chưa từng hội ngộ
Chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà*

*Đường chạy vòng quanh một vòng tiểu tụy
Một bờ cỏ non một bờ mộng mị ngày xưa
Từng lời tà dương là lời mộ địa
Từng lời bể sông nghe ra từ độ suối khe*

*Trong khi ta về lại nhớ ta đi
Đi lên non cao đi về biển rộng
Đôi tay nhân gian chưa từng độ lượng
Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì.*

*Hôm nay ta say ôm đời ngủ muộn
Để sớm mai đây lại tiếc xuân thì.*

TRỊNH CÔNG SƠN



CHÂN KHÔNG - DIỆU HỮU

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Lam Viên bốn phương,

Người Huynh trưởng GDPT cái gì cũng phải biết vì các em của chúng ta, bạn bè của chúng ta trong tổ chức này gồm đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi thành phần xã hội, đủ mọi giai cấp và trình độ v.v... Ngoài ra Đạo và Đời không thể tách rời nhau cũng như trước khi muốn làm Phật phải biết làm người. Đó là lý do tại sao hồi trước chúng ta học có 5 thừa (Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ tát thừa) nghĩa là 5 hệ thống giáo dục mà người Phật tử phải trải qua trước khi thành Phật.

Rồi theo năm tháng, trưởng thành trong tu học, chúng ta đã biết đến tánh Không, đến lý Bát nhã v.v... nhưng có vài anh chị em cho rằng tánh Không là do Phật giáo chủ trương. Xin thưa là không phải vậy! Đức Phật đã dạy: dù chư Phật có ra đời hay không, Phật Pháp vẫn có mặt tự muôn đời; chư Phật nói chung và đức Phật Thích Ca nói riêng, chỉ là người phát hiện ra những qui luật muôn đời đó để dạy cho đệ tử của mình. Những nhà hiền triết, những bậc đạo sư trên đời này cũng đã có rất nhiều, hoặc đồng thời hoặc trước, hoặc sau đức **Phật Thích Ca** của chúng ta (Ấn Độ, 623_543 trước TL) như:

Khổng Tử (Trung Hoa, 551_479 trước TL)

Lão Tử (Trung Hoa, thế kỷ thứ VI_ thế kỷ thứ V trước TL)

Platon (Hy Lạp, 427_347 trước TL)

Socrate (Hy Lạp, 470_399 trước TL) v.v...

Sắp theo thứ tự thời gian chúng ta có:

Đức Phật -> Lão Tử -> Khổng tử -> Socrate -> Platon...

(Ở Trung Hoa, Lão tử và Khổng tử xem như đồng thời với nhau; Ở Hy Lạp, Socrate và Platon cũng vậy)

Thưa Anh Chị Em,

Lão tử thì chủ trương **Vô vi** mà Khổng tử thì chủ trương **"làm sáng cái đức sáng"** nên hôm nay ACE chúng ta được nghe câu

chuyện Đạo thú vị giữa hai vị thánh nhân ấy để suy gẫm.

Một hôm Khổng tử đến kinh đô nhà Chu tìm Lão Tử để hỏi Đạo, Lão tử đích thân ra đón tiếp, vô cùng trọng vọng. Khổng tử hỏi Lão tử về rất nhiều vấn đề từ nhân sinh đến vũ trụ. Cuối cùng Lão tử nói với Khổng tử: "Ngài học quá nhiều! Tiếc rằng toàn những lời của cổ nhân. Họ đã chết lâu rồi, lời của họ cũng đã rục nát từ lâu; sao ngài cứ còn "nhai đi nhai lại" làm chi vậy? Đã thế, đi đến đâu ngài cũng tỏ ra là "chí minh, đỉnh cao của trí tuệ" sáng và nóng hơn cả mặt trời giữa buổi trưa mùa hè. Ngài không cảm thấy thiên hạ nóng mặt vì "cái chí minh" đó sao?" Khổng tử lắng nghe lời chỉ giáo của Lão tử, xong lặng lẽ cáo lui. Trở về, Khổng tử đóng kín cửa, ba ngày không tiếp khách, cũng không lên lớp dạy học. Các đệ tử của ngài ngỡ ngàng nhìn nhau không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Hôm sau thầy Tử Lộ, một đại đệ tử của đức Khổng tử, mới hỏi: "Thầy đàm đạo với Lão tử có gì lạ không, thưa Thầy?" Khổng tử đáp: "Ta nghe lời Lão nói, mở miệng ra mà không ngậm lại được. Ta thấy cá bơi, biết có thể bắt bằng lưới; thú chạy có thể bẫy; chim bay có thể dùng cung tên mà bắn... Con rồng ẩn hiện biến hoá không lường được, hết biết nổi! Than ôi! Nay ta thấy Lão Tử như gặp rồng."

Hiện nay thiên hạ của thế kỷ 21 đã biết đến Lão Tử, tác phẩm Đạo Đức Kinh của Lão Tử đã được dịch ra nhiều thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Nhật, Đức... báo New York Times đã tôn vinh Lão Tử là một trong 10 bậc thượng thủ tiêu biểu cho văn hoá tối cổ của nhân loại.

Trong Đạo Đức Kinh, Lão tử dạy về "Có và Không" như sau:

"Không" là tên gọi lúc khởi đầu Trời Đất

"Có" là tên gọi lúc nảy sinh Vạn vật

Nên lấy cái Không để chiêm ngưỡng sự diệu kỳ

Nên lấy cái Có để xem xét cái tinh vi

Hai cái đó xuất hiện đồng thời, cùng nơi mà khác tên nhau

Vừa đông lại vừa dị, nên gọi là Huyền

Một huyền lại một huyền, nên gọi là Diệu

Cảnh giới Huyền Diệu của Sự Thật thường hằng

Thưa Anh Chị Em,

Câu chuyện giữa hai nhà hiền triết Khổng Tử và Lão tử làm chúng ta nhớ đến những giai thoại giữa trưởng giả Duy Ma Cật với chư vị đệ tử Thanh Văn của Phật như ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, ngài A nan v.v... và những lời bàn về Có-Không của Lão tử gợi cho ta nhớ đến "Chân Không - Diệu Hữu" của nhà Phật. Có phải chăng "Những tư tưởng lớn gặp nhau" – mặc dù đức Phật Thích Ca sống trước Lão Tử hơn một thế kỷ?

Kính chúc Anh Chị Em Lam viên 4 phương một ngày cuối tuần an lạc và thành thời.

Trân trọng,

BBT





NGHE PHÁP

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Mặc dù chúng ta đã từng dạy cho đàn em mình “nghệ thuật nghe Pháp thoại” nghĩa là chúng ta đã biết thái độ nghe Kinh, nghe Pháp, phải như thế nào mới đúng cách, nhưng đôi khi chúng ta vẫn còn phạm nhiều sai lầm trong vấn đề này, nhất là nghe quý Thầy giảng Kinh qua hệ thống viễn liên hay nghe bằng kinh, v.v... Điều đáng lưu ý là không những chúng ta ngày nay mà hồi xưa, lúc đức Phật còn tại thế cũng đã có những người nghe Kinh, học Kinh thiếu nghiêm túc rồi. Xin chia sẻ với ACE câu chuyện về nghe Pháp và nguyên nhân của chướng ngại khiến người ta khó lòng nghe hiểu chánh Pháp.

Thuở đó, có 5 người đệ tử tại gia của đức Phật đến nghe ngài giảng Pháp tại chùa Kỳ Viên. Trong khi đức Phật đang giảng nói, một người ngồi ngủ gục, một người lấy ngón tay vẽ vạch dưới đất, người thứ ba ngồi phía sau gần gốc cây, lắc nhẹ vào cành lá, người thứ tư ngẩng đầu lên nhìn bầu trời, còn người thứ năm ngồi gần bên đức Phật chăm chỉ nghe lời Phật, chẳng bỏ sót câu nào. Tôn giả A Nan đứng hầu bên cạnh Phật, nhìn thấy rất rõ cả năm người nên khi đức Phật giảng xong, tôn giả thưa riêng với ngài về thái độ nghe kinh của họ. Đức Phật nói: “Này A Nan, năm người cư sĩ này còn chưa dẹp bỏ xong các thói quen của họ trong kiếp trước. Người ngồi ngủ gục, kiếp trước vốn là một con rắn, thường khoanh mình lại nằm trong cỏ, ngủ triền miên. Người thứ hai thì kiếp trước là một con trùn thường chui qua chui lại trong đất. Người thứ ba kiếp trước là một con khi, cứ luôn chuyển cành nọ sang cành kia. Người thứ tư, đời trước là một nhà chiêm tinh cứ ngẩng đầu lên xem các vì sao trên trời, còn người thứ năm kiếp trước là một nhà toán học. Này A Nan, cần phải chú tâm chăm chỉ mới biết nghe Chánh Pháp. Vẫn còn rất nhiều người chẳng biết chú ý lắng nghe.”

Tôn giả A Nan thưa hỏi:

“Bạch đức Thế tôn, có những sự ngăn cản nào khiến cho người ta không nghe hiểu được chánh pháp đang giảng nói?” Đức Phật đáp: “Có 3 thứ độc lớn ngăn cản người nghe khó lòng thấu hiểu được chánh pháp, đó là: tham, sân, si, nhất là tham, lửa tham đốt cháy tâm tất cả chúng sanh không hề ngưng nghỉ.” Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

Lửa nào bằng lửa tham

Chấp nào bằng sân hận

Lưới nào bằng lưới si

Sông nào bằng sông ái

(Kệ số 251 Kinh Pháp Cú)

Nhà thơ Phạm Thiên Thư dịch:

Lửa nào bằng tham dục

Ngục nào bằng tâm sân

Lưới nào hơn mê đắm

Sông ái dục nhận chìm.

Lời dạy của Đức Thế Tôn áp dụng vào thời nào cũng đúng. ACE chúng ta dù kiếp trước không phải là con rắn hay con khi, kiếp này vẫn ham ngủ và có thể ngủ gục khi đang nghe giảng Pháp (ở nhà hay ở trại đều có thể ngủ ngon lành!!); cũng có thể ngồi nghe giảng mà tâm đang đang ở mãi tận đầu đầu (“tâm viên ý mã”), hoặc ngồi nghe giảng mà không thấy giảng sư, không thấy đại chúng, lòng như lửa đốt vì tâm đang dán chặt vào một cuộc vui đã bị lỡ hẹn v.v... và v.v...

Đây là đề tài mà anh chị em chúng ta cần suy gẫm và quán chiếu về ba độc Tham, Sân, Si và Ái dục.

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam

thơ

Cho Người Em Áo Lam

*Cây nghiêng nghiêng bóng chiều tà
Dáng em thanh tú như hoa giữa đời
Đàn em riu rít quanh ngồi
Tiếng em nhỏ nhẹ như lời mẹ khuyên...
Ngây thơ theo bước chân chim
Đàn em thơ dại đã tìm về đây
Ngàn hương cũng bởi Tâm này
Ám thâm hoa nở ai hay ngọc vàng...
Chùa đơn sơ vẫn huy hoàng
Bởi chưng có bóng dịu dàng của em?*



ĐÀO VĂN BÌNH

(Viết cho đoàn sinh GDPT Chùa Bồ Đề Lan Nhã năm 1984)



Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

CHO VÀ NHẬN

Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,
Trong Phật Pháp có "vô duyên từ" là lòng từ bi vô điều kiện, phát xuất từ tình thương vô tư mà CHO, AN ỦI, BỔ THỈ, CÙNG DƯỞNG v.v... không vì đối tượng là "của tôi" hay "vì tôi" v.v... nghĩa là tình thương vô ngã. Thế gian đôi khi cũng có những trường hợp dạy cho chúng ta về tình thương vô điều kiện đó.

Xin mời Anh Chị Em cùng lắng nghe câu chuyện "Cho và Nhận" dưới đây:

Một hôm, một sinh viên trẻ có dịp đi dạo với giáo sư của mình. Vị giáo sư này vẫn thường được các sinh viên gọi thân mật bằng tên "người bạn của sinh viên" vì sự thân thiện và tốt bụng của ông đối với học sinh.

Trên đường đi, hai người bắt gặp một đôi giày cũ nằm giữa đường. Họ cho rằng đó là đôi giày của một nông dân nghèo làm việc ở một cánh đồng gần bên, có lẽ ông ta đang chuẩn bị kết thúc ngày làm việc của mình.

Anh sinh viên quay sang nói với vị giáo sư: "Chúng ta hãy thử trêu chọc người nông dân xem sao. Em sẽ giấu giày của ông ta rồi thầy và em cùng trốn vào sau những bụi cây kia để xem thái độ ông ta ra sao khi không tìm thấy đôi giày."

Vị giáo sư ngăn lại: "Này, anh bạn trẻ, chúng ta đừng bao giờ đem những người nghèo ra để trêu chọc mua vui cho bản thân. Nhưng em là một sinh viên khá giả, em có thể tìm cho mình một niềm vui lớn hơn nhiều nhờ vào người nông dân này đây. Em hãy đặt một đồng tiền vào mỗi chiếc giày của ông ta và chờ xem phản ứng ông ta ra sao."

Người sinh viên làm như lời vị giáo sư chỉ dẫn, sau đó cả hai cùng trốn vào sau bụi cây gần đó.

Chẳng mấy chốc người nông dân đã xong việc và băng qua cánh đồng đến nơi đặt giày và áo khoác của mình. Người nông dân vừa mặc áo khoác vừa xỏ chân vào một chiếc giày thì cảm thấy có vật gì cứng cứng bên trong, ông ta cúi xuống xem đó là vật gì và tìm thấy một đồng tiền. Sự kinh ngạc bàng hoàng hiện rõ trên gương mặt ông. Ông ta chăm chú nhìn đồng tiền, lật hai mặt đồng tiền qua lại và ngắm nhìn thật kỹ. Rồi ông nhìn khắp xung quanh nhưng chẳng thấy ai. Lúc bấy giờ ông bỏ đồng tiền vào túi, và tiếp tục xỏ chân vào chiếc giày còn lại. Sự ngạc nhiên của ông dường như được nhân lên gấp bội, khi ông tìm thấy đồng tiền thứ hai bên trong chiếc giày. Với cảm xúc tràn ngập trong lòng, người nông dân quì xuống, nước mắt lên trời và đọc to lời cảm tạ chân thành của mình. Ông bày tỏ sự cảm tạ đối với bàn tay vô hình nhưng hào phóng đã đem lại một món quà đúng lúc, cứu giúp gia đình ông khỏi cảnh túng quẫn, người vợ bệnh tật không ai chăm sóc và đàn con đang thiếu ăn.

Anh sinh viên lặng người đi vì xúc động, nước mắt ràn rụa. Vị giáo sư lên tiếng: "Bây giờ em có cảm thấy vui hơn lúc trước nếu như em đem ông ta ra làm

trò đùa không?" Người thanh niên trả lời: "Giáo sư đã dạy cho em một bài học mà em sẽ không bao giờ quên. Đến bây giờ em mới hiểu được ý nghĩa thật sự của câu nói mà trước đây em không hiểu: "Cho đi là hạnh phúc hơn nhận về."

Thân kính chúc Anh Chị Em tìm được an lạc và giải thoát với sự thực tập "vô duyên từ" của Đạo Phật.

Trân trọng,
BBT



XUÂN, HẠ, THU, ĐÔNG

*Xuân về náo nức khắp muôn nơi
Hoa nở xinh tươi đẹp đất trời
Vũ trụ bùng lên đầy sức sống
Nhà nhà rộn rục những niềm vui.*

*Hè về oi bức cả rừng xanh
Mong có đâu đây ngọn gió lành
Phượng đỏ khoe màu nơi chốn cũ
Quê người thương nhớ thức năm canh.*

*Thu về ta ngắm ánh trăng rằm
Trắng sáng, trắng trong nhớ những năm
Tuổi trẻ ngày xưa thơ mộng quá
Bây giờ xa cách mối tình thâm.*

*Tuyết rơi trắng xóa ngập đồi thông
Lạnh buốt tim gan, lạnh cõi lòng
Ai hỡi! Đông về hiu quạnh quá
Hồn nghe trống rỗng giữa hư không.*

thơ **DIỆU ĐỨC**

ANH CHÀNG CẦU PHẬT

thơ

Một chàng quỳ trước Phật đài
Xin ban sức khỏe, đồng thời giàu sang.
Lắc đầu Phật dạy: “Nhớ rằng
Ta nào có phải là thần thánh đâu
Để mà ban phát nhiệm màu
Cho con sức khỏe, sang giàu hỡi con.
Nếu con muốn khỏe mạnh luôn
Phải chăm rèn luyện đến thân thể mình
Hàng ngày sinh hoạt hợp tình,
Còn như nếu muốn trở thành giàu sang
Phải lo làm việc đàng hoàng,
Phát tâm bố thí người đang khốn cùng
Người nghèo, đói khổ khắp vùng
Có gieo nhân tốt mới mong quả lành!”

Chàng quỳ xin Phật cho mình
Hoàn thành sự nghiệp công danh rạng ngời.
Lắc đầu Phật khẽ mỉm cười:
“Ta nào thần thánh cho đời cầu xin
Công danh sự nghiệp muốn tìm
Con nên tập luyện cho chuyên một nghề
Mà con yêu thích say mê
Luyện cho tinh tấn muôn bề giỏi giang!”

Quỳ xin Phật, chàng mơ màng
Xin ban cho một cô nàng đẹp xinh
Một người yêu thật diễm tình.
Lắc đầu Phật dạy điều lành cho nghe:
“Mắt phàm con thấy được gì
Đều là hư dối có chi thật nào
Tâm thân tứ đại bèn đâu
Nhu sương đọng giọt tan mau đầu cành,
Con nên lưu giữ trong mình
Tâm hồn trong sáng, chân thành, tốt tươi
Để giao tiếp với mọi người
Đó là vẻ đẹp tuyệt vời dài lâu
Rồi con sẽ gặp được mau
Một người yêu mến tâm đầu cùng con.
Hãy yêu vẻ đẹp tâm hồn
Vượt xa nhan sắc, quý hơn dáng ngoài!”

Chàng quỳ trước Phật xin Ngài
Ban cho trí tuệ rạng ngời, rộng sâu.
Mỉm cười Phật lại lắc đầu:
“Muốn cho trí tuệ được mau đạt thành
Thời nên chăm chỉ học hành
Mở mang kiến thức mọi ngành cho thông!”



Chàng suy nghĩ rồi cầu mong
Phật ban cho một tấm lòng từ bi
Thật là quảng đại mọi bề
Để chàng có thể tràn trề yêu thương
Yêu người ở khắp muôn phương
Dù cho thù hận, ghét chàng lâu nay
Dù cho muốn hại chàng ngay.
Phật nghe, khen ngợi, tỏ bày niềm vui:
“Con cầu nguyện thật đẹp lời
Quả là quảng đại lòng người từ bi!”

Cuối cùng chàng chẳng xin gì
Không cầu xin Phật thứ chi cho mình,
Chàng quỳ đánh lễ tâm thành
Nguyện cầu tất cả chúng sinh trên đời
Có duyên với giáo pháp Ngài
Khoan dung, đức độ, rạng ngời từ bi
Diệt đi hết tham, sân, si
Mở mang trí tuệ, quy y với Ngài
Thực thi lời Phật hàng ngày
Thoát vòng tam tối đọa đầy khổ đau.
Phật nghe không nói lời nào
Nhìn chàng hoan hỉ gật đầu ngợi khen!

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
(6-2014)

Dấu quê

TOẠI KHANH

Hắn hồi quận. Như chiếc lá về cội, như giọt nước về sông, như mưa về đất. Đơn giản thế thôi, không gì hơn nữa. Và ba lần bảy ngày làm nên con số hăm một nhỏ xíu như giấc chiêm bao trong một giấc ngủ ngày, nóng bức mệt mỏi. Nhỏ, nhanh, ngắn, mà cái gì cũng có đủ. Như một cuốn phim ngắn hoàn chỉnh nhất. Tái ngộ, sơ ngộ và trong đó dĩ nhiên còn là những hạnh ngộ.

Về rồi lại đi. Có cái duyên đưa về thì cũng phải có cái duyên nào đó đưa hắn đi. Buồn vui ngày về và vui buồn ngày đi, cũng đều do duyên cả. Mười mấy giờ bay để quay lui với những bến bờ viễn xứ, hẳn cơ hồ không thể chớp mắt trong mười phút cho thật tròn giấc. Trong cái lan man giữa một miền tâm tưởng mơ hồ loang loáng như màn mưa qua cửa kính máy bay, hẳn cứ nghĩ hoài một chữ mà với hắn bây giờ bỗng linh thiêng như một viên xá lợi (thứ thiết).

Chữ Phạn Paccaya (pati+i) trong kinh Phật xưa giờ vẫn được người Tàu dịch là duyên. Khái niệm Duyên trong Phật Pháp sâu và rộng kinh khủng lắm. Nói chữ này gói hết tám vạn tư pháp môn trong kinh điển tuyệt đối không sai. Bởi khi hiểu Duyên là bất cứ động cơ hay điều kiện nào dẫn đến, đưa tới cái gì đó thì rõ ràng toàn bộ lời Phật chỉ nằm trọn trong chữ Duyên.

Hắn bỏ quê xa xứ để sống vong thân ở những bến bờ viễn mộng, đó cũng là duyên, điểm bắt đầu của một chuỗi sự kiện nào đó trong đời. Một ngày mưa trở về để không biết cái gì đang chảy trên má, nước mắt bồi hồi của đứa con tha hương hay làn mưa trong một buổi chiều trên phố cũ. Đó cũng là duyên.

Đi để theo tiếng gọi muôn trùng của mây nước, cũng là duyên. Về để lắng nghe đất quê vẫn là cõi nhớ trùng trùng, đó cũng là duyên.

Quen, thương rồi xa rồi quên mất nhau giữa dòng đời hối hả cũng là duyên.

Ngày trùng phùng hai mái đầu đều sương điểm, thương nát lòng mà vẫn phải nhớ hoài hai chữ cự ly. Đó cũng là duyên.

Biết đã một xa thì ngày trở lại khó lòng hẹn được, vậy mà cũng phải đắng lòng dứt áo rời đi. Đó cũng là duyên.

Mưa phi trường, nắng sân ga cho bao nhiêu là can tràng đòi đoạn...ai dám bảo đó chẳng là những cái duyên cho kẻ đi người ở thêm một lần hiểu được cái gì là sinh ly tử biệt.

Từ đó, sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay là chết bên bờ sông Danube như một ca tử của cụ Phạm Duy, đều chỉ là duyên, là cái cớ cho một hay nhiều bi kịch nhân gian nào đấy.

Rồi sau cùng và trên hết, toàn bộ hành trình tu chứng của một người cầu giải thoát hay kẻ trầm luân xem chừng cũng gói tròn trong một chữ duyên.

Giới hạnh là duyên cho thiền định, thiền định là duyên cho trí tuệ nội quán. Trí tuệ này là duyên cho người chứng đắc Niết Bàn. Hiểu được vạn hữu đều

do duyên tạo sanh sẽ bỏ được Đoạn Kiến. Hiểu được vạn hữu đều do duyên mà biến diệt sẽ dứt được Thường Kiến. Bỏ được hai tà kiến này chính là Chánh Kiến, bước đầu của Bát Thánh Đạo, cái duyên dẫn đến thánh trí giải thoát.

Con đường sinh tử cũng chỉ là hành trình ngoạn mục của chữ duyên khốc liệt đó. Cái duyên trầm luân còn đó thì tha hồ sinh tử. Duyên sinh tử cạn rồi thì người ta chỉ còn một đường là bỏ hết lại mà đi.

Bắt chước Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ Lâm Bình Chi hay như nàng Kiều của cụ Nguyễn Du: *Ma đưa lối quỷ đưa đường, cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi*, đó cũng là duyên. Cái duyên cho những nỗi khổ niềm đau.

Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Bỗng nhớ Ngô Nguyên Nghiêm quá chừng:

*Khách về như một đứa con hoang
Ấm lạnh theo ân tình của núi
Giữ áo mới hay ngoài gió bụi
Vẫn còn bóng núi ngủ trong tim...*

Và trời ạ, đó cũng là duyên!

thơ

Đi tìm con sóng

*Nửa mùa trăng du thủ
Nửa đời em ruối rong
Tàn đông chưa giữ mộng
Xuân đến rộn tơ lòng.*

*Em nửa đời là sóng
Rào rạt giữa trùng khơi
Ta nửa đời là biển
Đêm trăng huyền ghé chơi.*

*Dẫu ngàn năm sóng vỗ
Xô dạt bến bờ tôi
Mệnh mộng lòng biển rộng
Trăng vẫn là trăng thôi.*

MẶC KHÔNG TỬ



TRUYỀN THỐNG AN CƯ TRONG ĐẠO PHẬT

Thích Trừng Sỹ

An Cư là nét đẹp, nét truyền thống đặc thù của đạo Phật, có mặt tại Ấn Độ trên hàng nghìn năm. An Cư là một dịp tốt, thuận tiện, và thích hợp cho các hàng đệ tử của đức Thế Tôn gặp mặt với nhau, vun trồng giới đức, trau dồi đạo hạnh, xây dựng tình huynh đệ, tình pháp lữ đồng tu trong tinh thần tập thể, hòa hợp, đoàn kết, tương trợ, tương thân, tương ái, và tương kính theo đúng con đường Giới, Định, và Tuệ.

Ban đầu, An Cư là một tập tục và truyền thống chung cho các vị tu sĩ và ả sĩ của các giáo phái và các tôn giáo khác nhau ở Ấn Độ cổ đại. Sau đó, An Cư được đức Phật và các hàng đệ tử của Ngài khéo tiếp nhận, chọn lọc, duy trì, phát triển, áp dụng, và thực hành phù hợp với Phật pháp từ thời đức Phật cho tới ngày hôm nay.

An Cư là một từ ghép của âm Hán Việt; nghĩa đen của An có nghĩa là yên tĩnh, là yên lặng, là dừng lại..., và nghĩa bóng của An có nghĩa là tập trung, là có mặt, là hiện diện,...; chữ Cư có nghĩa là chỗ, là trú xứ, là nơi chốn, là Già lam, là Trung tâm tu học, là bây giờ và ở đây, v.v... Vậy, An Cư có nghĩa là các hành giả cùng nhau có mặt tại nhiều trú xứ Già lam khác nhau trong các địa phương và quốc độ khác nhau trong tinh thần tinh tấn, an lạc, hòa hợp, và đoàn kết để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm tu tập, và nếm được pháp học, pháp đàm, pháp hành, pháp lạc, v.v...

Nhìn về các khía cạnh khác của lịch sử Phật giáo kéo dài gần ba nghìn năm, chúng ta có thể tìm hiểu thêm **nguyên do** của việc An Cư được đức Thế Tôn và các đệ tử của Ngài chọn và thanh lọc như sau:

Sau khi đức Phật giác ngộ viên mãn dưới cây Bồ đề (*Bodhi*), và sau khi Phạm thiên *Sahampati*⁽¹⁾ ba lần thỉnh cầu đức Phật trụ thế ở đời để giảng dạy Phật pháp cho chúng sinh, Đức Phật đồng ý chấp nhận các lời thỉnh cầu của Phạm thiên, và bắt đầu chuyển lờn bánh xe chánh pháp tại Vườn Nai – Lộc Uyển (*Sarnath*). Ban đầu, đức Phật hóa độ 5 anh em của tôn giả A Nhã Kiều Trần Như (*Añña Kondañña*) làm đệ tử⁽²⁾. Sau đó, Da Sát, gia đình Da Sát, bạn bè của Da Sát, v.v... cũng được đức Phật độ làm đệ tử bằng cách đọc lên 3 nương tựa: *Nương tựa Phật, nương tựa Pháp, và nương tựa Tăng*.⁽³⁾ Với năng lực tu tập, từ bi và trí tuệ, uy nghi, và uy tín của Ngài, đức Phật thu nhiếp và giáo hóa rất nhiều hạng người khác nhau không phân biệt giai cấp, tôn giáo, màu da, và chủng tộc.

Tuy nhiên, khi các vị đệ tử của đức Phật càng ngày càng nhiều, trong Tăng đoàn, có vài vị bất hảo, đặc biệt là nhóm sáu vị Tỷ kheo, suy nghĩ, nói năng, và hành động thiếu chánh niệm và tinh giác, họ đi ra đường và dẫm đạp các côn trùng trong mùa xuân, mùa hạ, và mùa đông. Lúc đó, những người Phật tử và không phải Phật tử chê bai hành vi của họ và nói: "Các vị đệ tử của Sa Môn Cổ Đàm du hành trong khắp nhân gian, dẫm đạp các côn trùng, không có thời gian dừng lại một chỗ để tu tập."⁽⁴⁾ Khi nghe việc

này, đức Phật dạy bảo các đệ tử của Ngài mỗi năm phải tổ chức An Cư kiết hạ theo thời tiết và khí hậu ở các vùng và quốc độ khác nhau cho thích hợp.

Thực vậy, An Cư kiết hạ là dịp tốt nhất để mỗi hành giả phát triển nội tâm, tu tập Giới, Định, và Tuệ, xây dựng Tăng thân, Pháp thân, và Phật thân, làm ruộng phước tốt nhất cho các hàng Phật tử tại gia gieo trồng.

Theo truyền thống Phật giáo Bắc truyền, **thời gian An cư kiết hạ** thường diễn ra vào sau tuần lễ Phật Đản. Thông thường, nó gồm có 3 tháng, bắt đầu từ ngày 16 tháng 4, kéo dài tới ngày 16 tháng 7 âm lịch. Theo truyền thống Nam truyền, thời gian An Cư cũng gồm có 3 tháng, bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 tới ngày 16 tháng 9 âm lịch.

Tuy nhiên, ở xã hội phương Tây như nước Mỹ, Pháp, Anh, Đức, v.v..., tùy theo quốc độ, trú xứ, và địa phương khác nhau, các hành giả An Cư của các Tự viện và của các truyền thống Phật giáo khác nhau có thể tổ chức thời gian An Cư cho thích hợp.

Ví dụ, khi khóa An Cư khai hạ vào sáng ngày 16 tháng 4, các hành giả An cư phải tranh thủ có mặt một ngày hoặc trước đó, để nghỉ ngơi và để nhận biết chỗ ăn, chỗ ở, chỗ ngủ nghỉ, v.v... tại nơi trú xứ mà mình tham gia An cư.

Lúc bắt đầu thời gian An Cư, khi tụ tập tại một trú xứ An Cư thích hợp, các hành giả có một cuộc họp vui vẻ để tổ chức chương trình và thời gian tu học, như giảng pháp, tụng Kinh, tụng Kinh, niệm Phật, thiền hành, thiền tọa, v.v... Vào đầu giờ của ngày An Cư đầu tiên, các hành giả An Cư tiến hành một buổi Lễ đối thú – đối thú có nghĩa là người này đối mặt với người kia và đọc lên những lời tác bạch tâm nguyện tu học của mình cho mỗi người nghe, thấy, và biết cách để chỉ bảo thêm, và ngược lại, người kia cũng làm như vậy.

Tại trú xứ An Cư, các hành giả An Cư cung thỉnh Hòa thượng **Giáo Giới** (the Most Venerable Precepts Preceptor) làm vị Luật Sư chứng minh buổi Lễ An Cư. Vị Luật Sư này nương theo Đại chúng để nhắc nhở,



ITemple HoPhap.Net - 2014



dạy dỗ, khuyên bảo... Khi vị Luật Sư chứng minh được Đại chúng chọn và thỉnh mời, ba vị hành giả An Cư lần lượt đi tới quỳ trước mặt vị Luật Sư, một trong 3 vị hành giả tác bạch và thưa rằng:

"Kính bạch Hòa thượng Giáo Giới! Chúng con pháp danh là **Hòa Hợp, An Lạc, và Vững Chãi**. Hôm nay tại ngôi Già Lam này, chúng con có đủ duyên lành nương theo uy đức của Hòa thượng để cùng với Đại chúng tu, học, sống chung, và sinh hoạt với nhau trong khoảng thời gian 10 ngày, 15 ngày, hay 90 ngày... Trong suốt thời gian An Cư và tu học tại đây, là những vị xuất sĩ, chúng con được sắp xếp theo tuổi thọ giới (hạ lap), An Cư kiết hạ (Vassa), và công đức tu tập. Ý như pháp như luật, chúng con thọ nhận phòng ở, đồ ngủ nghỉ, chỗ ngồi cúng quá đường với Đại chúng. Ngưỡng mong Hòa thượng chứng minh và cho phép chúng con bày tỏ tâm lòng thành khẩn của chúng con!" (5)

Tiếp theo, đại diện chúng An Cư, một vị hành giả đọc lớn lên các ranh giới của Già Lam An Cư như hướng Đông tính từ ngôi nhà **Tinh Tấn**; hướng Nam tính từ ngôi nhà **Tu Tập**; hướng Tây tính từ ngôi nhà **Áp Dụng**, và hướng Bắc tính từ ngôi nhà **Thực Hành**. Khi các ranh giới được quy định xong, trong quá trình tham gia An Cư, vị hành giả nào có công tác cá nhân hoặc của Tăng chúng, đi ra khỏi ranh giới An Cư, thì phải tác bạch trước Đại chúng như sau:

"**Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật**, Kính bạch Hòa thượng và Đại chúng, Con pháp danh là **Chánh Niệm**, hôm nay con có công tác Phật sự, đi ra khỏi cương giới Già Lam An Cư khoảng 1 giờ, 1 buổi, 1 ngày... Khi xong công tác Phật sự, con trở về trú xứ An Cư, tiếp tục nương Đại chúng để tu học. Ngưỡng mong Hòa thượng và Đại chúng hoan hỷ liễu tri!" (6)

Trong Khóa An Cư có Lễ Bồ Tát (Uposatha); (7) trong buổi Lễ này, một vị hành giả được Đại chúng chọn để tụng giới pháp, các hành giả còn lại lắng nghe và ôn lại giới Pháp mà mình đã thọ. Kết thúc khóa An Cư, có buổi Lễ Tự Tứ (P. Pavāraṇā; âm Việt – Hán là Bát Hòa La 鉢和羅); (8) Trong từ phiên âm Hán-Việt, Tự có nghĩa là mình, là chính mình; Tứ có nghĩa là thỉnh cầu, là soi sáng. Vậy Tự Tứ có nghĩa là tự nguyện, tự giác, phát lồ, và tự mình thỉnh cầu hành giả An Cư soi sáng cho mình những điểm ưu và những điểm khuyết "được thấy, được nghe, và được nghĩ" trong tinh thần hòa hợp và đoàn kết của cá nhân và của Đại chúng.

Khi những ưu điểm của mình được khen ngợi và tán dương, thì tự mình cố gắng duy trì, nuôi dưỡng,

và phát triển thêm lên. Hoặc, khi những khuyết điểm của mình được nhắc nhở và chỉ bảo, thì tự mình ghi nhận, sửa đổi, chuyển hóa, và loại bỏ dần bằng cách sám hối với tự thân và với Đại chúng.

Những gì thảo luận trên đây có thể áp dụng và thực hành vào trong đời sống thiền môn vào mỗi một tháng một hay hai lần. Khi các vị xuất sĩ áp dụng và thực hành Phật pháp thích hợp, thì các vị không những an vui, mà thầy bạn và các huynh đệ của các vị cũng đều được an vui. Tuy nhiên, trong đời sống gia đình và lứa đôi, nếu cha, mẹ, vợ, chồng, và con cái có thể áp dụng và thực hành tốt đẹp, thì tự thân của mỗi người được an vui, gia đình và dòng họ hai bên nội ngoại cũng đều được hạnh phúc.

Thực vậy, sau khi Lễ Tự tứ xong, một vị đại diện trong Chúng hành giả An Cư đọc lên các ranh giới của Già Lam An Cư đã được đề cập hôm trước của ngày đầu An Cư, và nói rằng: "*Hôm nay là ngày giải chế ra Hạ; giới trường tại trú xứ Già lam An Cư này được khai mở. Các hành giả An Cư có thể ra khỏi trú xứ An Cư phù hợp với cương giới mà trường hạ quy định. Nay xin kính trình lên Đại chúng hoan hỷ liễu tri.*" (9)

Khi hiểu, áp dụng, và thực hành được như vậy, thì hành giả có thể gạt hái được những hoa trái an lạc và hạnh phúc đích thực ngay bây giờ và ở đây trong cuộc sống hiện tại. Nhờ An Cư kiết hạ, nên mỗi hành giả có thêm một giai đoạn tu tập và công đức hành trì Phật pháp bằng cách nuôi dưỡng, tô bồi, và phát triển giới hạnh, đức hạnh, và đạo hạnh. Các năng lượng tu tập, thương yêu, hiểu biết, thông cảm, tha thứ, bao dung, độ lượng, an lạc, và hạnh phúc của **Tăng đoàn** đều tăng trưởng. Chư Phật, Chư hộ pháp, Chư thiện thần, và quý Phật tử đều rất hoan hỷ.

Ở điểm này, chúng ta tìm hiểu thêm về từ **Tăng đoàn**; tiếng **Pāli** của Tăng đoàn là **Sangha**; Sangha có nghĩa là hòa hợp và đoàn kết, chánh niệm và tỉnh giác, vững chãi và thành thoi. Sangha có nghĩa là một Đoàn thể tu tập gồm 4 người trở lên. Sangha bao gồm 2 Chúng lớn: Chúng xuất sĩ và chúng cư sĩ; Chúng xuất sĩ gồm có quý sư thầy và quý sư cô; Chúng cư sĩ gồm có cư sĩ nam và cư sĩ nữ.

Theo lời Phật dạy, trong mùa An Cư kiết hạ, khi Chúng xuất sĩ tu tập, học pháp, và hành pháp, thì Chúng cư sĩ cũng tu tập, học pháp, và hành pháp, đặc biệt là **hộ trì chánh pháp**. Nương vào chiếc y vàng giải thoát và hình bóng an lạc của Tăng đoàn, ngoài việc học đạo, hiểu đạo, và hành đạo, Chúng cư sĩ còn phát tâm hộ trì chánh pháp bằng cách cúng dường bốn thứ: 1. Đồ mặc, 2. Đồ ngủ nghỉ như mền,





gối, túi ngủ... 3. Thuốc men, và 4. Đồ ăn thức uống.
Sau khi khóa An Cư kiết hạ gần mãn, để tái tạo và nhìn thấy lại truyền thống và hình ảnh khất thực của đức Phật và Tăng đoàn, Chúng xuất sĩ, tức các hành giả An Cư đi khất thực quanh trú xứ để Chúng cư sĩ có dịp nuôi dưỡng và phát triển tâm thành bố thí và cúng dường tịnh tài và tịnh vật cho trú xứ và hành giả An Cư.

Khi hiểu và thực hành được như vậy, thì cả Chúng xuất sĩ và cư sĩ đều cùng nhau đi trên con đường an vui, giác ngộ, và giải thoát, và cùng nhau đem lại an lạc và hạnh phúc đích thực cho tự thân và cho tha nhân ngay tại thế gian này.

Như vậy, khi kết thúc khóa An Cư kiết hạ hằng năm, Chúng xuất sĩ trải nghiệm thêm một giai đoạn đạo hạnh, đức hạnh, và tuệ hạnh. Trong khi đó, Chúng cư sĩ cũng đạt thêm công đức, ân đức, và tuệ đức. Cả hai Chúng này đều nương tựa và hỗ trợ với nhau như hình với bóng, như nước với sóng, và cùng nhau góp phần đưa đạo Phật đi về tương lai xán lạn huy hoàng trên khắp thế gian này.

Thích Trường Sỹ
www.phapnhan.net

Chú thích:

- (1) Xem <http://phattue.org/node/544> Kinh Tương Ưng (Saṃyutta Nikāya), Tập I, Chương Sáu: Tương Ưng Phạm Thiên
- (2) Xem Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana Sutta) thuộc Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya, 56: 11).
Xem <http://www.quangduc.com/DucPhat/01ducphat6.html>
- (3) Xem <http://giaoducphatgiaophapnhan.blogspot.com/p/giao-luu-phat-phap-buddha-dharma.html>
- (4) Xem Luật Tứ Phần 4, Chương III, An Cư, trang 249-250. http://www.phatviet.com/thuvien/Q4_Tuphanluat_0506.pdf pp. 249 - 250. Or, xem http://www.phatviet.com/dichthuat/luattang/yetmayc/ymyc6.HTM#_ftnref2
- (5) Xem http://www.phatviet.com/dichthuat/luattang/yetmayc/ymyc6.HTM#_ftnref2
- (6) Như trang web ở trên
- (7) Xem <http://en.wikipedia.org/wiki/Uposatha>
- (8) Xem http://www.thuvienhoasen.org/D_2-60_1-2_4-316_5-50_14-1_6-2_15-1_17-95/
- (9) Xem http://www.phatviet.com/thuvien/Q4_Tuphanluat_0506.pdf pp. 283.

CHẲNG ĐI CHẲNG ĐẾN...

Càng kéo dài đêm không ngủ được
Biên đầu hậu chấn chỗ ta nằm
(Tô Thùy Yên)

*Thân lưu lạc như vào gió cát
Ngẩng đầu cao chạm bóng hoàng hôn.
Nửa đời sau đau như ốc mượn hồn
Vất vương tựa sương trên cành lá.*

*Đêm nghe tiếng nói lạ
Ấn trong thân xác quen
Đẩy ta vào đêm đen
Tối lui kiếm chẳng gặp*

*Gió thổi hắt, ta tìm ta khắp
Mặt trời lên đốt lửa cháy bùng
Phải ta vừa xong cuộc phục hưng
Chinh đóm lại triều cương đổ nát*

*Có thật ta trở thành kẻ khác?
Và xa lạ với chính mình!
Vừa chết đi hay đã hồi sinh?
Cả thế giới đang thay da đổi thịt.*

*Tạo hoá không già, chỉ ta trẻ nít
Ta đuổi ta chạy đuổi bắt cần đời.
Kéo lão trôi xuống đá bóng chơi.
Cười ha hả hủ mưa gọi gió*

.....
Chẳng đi chẳng đến chẳng bến bờ.

thơ

KIỀU MỘNG HÀ

May 05.2014



CÓ PHẢI CON NGƯỜI ĐƯỢC TẠO RA ĐỂ ĂN THỊT?

Nguyên Tác: DR. D. P. ATUKORALE, M.D.(*)

Chuyển ngữ: **Tâm Diệu**

(*) Dr. D.P. Atukorale, M.D. M.R.C.P. là bác sĩ chuyên khoa về tim mạch, hiện là Giáo Sư Viện Đại Học Colombo Tích Lan và là Cố Vấn Trưởng Khoa Tim Mạch Viện Tim Mạch Quốc Gia, Colombo, Sri Lanka. Bài này và các bài nghiên cứu khác về y khoa và dinh dưỡng của ông được đăng tải trên Tập San Y Khoa Hiệp Hội Y Khoa Tích Lan và các báo Online edition of Daily News và Sunday Observer ở Colombo.

Một số người có nhận thức sai lầm rằng:

Con người được tạo ra để ăn thịt, và

Việc ăn thịt là điều cần thiết giúp cho con người được khỏe mạnh.

Hiện nay có hàng triệu người ăn chay trên thế giới sống lâu và khỏe mạnh hơn những người không ăn chay. Riêng tại Hoa Kỳ, thống kê cho biết có 9 triệu người ăn chay trong năm 1989 theo hội North American Vegetarian Society (*Christian Science Monitor*, 18-04-1990). Con số người ăn chay nhiều nhất trên thế giới là Ấn Độ.

Theo quan điểm của khoa cơ thể học và sinh lý học thì cấu trúc của con người không phải để ăn thịt động vật theo các lý do sau đây:

(1) Răng hàm con người giống như loài động vật ăn rau cỏ, thuộc loại bằng, dùng để nhai nghiền thức ăn, không giống như loài động vật ăn thịt có răng nhọn và bén dùng để cắt xé thịt. Có một số người cho rằng sự tồn tại của răng nanh chứng tỏ rằng chúng ta thích hợp với việc ăn thịt. Những con khi đột và giống khi đầu chó là loài động vật không ăn thịt, răng nanh của chúng được dùng như khí giới để tự vệ, không phải để ăn thịt.

(2) Bàn tay của con người khác với bàn tay (chân) của loài động vật ăn thịt có những móng nhọn vuốt, sắc bén (dùng để chụp mồi bắt thịt).

(3) Dung dịch acid trong dạ dày con người và loài động vật ăn rau cỏ có nồng độ thấp, thích ứng với việc tiêu hóa các thức ăn rau quả; không giống như loài động vật ăn thịt có nồng độ acid rất cao (độ pH thấp) thích ứng cho sự tiêu hóa nhanh chất thịt.

(4) Hệ thống ruột của con người và loài động vật ăn rau quả rất dài nhằm thích hợp với sự tiêu hóa hoàn toàn loại thực phẩm rau đậu. Trái lại, loài động vật ăn thịt như cọp và sư tử có đường ruột rất ngắn cho phép bài tiết nhanh chóng những chất thải ra ngoài trong tiến trình chuyển hóa thực phẩm. Nếu như con người ăn thịt, những chất thải sẽ không được bài tiết ra ngoài nhanh chóng do đường ruột rất dài, vì thế sẽ gây nên nhiều chứng bệnh liên quan đến bộ phận tiêu hóa như ung thư biểu bì, ung thư ruột, thường thấy rất phổ thông trong số những người không ăn chay.

(5) Những người ăn chay và loài động vật ăn rau quả ra mồ hôi làm mát cơ thể, không giống như loài động vật ăn thịt phải thở mạnh (thở hổn hển) để

làm mát cơ thể.

(6) Loài người uống từng hớp nước, không giống như loài thú ăn thịt liếm nước bằng lưỡi.

(7) Những người ăn chay và loài động vật ăn rau quả đáp ứng được nhu cầu Vitamin C từ nguồn dinh dưỡng chay. Tất cả loài động vật ăn thịt tự tạo ra Vitamin C cho chúng.

(8) Con người giống như loài động vật ăn rau quả có bàn tay nắm lại được và sử dụng khéo léo không giống loài ăn thịt, không có bàn tay khéo léo.

(9) Loài động vật ăn thịt thường bài tiết ra ngoài các chất thải rất hôi thối, so với loài động vật ăn rau quả, các chất thải ít thối hơn.

(10) Những người ăn chay và loài động vật ăn rau cỏ không nuốt chứng thức ăn, khác với loài ăn thịt nuốt gọn thực phẩm.

(11) Phần lớn những người ăn chay thích ngọt, không giống như loài động vật ăn thịt ưa thích ăn thực phẩm chất béo.

(12) Loài người có bộ óc lớn hơn, có khả năng hành động một cách hợp lý, trong khi đó loài động vật ăn thịt tỏ ra ít khả năng cư xử thích ứng.

(13) Những người ăn chay thường ít bị ung thư đường ruột, buồng trứng và tinh hoàn so sánh với người ăn thịt. Họ cũng ít bị các chứng bệnh kinh niên khác như cao áp huyết, tiểu đường, sạn mật, mập phì và các chứng bệnh tâm thần như nghiện rượu....



(14) Bệnh tim mạch là chứng bệnh gây chết người nhiều nhất tại Tích Lan và các quốc gia đã và đang phát triển, không mấy phổ thông trong số những người ăn chay, vì thực phẩm chay không có chất cholesterol, trái với thịt có nhiều cholesterol. Chế độ dinh dưỡng chay thường có loại chất béo không bão hòa giúp hạ lượng cholesterol, trái với chất béo bão hòa chứa trong thịt thường làm gia tăng lượng cholesterol trong máu. Theo sự hiểu biết thông thường thì lượng cholesterol cao gây nguy hiểm đến chứng bệnh tim mạch.

(15) Tiêu thụ thực phẩm rau, quả, ngũ cốc và hạt đậu chứa đầy đủ chất đạm, chất béo, chất khoáng, chất carbohydrates, fibre và vitamins cần thiết, là điều ưu tiên của chúng ta nhằm bảo vệ lâu dài sức khỏe và sống đời an vui cùng là ngăn ngừa các căn bệnh kinh niên như bệnh tim, cao áp huyết, đột quỵ, tiểu đường và ung thư, thường hay xảy ra nơi những người ăn thịt.

Vì thế con người được tạo ra là để trở thành người ăn các loại thực phẩm có nguồn từ thực vật.



Nguyên tác bằng Anh ngữ:

Is man created to eat meat?

by **DR. D.P. ATUKORALE, MD**

There is a misconception in the minds of some people that (a) man is created to eat meat and (b) that eating meat is essential for man to lead a healthy life.

There are millions of vegetarians in this world who lead much healthier and longer lives compared to non vegetarians. In United States alone, statistics show that there were 9 million vegetarians in 1989 according to North American Vegetarian Society (Christien Science Monitor, 18-04-1990). Highest number of vegetarians are found in India. From anatomical and physiological point of view man has not been created to eat flesh as illustrated by the following arguments.

(1) Human beings have large molar with small incisors unsuited for meat consumption but, ideal for consumption of large quantities of vegetable matter. We have flat teeth like vegetarian animals unlike sharp teeth of flesh - eaters. Some people suggest that the existence of canine teeth proves that we are adapted to eat meat. In gorillas and gelid baboons who are vegetarians, canines function as defence weapons and not to eat meat.

(2) Human hands are different from the hands

of flesh-eaters who have claws.

(3) Humans and vegetarian animals have gastric juice with low acidity suited to digest vegetarian diet unlike flesh eaters who have gastric juice with very high acidity (i.e. very low pH suited to digest flesh).

(4) Man and all vegetarian animals have very long intestines suited to digest fully, nutrients in plant foods. On the other hand, flesh-eaters like the tigers and lions have very short intestines which allow rapid excretion of decomposed material released during digestion of meat. But when human beings consume flesh, these decomposed products are not excreted rapidly due to presence of very long intestines, thus causing chronic diseases of gastrointestinal tract such as carcinoma of the large gut, which are quite common among non-vegetarians.

(5) Vegetarians including all vegetarian animals sweat to cool the body unlike flesh eaters who pant to cool the body.

(6) Humans sip water unlike the flesh-eater who laps water.

(7) Man and all vegetarian animals obtain their Vitamin C requirement from vegetarian diet. All flesh-eaters manufacture their Vit. C internally.

(8) Man as in the case of vegetarian animals has grasping hands and manual dexterity unlike flesh-eaters who have no manual dexterity.

(9) Flesh-eaters pass putrid excreta unlike vegetarian animals whose excreta is not so offensive.

(10) Man and all vegetarian animals do not gulp down food unlike flesh-eaters who gulp down the food they take.

(11) Vegetarians are predominantly sweet-toothed unlike flesh-eaters who have preference to fatty food.

(12) Human beings have large brains able to rationalize unlike small brains of flesh-eaters who are less capable of adaptive behaviour.

(13) Vegetarians are less prone to carcinoma of intestine, ovaries and testes as compared to meat-eaters. Vegetarians are less prone to other chronic diseases such as hypertension, diabetes, gall stone disease, obesity (over weight) and psychiatric illnesses such as alcoholism when compared to meat eaters.

(14) Coronary heart disease (heart attacks) which is the biggest killer in Sri Lanka and all other developing and developed countries is not common among vegetarians as vegetarian food does not contain cholesterol unlike animal products, which are full of cholesterol. Vegetarian diet also contains mostly unsaturated fats which lower blood cholesterol level, unlike saturated fats (which increase the blood cholesterol level) contained in animal flesh. It is common knowledge that high blood cholesterol is the leading risk factor of heart attacks. As mentioned earlier coronary artery disease is the biggest killer in all the developing and the developed countries.

(15) The consumption of vegetables, fruits, nuts and grains which contain all the proteins, fats, minerals, carbohydrates fibre and vitamins we need, should be our priority in order to lead long and healthy lives and to prevent chronic diseases such as heart diseases, hypertension, stroke, diabetes mellitus and cancer which are common among meat eaters.

Therefore man has been created to **become a vegetarian.**

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN RIÊU CHAY



Vật liệu nấu bún riêu chay:

- 1 cup đậu nành ngâm qua đêm hay 1 bình sữa đậu nành không có đường (unsweetened)
- 1 miếng đậu hủ khoảng 1 pound
- 4 miếng seaweed sushi nori
- 1 kg cà chua (xẻ trái cà làm tư)
- 1 muỗng canh dấm
- 1 lít nước soup rau cải (nấu carot, củ sắn, củ cải trắng, bắp cải)
- 1 muỗng café dầu hạt màu
- 1 cục đường phèn
- 2 muỗng nước mắm chay
- 2 muỗng café bột nêm
- 4 củ hành hương thái mỏng phi với dầu
- 1 gói bún khô ngâm nước khoảng 4 hrs.



Cách nấu bún riêu:

Xay 1 cup đậu nành, vắt lấy nước khoảng 1 ½ lít sữa hay dùng một bình sữa unsweetened. Xay đậu hủ với lá seaweed cho nhuyễn hòa tan với sữa đậu nành.

Bắc nồi cho sữa đậu nành, cà chua, dấm vặn lửa nhỏ, sữa đậu nành nhờ chất chua của dấm sẽ đông đặc, cho nước soup rau cải vô nồi, phải đổ từ từ phía vách nồi để ván đậu không bị chìm phía dưới đáy nồi.

Nêm nước mắm, đường phèn, muối sau cùng cho dầu hạt màu và củ hành phi.

Bắc nồi nước sôi, cho bún luộc khoảng 15 phút là được; đổ ra rổ xả nước lạnh thật sạch, bắt từng con bún để trên cái rổ cho bún ráo nước.

Bún riêu ăn với rau muống chẻ, rau thơm, kinh giới, chanh, ớt.

Chúc làm thành công.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Lệ trời rơi xuống, lệ người nở hoa

HUỆ TRÂN

Mưa từ đêm qua. Mưa rả rích khi tôi bắt đầu ngồi thiền, và quá nửa đêm thì âm âm thác đổ! Cả không gian mênh mông chìm trong mưa. Mưa đang là chúa tể, đang khiến mọi loài khuất phục, nhưng nếu tách rời ra, mưa chỉ là từng hạt lệ trời, và lệ trời rơi xuống, biết đâu chẳng khiến lệ người nở hoa!

Tôi mở cửa gỗ, chỉ đóng cửa lưới, để được nghe tiếng mưa rơi. Tôi từng ngồi nghe mưa rơi trên mái ngói, nhưng nơi đô thị, chỉ là âm thanh của tiếng mưa chạm ngói, xen lẫn tiếng xe cộ vội vã trong dòng đời luôn vội vã.

Tiếng mưa rừng trong đêm không thể. Như bước chân thiền hạnh của hành giả chánh niệm, mỗi bước đều cảm nhận từng tế bào nơi bàn chân chạm vào đất. Và dấu chân trên đất ấy thật vững chãi, thật rõ ràng "Đây là bước chân tôi thiền hạnh. Phút giây hiện tại này, tôi đang thiền hạnh, dấu chân tôi đang in trên mặt đất, tâm tôi đang an lạc thanh thoi, tôi

đang thở và tôi biết, tôi đang sống. Không gì có thể quan trọng hơn phút giây này vì nếu tôi không biết hiện diện phút giây này, ấy là phút giây này tôi đã không đang sống!"

Mưa lớn mà vẫn từ tốn như thế. Chỉ mưa và đất trời, rừng và cỏ, quần quít nhau, ôm ấp nhau nên mưa rừng Bedford mà như cả vũ trụ đang mưa. Tôi rất thích câu thơ pháp ở phòng ăn Xóm Mới "The tears I shed yesterday have become rain" Hạt lệ tôi rơi xuống hôm qua, nay đã thành mưa. Mưa như thế thì có phải cơn mưa ấy đã là lệ trời quyện vào lệ người để hiển lộ sự chuyển hóa không ngừng trong tương quan trùng trùng vũ trụ.

Sự có mặt của tôi, đang ngay trong em hiện hữu. Và em ơi, em có mặt đây là em đang có tôi, dù ngày mai tôi có đi xa ...

Rồi mưa cũng ngớt dần, nhỏ dần. Qua màn đêm sẫm tối, tôi vẫn lơ mơ thấy hình dáng Tôn Tượng Quán Thế Âm sừng sững giữa hồ sen. Thế đã đủ để tôi yên tâm, đóng cửa, vào giường ngủ.

Khi tôi thức giấc, mưa vẫn rơi. Khung trời trắng xóa, mịt mờ trong màn mưa âm đục. Tôi chỉ có một cái nón lá, mà với mưa thế này, từ phòng lên chánh điện cũng đủ ướt nhẹp. Ướt thì không sao, nhưng nếu vì ướt mà bệnh thì một mình nơi chốn hoang vu này, chắc cũng hơi phiền. Tôi đành ngồi trong phòng, thay vì tụng kinh, thì trì kinh.

Hôm nay, tôi đã muốn tụng kinh Pháp Hoa, bèn mặc áo tràng, ngồi ngay ngắn trên bồ đoàn, mở Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và bắt đầu trì kinh theo tiếng mõ là mưa rừng thánh thót.

Có lẽ đây là lần đầu tôi cảm nhận mưa gõ mõ. Một mình trên ngọn đồi hoang vu, mỗi ngày, tôi như mỗi nhận được quà tặng quý giá. Lại rằng, những quà tặng này chúng ta từng có từ khi cất tiếng khóc chào đời, nhưng lại chưa đủ duyên biết là mình có!

"Yomosugara
Hotoke no michiwo
Tazunereba
Waga kokoro ni zo
Tazune irikeru" (*)

Suốt đêm dài,
Nếu ta tìm kiếm
Con đường Như Lai
Tìm hoài sẽ gặp
Tâm mình chứ ai!

Mưa gõ mõ thật đều, nhịp nhàng và thanh thản khiến tôi trì kinh được an lạc bội phần. Từng trang, từng trang, tới phẩm "Hóa Thành Dụ" thì mưa chậm lại rồi dứt hẳn. Chắc mưa cũng muốn tôi tạm dừng ở đây. Dù chỉ là hóa thành, nhưng cái tâm khởi nghĩ "dừng lại nghỉ ngơi" là tức thời cái thân như khỏe khoắn hơn. Từ vô lượng kiếp, Chư Phật đã rõ tâm chúng sanh như thế mà khổ nhọc, nhẩn nại bày ra muôn phương tiện hầu dẫn dắt bầy con khờ dại qua được bờ bên kia!

Tôi ngừng trì kinh, nhưng vẫn ngồi yên trên bồ đoàn, nhìn nằng nằng lên dần, qua khung cửa kính. Rừng vừa tằm gọi, chắc mắt mê, tinh khô lắm!

Không gian không có nhiều ngăn che nên đất trời thế nào là rõ ngay thế nấy. Khi mưa tầm tã thì cứ mưa, mà mưa dứt, nắng lên, thì lập tức óng vàng, ấm áp. Tôi mở cửa, bước ra ngoài, nghĩ rằng bây giờ đi thiền hành dọc theo lối sỏi, chắc thư thái lắm. Con đường ngoằn ngoèo, một bên là rừng thông, một bên là đồng cỏ, tưởng như đi mãi cũng không thấy cuối đường. Tôi đang hát ghô nhỏ, một bài thiền ca thì bỗng nghe thấy tiếng xe hơi sau lưng. Đó là hai vợ chồng hàng xóm, người Da Đỏ. Họ dừng xe, tôi đứng bước. Chúng tôi chào nhau. Hiếm khi được thấy bóng người và chào người ở nơi này!

- Chúng tôi xuống phố, cô có cần gì không?

Họ đã đôi lần hỏi tôi như thế, và tôi thường trả lời "Cám ơn, tôi không cần gì cả". Nhưng hôm nay bỗng nghĩ, sao không cùng đi với họ, cũng là dịp để trao đổi tình hàng xóm với nhau hơn.





Trên đường, người vợ kể đủ thứ chuyện, còn người chồng chỉ vừa lái xe, vừa tùm tùm cười, thỉnh thoảng lại nói cái câu thường nói, chẳng dính gì vào những câu chuyện người vợ đang kể. Đó là "*Khi nào cô cần gì, cứ gọi, chúng tôi hay xuống phố lắm!*" Tôi cảm ơn, tuy biết rằng tôi chẳng có nhiều nhu cầu, chắc sẽ chẳng gọi đâu!

Trong tiệm bách hóa, khi họ mua nước uống, bánh kẹo, thì tôi đến kệ thuốc, hỏi mua thuốc thoa trên da, ngăn muỗi mòng. Khi lên đây, tuần đầu chưa thấy gì, còn ngồi trên cỏ nữa, nhưng có lẽ nay muỗi rừng mới nhận ra là có một "con mồi" từ đâu hiện diện. Chúng đốt hồi nào không hay, chỉ khi thấy ngứa thì đã nổi mụn đỏ rồi!

Người bán hàng tìm quanh rồi đưa cho tôi một lọ, bảo thoa vào nơi bị đốt. Tôi hỏi:

- Có thuốc gì thoa trước trên da để ngừa đừng bị đốt không?

Người đó lại tìm quanh rồi bảo:

- Không có. Nhưng thứ này sẽ giảm ngứa và mụn đỏ không sưng to.

Tôi hơi ngạc nhiên vì văn minh y học thời nay mà không có thuốc ngừa muỗi mòng, chỉ khi bị đốt rồi mới có thuốc giảm ngứa thôi. Tôi cầm lọ thuốc, cười thầm khi chợt nghĩ rằng nhân loại hàng ngàn năm đau khổ, cũng có ngứa được đâu. Còn tệ hơn, là sau khi chịu điều khổ này, tưởng đã biết, lại hằng hái tìm cái khổ khác mà lao vào, cứ triền miên như thế!

Trên đường về, ông hàng xóm bỗng chỉ phía trước, bảo:

- Bờ sông kia đẹp lắm, cô có

muốn xuống xem không?

Tôi chưa kịp trả lời thì Sue (bà vợ) đã tán đồng ngay (sau, tôi mới biết là đã đến cỡ bà muốn hút thuốc lá!)

Chúng tôi ngồi trên hàng ghế gỗ, ven sông, còn Sue thì ngồi dưới gốc cây với điều thuốc cháy đỏ trên tay. Crocky (tên ông chồng) giới thiệu với tôi:

- Đây là sông Ohio, qua bờ bên kia là Indiana. Mỗi tuần hai lần chúng tôi qua đó mua thuốc và đi chợ. Bên đó có một cửa hàng, cái gì cũng rất rẻ. Thường thì chúng tôi qua đó buổi trưa, để ăn pizza. Bên đó có tiệm pizza ngon lắm, cô có muốn cùng đi thì lần tới chúng tôi qua đón. Mà gọi pizza thì cô có thể nói họ làm với rau và nấm thôi, là ăn chay đây!

Crocky thật chu đáo. Và lúc rời bờ sông, lại bắt gờ đề nghị:

- Bây giờ còn sớm, mình qua đó cho cô biết cây cầu mới. Thành phố tốn rất nhiều tiền và thời gian, mấy năm mới vừa xong đây.

Những hương lộ quanh đây đều mang số. Nhìn bảng bên đường, tôi biết đang đi trên 1226. Con đường uốn khúc với bai bên là rừng thông xanh mượt. Qua khỏi rừng thông, rẽ vào hướng bắc 421 thì bắt đầu lên dốc. Thỉnh thoảng lại thấy một nhà thờ nhỏ bên đường, hàng quán đơn sơ, người dân đi bộ thông thả, đời sống nơi đây như chẳng có gì vội vã "*Lững thững đến, lững thững đi. Từ sinh vẫn đó, cần chi vội vàng.*"

Rồi cầu Madison xuất hiện. Tên cây cầu bỗng bật lên trong trí tôi một điều gì đó đã từng nghe qua? A! không biết đây có

phải là cây cầu mà cuốn tiểu thuyết nổi tiếng, tựa đề "*The Bridge of Madison Country*" của tác giả Robert James Waller đã được quay thành phim năm 1995 với hai tài tử lừng danh Clint Eastwood và Meryl Streep? Nếu đúng, thì chính nơi đây đã chứng kiến một chuyện tình buồn, nhưng cảm động của chàng nhiếp ảnh viên trẻ tuổi đi săn ảnh thiên nhiên cho tạp chí National Geography. Chàng đã dừng lại bên cầu, gặp một thôn nữ và hỏi thăm đường. Cái phút giây định mệnh đó đã là tiếng sét của cuộc tình nồng cháy theo đuổi họ suốt hai mươi bốn năm sau, dù hai người ở hai phương trời cách biệt!

Tôi đã đọc cuốn sách này, nên khi thấy được quay thành phim, bèn rủ bạn, lấy vé đi xem. Nào ngờ chúng tôi đó nằm yên trong Alaya thức, để khi tỉnh cò chạm tới thì bật lên ngay! Và càng không thể ngờ là ở tuổi cuối đời, tôi lại lang thang tới đúng nơi này, một nơi mà trước đây tôi chẳng hề để ý là nó nằm ở đâu trên bản đồ thế giới!

Xe chậm chậm lăn bánh. Sông Ohio xuôi chảy dưới chân cầu. Sông rất dài, qua nhiều đô thị, nhưng chiều ngang thì khiêm nhường, từ bên này, có thể lơ mơ nhìn thấy bên kia. Tuy thế, muốn thực sự đặt chân tới Indiana thì phải hoặc lên xe, hoặc xuống thuyền và khởi sự di chuyển mới sang được Bờ Bên Kia, mới là Đảo Bì Ngạn. Nếu chỉ ngồi bên này, sẽ chỉ nhìn thấy bên kia qua trí tưởng. Mà trí tưởng thì chỉ là ảo tưởng! Nếu chúng ta chưa qua được Bến Giác chỉ vì ta chưa quyết tâm khởi bước xuống thuyền, vượt Sông Mê!

Tôi nói với đôi bạn già hàng xóm như thế. Họ nhìn nhau, rồi nhìn tôi. Nhưng chỉ dăm sát na thôi, dường như hiểu ra, họ cùng cất cao giọng, thay nhau nói:

- Hay! Hay! Đúng vậy! Phải đi mới tới chứ!

Không biết họ hiểu sâu bao nhiêu điều tôi muốn chia sẻ, nhưng nhận định được như vậy cũng đủ để tôi hoan hỷ xác định thêm:

- Đức Phật từng dạy như thế.

Huệ Trân

*Thiền Di Am, chùa Chánh Pháp
Bedford, Kentucky*

(*) Nguyên tác: thiền sư Ikkyu, Nhật Bản.



Độc thơ Nhất Hạnh

VĨNH HẢO

Ông là một thiên tài văn chương hiếm hoi của Phật giáo. Rất tiếc cho văn học, ông không đam mê văn chương; và rất hay cho Phật

giáo, ông đam mê thiền. Dù rằng những đóng góp của ông về văn học rất đáng kể, nhưng dường như đã bị mờ nhạt bởi các thành tựu to lớn của ông đối với Phật giáo. Vì vậy người ta nhắc đến ông thì thường nhắc đến vai trò của một thiền sư, một tu sĩ Phật giáo nổi tiếng, hơn là một thi nhân, một văn sĩ. Các tác phẩm của ông, đầy tình văn học, lại được thưởng thức như những tác phẩm thiền học, Phật học. Có lẽ chỉ vì trong hướng sáng tác, ông không giống như những thi nhân khác của Phật giáo: người ta đem thiền vào thơ; ông đem thơ vào thiền. Thơ đối với ông, chỉ là phương tiện. Dù thế, phương tiện của một tài năng thiên phú, thể hiện trong chủ đích nào, cũng ghi lại những dấu tích trác tuyệt.

Cho nên, thưởng thức thơ ông thì hãy tạm quên vai trò thiền sư, hay vai trò một nhà văn hóa, một nhà đạo đức mô phạm.

Cũng nên lưu ý rằng một nhà thơ xuất gia từ thuở bé trong cửa chùa như Nhất Hạnh, thẩm nhuận các thi kệ, minh, từ, phú, các thể loại văn thơ biến ngẫu, mà thi cú vốn được sắp đặt chặt chẽ trong khuôn thước của âm, vận, điệu, luật... thì trong sáng tác dễ men theo lối mòn của những kiểu mẫu đã định hình từ ngàn xưa; nhưng không, thơ Nhất Hạnh rất mới, và có thể nói ông là một trong những người tiên phong của thơ tự do, phá tung tất cả các niêm luật, gần như một mình một cõi, từ nửa thế kỷ trước, thung dung mở rộng cánh cửa của nền thi ca Việt Nam. Quen nếp thơ vần điệu, thi nhân và những người đọc thơ khó mà đón nhận thể thơ tự do này. Đã có nhiều người làm thơ tự do, từ năm mươi qua, nhưng rất hiếm người thành công. Thơ Nhất Hạnh đầy ắp ý tưởng, hình tượng, âm thanh và sắc màu; tứ thơ lỏng lẻo men mang, tự nhiên như sự chuyển động của gió, của nước, tự nhiên như hơi thở của một thiền gia. Nhưng, như đã nói ở trước, hãy quên vai trò thiền sư của ông, hãy đọc ông như đọc một thi sĩ.

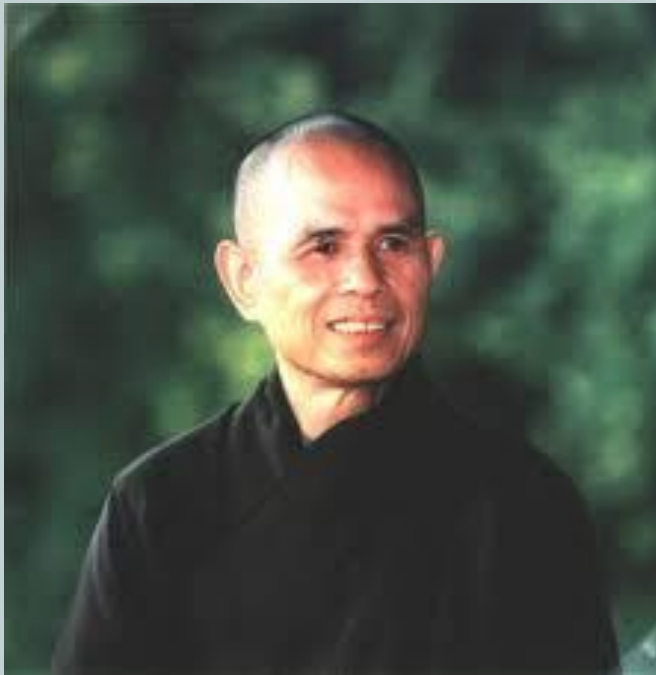
Đây, thơ Nhất Hạnh:

Bướm bay vườn cải hoa vàng

mười năm vườn xưa xanh tốt
hai mươi năm nắng dọi lều tranh
mẹ tôi gọi tôi về
bến bếp nước rửa chân
hơ tay trên bếp lửa hồng
đợi cơn chiều khi màn đêm buông xuống
tôi không bao giờ khôn lớn
kể gì mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm
mới hôm qua đây, tôi thấy bướm bay từng đàn rộn rã
trong khu vườn cải hoa vàng

mẹ và em còn đó
gió chiều như hơi thở
mơ gì một mảnh tương lai xa xôi?
gió mang tiếng ca, ngày ra đi em dặn: "nếu ngày về
không thấy khung trời đổ nát, thì tìm tôi trong tận đáy
hồn anh"
tôi đã về (có tiếng hát) trong bàn tay
trên liếp cửa
hỏi rằng: "có tôi hôm nay đây tôi giúp được gì?"
gió thì thầm: em nên hát ca
bởi vì hiện hữu nhiệm mầu
hãy là đóa hoa, hãy là nụ cười
hạnh phúc có bao giờ được dựng xây bằng vôi với
gạch?

hãy thôi là nguồn đau khổ cho nhau
tôi tìm em (như đêm giông tố loạn cuồng rừng sâu
đêm tối
những cành cây sờ soạn
đợi ánh chớp loè ngẩn ngời
thấy cần được hiện hữu bên nhau, tìm nhau)
em hãy là đóa hoa đứng yên bên hàng giậu,
hãy là nụ cười, một phần của hiện hữu nhiệm mầu
tôi đứng đây chúng ta không cần khởi hành
quê hương chúng tôi đẹp như quê hương của tuổi thơ
xin đừng ai xâm phạm
tôi vẫn còn hát ca
đầu còn gối trên Thánh kinh, sáng nay tôi nghe xôn
xao
trong nắng mai vũ trụ
đang được những con ong vàng siêng năng
bắt đầu khởi công tạo dựng chương trình
xây dựng ngàn đời
nhưng công trình, em xem, đã được ngàn đời hoàn tất
bánh xe mầu nhiệm chuyển hoài đưa chúng ta đi tới
nắm lấy tay tôi em sẽ
thấy chúng ta
đã cùng có mặt tự ngàn xưa trong hiện hữu nhiệm
mầu
tóc mẹ tôi còn xanh và dài chấm gót
áo em tôi phơi còn phất phơ bay trước giậu
nắng sớm mùa thu
tôi ở đây chính thực vườn xưa
những cây ổi trái chín thơm
những lá bàng khô thắm
đẹp
rụng
còn chạy chơi la cà trên sân gạch
tiếng hát văng vẳng bên sông
những gánh rơm thơm vàng óng ả
trắng lén, quây quần trước ngõ
vườn cải hoa vàng, chính mắt tôi vừa thấy sáng qua
tôi không ngủ mơ đâu
ngày hôm nay đẹp lắm thực mà
em không về chơi trò bắt tìm nơi quá khứ
chúng mình còn đây, hôm nay, và ngày mai nữa
đến đây
khi khát ta cùng uống ở một giếng nước thơm trong



Áo hóa

mí mắt chân trời mỗi
 đầu núi nghiêng nghiêng tìm gối tựa
 đêm về thơm giấc cỏ hoa
 ảo hóa
 bàn tay gió dậy
 ngân hà nền ngọc lung linh
 khung cửa lưng đôi bỏ ngõ
 sao băng vụt chấy lời kinh
 vạn kiếp xoay quanh vòng mộng寐
 đêm nay chợt thấy chân hình



ai nói cho em nghe rằng Thượng Đế đã bằng lòng
 cho con người khổ đau đứng dậy hợp tác cùng
 Người?

chúng ta đã từng nắm tay nhau từ muôn kiếp vạn
 kiếp

khổ đau vì không tự biết là lá là hoa
 em hát ca đi, bông cúc cười theo em bên hàng giậu
 đừng bắt chúng tôi nhúng hai tay vào vôi cát
 những ngôi sao trời không bao giờ xây ngục thất
 cho chính mình

để cho chúng tôi hát ca, để cho chúng tôi là những
 đóa hoa, chúng tôi đang ở trong cuộc đời
 mắt chúng tôi chứng minh cho điều ấy
 bàn tay cũng là hoa, đừng biến bàn tay em tôi
 thành giấy chằng

thành khớp răng cưa

thành móc sắt

hiện hữu không kêu gọi tình thương

hiện hữu không cần ai phải thương ai

nhưng em phải là em, là đóa hoa, là bình minh hát
 ca không suy tính

xin ghi vào đây một tân ước nữa của tất cả chúng ta

và xin vẫn nghe lời tôi như nghe suối reo

như nhìn trăng sáng

em về đưa mẹ về cho tôi thăm

cho tôi hát em nghe

để tóc em sẽ dài xanh như tóc mẹ.

Đại trượng phu

cửa tùng đôi cánh khép
 một mũi tên sáng loáng lìa dây cung
 lao vút tới

mặt trời nổ tung

đầy sân hoa cam rụng

phảng phất bóng vô cùng.

Uyên nguyên

Himalaya là dãy núi nào?

trong tôi có một ngọn hùng phong đỉnh vươn cao
 trời mây khói

hãy đến cùng tôi dưới chân hùng phong không tên
 gọi

ngồi trên những tảng đá xanh không tuổi

lặng nhìn thời gian se từng sợi tơ óng

sông Cửu long chảy nơi đâu

trong tôi có một trường giang cuộn cuộn không biết
 đã bắt đầu từ chốn thâm sơn nào

ngày đêm nước bạc phẳng phẳng cuốn về nơi vô
 định

hãy cùng tôi tới thả thuyền trên dòng hung mãnh

để cùng tìm về chung đích của vũ trụ bao la

Andromaque là tên của đám mây sao nào

trong tôi có một tinh hà chuyển vận âm thầm muôn
 triệu tinh cầu sáng chói

hãy cùng tôi bay rách lưới không gian đường mây
 mở lối

tiếng đập cánh của anh sẽ gây chấn động tới mỗi vì
 sao xa

Homosapiens là tên giống sinh vật nào

trong tôi có một chú bé một tay vén màn đêm, một
 tay cầm bông hoa mặt trời làm đuốc

hai mắt bé là hai vì sao

tóc bé bay cuộn cuộn như mây trên khu rừng già
 giông bão

hãy cùng tôi tới hỏi bé tìm chi và đang đi đâu

đâu là uyên nguyên, đâu là quy xứ

đường về có những ngã nào

ô hay bé chỉ mỉm cười

bông hoa trên tay bé bỗng trở thành một mặt trời
 đỏ chói

rồi bé một mình đi tới những vì sao.

Pháp giới thực ân

xin đừng nghe lời thi sĩ
trong tách cà phê sáng nay của anh có một giọt lệ
xin đừng nghe lời tôi
trong tách cà phê sáng nay của anh có một giọt máu
bạn ơi xin đừng la mắng tôi
tôi không thể nào nuốt trôi được chất loãng này
không khí trong buồng phổi tôi sáng nay đã trở nên
đồng đặc
chàng nói hãy cho chàng khóc bằng mắt anh
bởi vì chàng không còn mắt
chàng nói hãy cho chàng đi bằng hai chân anh
bởi vì chàng không còn chân
và với bàn tay tôi đây
tôi đang sờ vào ác mộng các anh
chàng nói chàng đã được giải phóng rồi
giải phóng là để cho người còn lại
bàn tay tôi úp xuống mặt bàn
vũ trụ trầm ngâm
biển lớn vẫn chưa hề nguôi cơn thốn thức
và nằm đỉnh núi cao
giữ nguyên thể hồng hoang trời đất
tinh tú trên cao
đêm đêm ngân hà một giải
bí mật ngàn đời chưa hề hé mở
bàn tay tôi nằm úp mặt bàn
vững chãi giữ chặt Tề Thiên không cho vùng dậy
không, bàn tay tôi sẽ không bao giờ lật ngửa ra trên
mặt bàn
như một vỏ sò ngả nghiêng
dạt trôi vào bãi biển
như một thân hình ngã lẫn cù khi trúng đạn
để cho núi sông ngã đổ
để cho tinh tú tắt ngấm nền trời
để cho đại dương bật tiếng thủ thi muôn đời
bàn tay tôi vẫn còn úp xuống mặt bàn
và nằm đỉnh núi cao
vẫn còn hiện ngang thống trị
bí mật ngàn đời chưa hề
nhưng sao trăng đêm rằm còn đương thì thầm nói
chuyện
bàn tay tôi còn úp mặt bàn
đợi phút linh về lật ngược thế thăng bằng trời đất
bàn tay
đáng núi bàn tay.

Kiến trúc chân như

đừng la mắng những con chim bé nhỏ
vì tiếng hát ca cần thiết cho cuộc đời
đừng ghét bỏ thân thể em
vì đó là đền thờ linh thiêng của linh hồn nhân loại
mắt trong của em là minh châu ngời sáng, chứa
đựng bóng hình
tam thiên thế giới
và tai em có quyền hạn tối cao với tiếng chim
với hải triều sớm tối
với Beethoven, với Bach, với Chopin
với tiếng khóc trẻ thơ
với giọng ru an lành
và bàn tay em
là những bông hoa thương yêu ngàn đời không cần
ai hái
(những bông hoa còn bưng nở nhiệm mầu
làm điểm lệ cả khu vườn nhân loại)
và vùng trần em
là bình minh sáng nhất của các bình minh



đừng phá hoại kiến trúc chân như
bông lúa, nội cỏ, hương đêm đều đã cất lên tiếng
bảo vệ hòa bình
tôi biết một viên đạn đồng có thể bay đến ghim vào
trái tim còn sơn ca
sáng nay trên cành xuân
đương ngời ca cuộc đời tha thiết
nhưng bông lúa, hương đêm
nội cỏ
rồi ngàn sao, vầng nguyệt
bằng tất cả sắc màu, âm thanh, bóng hình
cương quyết
cùng chúng tôi nguyện bảo vệ em!

(Những bài thơ của nhà thơ Nhất Hạnh được trích từ
tác phẩm "Thử tìm dấu chân trên cát" của Chân
Không - do Nxb. Lá Bối Paris ấn hành.)

Kết duyên Pháp lý

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH



Những con tim đang rộn ràng, xôn xao chờ đón một điều gì diệu đang từ từ đến. Trong khoảng không gian mê mông, sâu lắng cho những hành giả đang hướng về một nơi tìm sự bình an cho tâm hồn. Một kiếp người thật có giá trị nếu mình biết tận dụng nó cho cuộc hành trình tìm về chân thiện mỹ, tìm về nguồn chơn tịnh mịch. Thật an lành hạnh phúc, lay tạ thâm ân cha mẹ cho chúng ta có được tấm thân này để được tắm mình trong suối nguồn vì diệu của chánh pháp, được dự vào hàng Tăng bảo hay đang thực tập con đường của những vị xuất gia. Dù bạn đang là ai, tại gia hay xuất gia đều đó không cần thiết; quan trọng là chúng ta đến với nhau bằng con tim chân thật, với mục đích phụng sự đạo pháp, đem an lạc cho tha nhân; không hơn thua, không tự hiềm thì không một Phật sự gì mà không thành tựu viên mãn.

Một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày đi qua thật nhanh, Kh Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần IV sẽ khai giảng tại Town and Country Resort Hotel, San Diego từ ngày 29/5/2014 đến 02/6/2014, do Giáo Hội Phật Giáo

Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada tổ chức. Trưởng ban là HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng thư ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Những tâm hồn cao thượng, chư Tôn đức trong hàng giáo phẩm lãnh đạo Giáo Hội quên cả thân mình, không nghĩ đến bình duyên luôn hướng về tiền đồ Phật Pháp, mở ra những lớp học quy tụ hàng trăm chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử, với mục đích duy nhất đem ánh sáng chân lý của Đức Như Lai nẩy mầm kết trái trên mảnh đất phương Tây này. Quý hoá thay chư Phật tử cũng đáp lại lời mời của ban tổ chức tham dự rất đông. Đây là một việc làm hết sức lợi ích cho thân tâm và cũng đóng góp một phần không nhỏ trong công tác hoằng truyền chánh pháp của chư tôn đức lãnh đạo giáo hội.

Mỗi người một việc trong Phật sự trọng đại này. Nghe lời đạo tử của trưởng lão Hoà Thượng Chánh văn phòng hội đồng Giáo phẩm cả hội trường lắng xuống khi nghe Ngài nói "Tôi uống thật nhiều thuốc trong nửa tháng qua hôm nay mới hiện diện được nơi đây..." Những giọt nước mắt của các học viên xúc

động, tri ân lẫn xuống... Phật sự tại bốn tự thì bao la, nhưng quý Ngài đã gặt lại tất cả cùng về đây tu học, hướng dẫn Phật tử cùng nhau hoà hợp thanh tịnh trong niềm hỷ lạc vô biên. Chư Tôn Đức trong ban tổ chức thật bận rộn: nào là phân chia phòng ốc, nào là ghi danh những người mới phát tâm đi tu học, nào là phát bản tên, nào là tiếp đón Chư Tôn Đức Tăng Ni, các học viên khắp mọi tiểu bang Hoa Kỳ; đặc biệt có khoảng 50 học viên từ Canada cũng tham dự trong những khoá học do Hoa Kỳ tổ chức dưới sự hướng dẫn của TT. Thích Tâm Hoà trụ trì chùa Pháp Vân, Toronto. Chư tôn đức trong hội đồng chứng minh có HT. Thắng Hoan, HT. Tín Nghĩa, HT. Nguyên An, HT. Nguyễn Trí, HT. Thiện Long. Trưởng ban giáo thọ là HT. Thái Siêu và nhiều chư tôn đức Tăng Ni thay nhau hướng dẫn các lớp học. Hai Thầy MC là TT. Nhật Trí và Đại Đức Hạnh Huệ có năng khiếu kể những câu chuyện và đọc những vần thơ khiến cho không khí của giảng đường thêm sống động, vui tươi trong tiếng cười thân mật. Phật tử thì tay bắt mặt mừng, chỉ cần đến với nhau "Búp sen xin tặng người, một vị Phật tương lai" với câu niệm A Di Đà Phật, thì mọi phiền não của nhân thế như lùi bước lại, đơn giản nhưng cao quý biết bao. Những ánh mắt ngồ ngàng giữa những người chưa từng quen biết phút chốc thân thiện, để rồi hẹn nhau cùng tu học trong năm tới.

Buổi khuya 5:30 cùng thiền tọa, tụng kinh, thời kinh Lăng Nghiêm buổi khuya trầm hùng như tiếng hải triều âm vang vọng, sóng biển của San Diego như ngưng đọng để lắng nghe âm ba của Phật Pháp đang len nhẹ vào tâm thức con người, cây cỏ, nước non ở nơi đây... Lớp học thì có 3 khóa Phổ thông, 1 khóa Chuyên đề, 1 khóa riêng cho chư Tăng Ni, đặc biệt có 2 lớp Anh ngữ dành cho người lớn và trẻ em, tùy theo sở học sở tu của mình mà tham gia, dưới sự hướng dẫn của chư Tôn Đức trong Ban giáo thọ. Nội



quy của lớp học được ban tổ chức soạn ra nhằm ổn định đạo tràng và nhắc nhở học viên luôn sống trong chánh niệm, tinh thức, gồm có Lời nói đầu và tám điều áp dụng cho khoá tu học Phật pháp Bắc Mỹ lần thứ IV.

Ngoài món ăn tinh thần qua những thời pháp, tọa đàm, thiền tọa, kinh hành... có những món ăn tươi mát, ngon miệng cho đại chúng một ngày ba bữa là biết bao công lao của những người đi chợ, nào là ban vận chuyển, ban ẩm thực, ban nấu nướng, ban trai soạn, ban hành đường... Tuy ở trong bếp nóng nực, làm việc nhiều thức khuya dậy sớm, nhưng trên môi các thành viên ban trai soạn và hành đường luôn nở nụ cười. Họ làm việc bằng cả trái tim thương yêu kính trọng để dâng lên cúng dường mười phương chư Phật và hiện tiền đại chúng thanh tịnh. Lại có ban thư ký làm việc tất bật, quý vị nào muốn cúng dường thì đến ban thủ quỹ. Các ban ẩm thanh ánh sáng, quay phim chụp hình, đã mang đến cho đại chúng những tấm hình, đĩa CD kỷ niệm khó quên. Ai muốn nghe pháp để gột rửa thân tâm xin mời đến quầy phát hành băng đĩa, kinh sách.

Đặc biệt năm nay có buổi kinh hành trong chánh niệm sau buổi dượt thực chiều thứ bảy. Trên chư Tôn đức dưới đến Phật tử, đoàn người khoảng 500 vị đi trong im lặng, xuyên qua những luống hoa, bụi cây, ánh nắng đang từ từ dịu xuống, làn gió thổi nhẹ hây hây, mùi thơm cây cỏ như đang mỉm cười đón chào những người con của Đức Thế Tôn, những toà nhà cao chót vót cũng nghiêng mình kính phục sức mạnh của Đại Tăng. Im lặng trang nghiêm huyền diệu, một hình ảnh tuyệt vời, chỉ có những người đang hiện diện mới cảm nhận được niềm an lạc hạnh phúc vô biên đó.

Hình ảnh thiền hành làm liên tưởng đến thời Đức Thế Tôn, cứ mỗi buổi sáng mai 1250 vị Tỳ Kheo chia nhau đi khắp mọi hang cùng ngõ hẻm của xứ Ấn Độ để khất thực hóa duyên, mỗi người đi một đường. Đến giờ ngọ ở dưới gốc cây, bên bờ suối, trong lò gạch... thọ trai, kinh hành, tọa thiền hoặc vì người đàn việt mà thuyết pháp. Đời sống của người tu sĩ thời Đức Phật, thông dong tự tại không vướng bận việc ăn mặc ngủ nghỉ, tất cả thời gian đều dành cho sự tu tập để đoạn tận lậu hoặc, chứng đắc Thánh quả, giải thoát sanh tử. Hạnh khất thực

của một vị Tỳ kheo trên thì “Thượng khất chư Phật chi pháp, hạ khất đàn việt chi thực” nghĩa là trên thì lấy giáo pháp của chư Phật để nuôi lớn giới thân huệ mạng, dưới thì xin cơm đàn việt nuôi sống tấm thân hành đạo bồ tát, hoá độ chúng sinh.

Đời sống của một vị Tỳ Kheo được ca ngợi qua những vần thơ:

*"Nhất bát thiên gia phạn
Cô thân vạn lý du
Kỳ vi sanh tử sự
Giáo hoá độ xuân thu."*

(Một bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa
Mắt xanh xem trần thế
Mây trắng hỏi đường qua)

Khách sạn Town and Country Resort Hotel rộng lớn, sạch sẽ, nhiều cây cảnh, hồ tắm. Có những ngôi nhà riêng biệt, những cây palm cao vút tạo nên một không khí thiên nhiên. Khung cảnh ở đây mát mẻ, không khí trong lành, vì thế ban tổ chức khoá học Bắc Mỹ đã chọn nơi đây cho khoá thứ III, thứ IV và năm 2015 sẽ tổ chức khoá V cũng tại địa điểm này.

Bạn đứng trên những tầng lầu cao nhìn trời đất bao la, những ngôi nhà nằm sát vách núi, lơ lửng ẩn mình trong sương mù khi hoàng hôn buông xuống, và thật lung linh khi mặt trời xuất hiện xuyên qua những giọt sương mai còn đọng lại trên cành cây ngọn cỏ; bên kia đường đoàn xe điện di chuyển thật ngộ nghĩnh như những chú rắn khổng lồ đang uốn mình.

Khoá học bốn ngày đã khép

lại. Những nụ cười chia tay quyến luyến.

Chư Tôn đức trở về trụ xứ xiển dương giáo lý Phật Đà, an lạc nhân sinh. Bốn phận của người xuất gia là “Hoảng pháp vì gia vụ lợi sanh vi bốn hoài”, vì người xuất gia là Trưởng tử của Như Lai là phước điền của chúng sanh là bậc trung tôn của đại chúng. Trách nhiệm thật nặng quá, cho nên nhìn quý ngài tuổi đã cao, thân đã mòn mỏi theo năm tháng vẫn còn hiện diện với lớp học, sách tấn hàng Tăng Ni Phật tử, với một ước vọng duy nhất có những người thật tu thật học để tiếp tục ngọn đèn chánh pháp tỏ rạng tại thế gian này.

Phật tử thì ai về nhà nấy để lo trách nhiệm, bốn phận của riêng mình, đối với gia đình, xã hội, nhưng không quên bốn phận hộ trì chánh pháp, vì “Phật pháp trường tồn nhờ Tăng Ni nghiêm trì giới luật, tông lâm hưng thịnh nhờ thiện tín phát tâm.” Người xuất gia và tại gia là hai chúng đệ tử của Đức Phật, như chim hai cánh, hoà hợp với nhau như nước hoà với sữa, luôn hỗ trợ nhau trên con đường phụng sự đạo pháp và chúng sinh. Rồi mai đây trong cuộc sống đời thường chúng ta luôn áp dụng những bài pháp mà mình đã học được trong những ngày cùng tu tập, chắc chắn sẽ đem lại rất nhiều hạnh phúc cho tự thân và những người liên hệ.

Xin hẹn gặp nhau trong pháp hội, cùng tu cùng học, cùng làm thiện hữu tri thức cho nhau, đồng cùng phát nguyện “Sanh sanh dư Phật vi quyến thuộc, thế thế bồ đề kết thiện duyên” và “Long Hoa Tam hội nguyện tương phùng.”



Chùm thơ vịnh thú

CHÓ SÓI

Nghĩ cũng khen mi cái mõ dài
 Tập bầy săn bắt thỉnh đôi tai
 Mi làm loài thú kinh kinh vía
 Mi khiến lũ chồn khiếp khiếp oai.
 Mi mạnh, sao không tìm đuôi cọp?
 Mi hùng, mà lại kiếm lừa nai!
 Tài cao chí cả mi đâu nhĩ?
 Để cảnh rừng hoang dã thế này!



CON HEO

Ợt ột là mi chính họ Trư
 Nuôi mi trông lớn biết bao chừ!
 Cám ăn sớm tối lo hì hục
 Nước uống trưa chiều mệt ngất ngư.
 Thân béo, chẳng hay đời thiếu thôn
 Tai to, nào biết nợ thừa dư.
 Công này ví đối chừng nhiều thịt?
 Chỉ sợ người chê bệnh trái mùa!



CON GÀ

Ồ phải rồi, mi thật giống gà!
 Không như dĩa hạc chốn trời xa.
 Lúa kho sẵn đó, tươi lông cánh
 Dao thớt chờ đây, lóc thịt da.
 Sớm tối nào hay cợn biển loạn
 Tháng ngày đâu biết buổi can qua.
 Ngẩng cao cổ gáy năm ba tiếng
 Vũ điệu oai phong ở xó nhà.



CON MÈO

Tương cọp, mà mi thật giống mèo
 Đuổi săn bắt chuột, phóng như cheo
 Đêm thì đôi mắt long lanh sáng
 Ngày lại một thân đồng dặc treo.
 Quấn quít chân người ra vẻ nịnh
 Co ro xó bếp tưởng như nghèo.
 Đời mi làm tớ mong ơn chủ
 Một miếng cơm thừa, thể cũng theo!

Mấy ngày qua, dì Hậu để ý thấy trong bếp mất một vài thứ thức ăn. Khi thì vài quả trứng gà, khi thì gói mì ăn liền, có khi mất cả... tô cơm nguội mà dì định sáng mai chiên với các món thập cẩm để thành món cơm chiên Dương Châu cho thằng Hòa ăn lót dạ trước khi đến trường. Lại nhất là dì thấy mất cả đường, bột ngọt, gạo... Đứng trong hủ, trong lu đầy kỷ lưỡng mà sao cứ hao hụt, cứ như bay hơi vậy. Dì hỏi dò thằng Hòa, nó nói không ăn, lại xin thẻ độc nếu mẹ không tin. Dì hỏi thử chồng, chồng dì cười, bảo rằng đời nào ông chui xuống bếp lục lọi? Hỏi đến con gái, chị của thằng Hòa, thì chị giầy nẩy vùng vằng, nói rằng đi học cả ngày, ôn thi cả buổi, lấy đâu thời giờ để xuống bếp mà ăn thứ này, lục thứ kia... Không ai trong nhà biết gì về những thứ thất thoát trong nhà bếp.

Không phải dì Hậu tiếc của, tiếc gì những thứ linh tinh vặt vãnh ấy, nhất là đối với một nhà khá giả, có của ăn của để như nhà của dì. Dì chỉ hơi bức bối, khó chịu vì chuyện xảy ra không được minh bạch rõ ràng. Không ai ăn, không ai lấy, thì những thứ thực phẩm kia bay biến đi đâu? Chúng không có cánh thì làm sao bay được kia chứ? Không lẽ là ma xó trong nhà nó ăn? Làm gì có chuyện ma quỷ viển vông hoang đường? Nhà có thờ Phật, có thờ chư Bồ Tát, rất thanh tịnh trang nghiêm, lại thêm mấy lá bùa của sư thầy Thông Thiên tu theo Mật Tông ban cho để dán cửa trước, cửa sau, thì đồ ma quỷ nào dám lén phéng bước qua cửa. Vậy thì ai?

Nghe dì cứ cảm râm cảm râm chuyện bay hơi thất thoát



Nhà có chuột

TÂM KHÔNG - VĨNH HỮU

thực phẩm, chồng dì cười xuề xòa nói trấn an:

- Thôi, mình đừng nghĩ ngợi chi cho mệt óc nhức đầu. Chẳng đáng xá gì những thứ ấy, nếu quả thật có mất thì cũng là người trong nhà mình ăn thôi, chứ ai vô đây mà ăn với lấy? Còn không ai ăn nữa thì chỉ có nước... đổ thừa cho lũ chuột thôi! Thôi thì... coi như nhà mình làm việc thiện, bố thí cho chúng sanh được bữa ăn no bụng đi, hơi sức nào mà thắc mắc với tiếc nuối?

Dì Hậu nhướng mắt, cười nửa miệng nói:

- Chuột ư? Cũng có thể lắm chứ. Chuột bây giờ lộng hành dữ lắm, nhà nào mà chẳng có chuột? Vậy thì để tôi ra chợ mua keo bẫy chuột, để xem thử mặt mũi dung nhan mấy con chuột trong nhà mình xấu đẹp hay méo tròn! Xem xong thì thả, chứ không giết con nào đâu mà sợ phạm giới sát sanh!

Tưởng nói chơi cho vui, không ngờ ngay chiều hôm ấy, dì Hậu ra chợ mua ngay đến ba hộp keo bẫy chuột, đặt vào những góc tăm tối trong gian nhà bếp... Đặt xong keo bẫy chuột rồi, dì Hậu quên bẵng đi, không để ý xem thử có chú chuột nào tham ăn mắc bẫy hay không. Cho đến ba hôm sau, khi dì phát hiện mất nửa gói nui để nấu súp, lại mất thêm mấy miếng khô cá thiều, dì mới nhớ đến những hộp keo bẫy chuột. Lôi ra xem thử thì... hỡi ôi... chỉ bẫy được mấy con thằn lằn trắng chạch, và vài con gián hôi gớm guộc. Dì Hậu ngao ngán thở dài, nhẹ nhàng gỡ từng con vật ra khỏi bẫy keo, mang đi thả nơi xó bếp, không muốn nói hay hỏi han ai gì nữa...

Tối hôm ấy, trước khi vào phòng riêng để nghỉ ngơi, dì Hậu cố ý để quên một trái xoài chín thật ngon, mấy trái chuối bồ hương hấp dẫn, và cả chùm nho xanh bóng quẩy rũ nằm cạnh bếp ga, không dè dặt không che, không dặn không dò... Chừng

nửa giờ sau, dì bất ngờ xuống nhà bếp. Những món trái cây dì cố ý để quên khi nãy đã không cánh mà bay mất rồi. Dì mỉm cười, bước qua phòng của thằng Hòa nhìn vào, rồi đi nhanh ra ngoài sân. Trước thềm hiên, dì nhìn thấy hai đứa bé, một trai một gái, đang ngồi ăn ngấu nghiến ngon lành những trái chuối, trái nho... Ngồi cạnh chúng chính là thằng Hòa con của dì.

Nhìn thấy dì, thằng Hòa giật mình đứng bật lên như chiếc lò xo, mặt mày lấm la lấm lét, ánh mắt trốn chạy cái nhìn âu yếm xúc động của mẹ. Dì Hậu nở một nụ cười nhân từ, bước lại bên con trai, vuốt xoa mái tóc nó, và rót ra từng lời dịu dàng:

- Con đã làm điều tốt thì không có gì phải xấu hổ, phải giấu diếm. Con biết san sẻ, biết giúp đỡ người khác đó là điều mà không phải ai cũng làm được. Chỉ cần con thưa thật với bố, với mẹ, thì những ước muốn cao đẹp của con sẽ được bố mẹ hoan hỷ giúp sức cho chúng thành hiện thực... Chia ngọt sẻ bùi cho bạn thì có gì là xấu xa mà con phải giấu?

Thằng Hòa sà vào lòng mẹ, nghẹn ngào từng tiếng:

- Con xin lỗi mẹ... từ nay về sau... con sẽ không tái phạm nữa...

Dì Hậu cười, nhỏ nhẹ:

- Không tái phạm chuyện giấu diếm, lén lút, gian dối thôi. Còn chuyện con san sẻ, con giúp đỡ bạn bè, hoặc bất cứ ai khác làm cảnh túng bần ngặt nghèo thì không bao giờ, mãi mãi không bao giờ bố mẹ cấm cản con cả! Trong 14 điều dạy của Phật, có mấy câu, "Lẽ vật lớn nhất của đời người là khoan dung", và "An ủi lớn nhất của đời người là bố thí", con đã từng được mẹ đọc cho nghe rồi mà. Con nhớ rõ chưa, "con chuột đầu đen" của mẹ?

Thằng Hòa bật nở nụ cười khi nghe mẹ gọi mình là... "con chuột đầu đen." Nó nghĩ, té ra nó đã dính phải keo bẫy chuột của mẹ rồi...

TƯƠNG QUAN THẦY THUỐC — BỆNH NHÂN

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



Tuổi dù cao, mà không bệnh hoạn, thì sức khỏe tương đối vẫn còn khả quan.

Tuy nhiên cơ thể về già, cũng như cái máy xe hơi chạy trên trăm ngàn dặm, có những bất thường, chẳng giống ai. Ta mất đi một số khả năng thích ứng với ngoại cảnh và bệnh tật, nên đã đau thì thường trầm trọng hơn và kéo dài lâu hơn. Dấu hiệu bệnh không giống như ở người trẻ. Chẳng hạn khi sưng phổi thì ta hay than phiền mệt mỏi, yếu sức toàn thân, rối loạn tâm thần, còn người trẻ thì có triệu chứng rõ ràng như ho, nóng sốt.

Phản ứng của ta với bệnh tật cũng khác. Nhiều người có bệnh mà không nói ra vì tính tình chịu đựng, đôi khi nghĩ là dù có khai với bác sĩ, ông ta lại bảo tại già nó vậy, hoặc e ngại bác sĩ sẽ thực hiện nhiều thử nghiệm, lấy máu, phiền phức, đau đớn.

Một số người cao tuổi có nhiều bệnh, uống nhiều thuốc khác nhau do nhiều bác sĩ cho toa. Họ cũng thường đi khám bác sĩ nhiều hơn người ở các tuổi khác. Những phức tạp, khác với bình thường đó đặt ra vấn đề tương quan giữa thầy thuốc và bệnh nhân, sao cho đôi bên đều thỏa mãn trong tình nghĩa phúc chủ, lộc thầy.

Sự đào tạo bác sĩ

Với bệnh nhân, thầy thuốc là người sẽ định bệnh, làm giảm sự đau đớn, cho biết diễn tiến bệnh, phục hồi khả năng đã mất, và phương cách ngừa bệnh tái phát. Người bệnh, khi đã lựa được thầy thuốc thích hợp, thì đặt mọi tin tưởng vào thầy thuốc, và mối tương quan sẽ tốt đẹp. Để lựa một lương y, ta cần biết về thành tích chuyên môn cũng như đức độ của họ.

Ngày nay, bác sĩ đều được đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế với 4 năm dự bị, 4 năm y khoa rồi từ 3 tới 5 năm chuyên khoa để được coi như tinh thông y nghiệp.

Người bác sĩ đầu tiên mà ta tiếp xúc mỗi khi đau ốm là thầy thuốc riêng của mỗi gia đình. Vì vậy có thể là chuyên ngành y khoa gia đình, nội khoa, nhi khoa, phụ khoa hay giải phẫu tổng quát. Họ được huấn luyện để khám và trị căn bản, rồi sau đó nếu cần sẽ gửi đi chuyên khoa riêng biệt. Họ còn giúp ta phòng ngừa bệnh tật, như chích ngừa, làm thử nghiệm tìm ung thư tử cung, niếp hộ tuyến, thử máu kiểm soát lượng cholesterol, đường trong máu. Những tiểu giải phẫu như khâu vết thương, mổ một mụn nhọt cũng được họ thực hiện ngay tại phòng mạch. Họ cũng chữa các bệnh thông thường về ngũ quan.

Với kiến thức tổng quát rộng, họ sẽ là người phối hợp việc trị bệnh của ta với các bác sĩ chuyên khoa từng bộ phận, giải quyết những ý kiến khác nhau về cách điều trị. Thường thường, họ rất dè dặt, cẩn thận trong việc trị bệnh.

Các bác sĩ chuyên môn riêng biệt đều được huấn luyện thêm vài năm về bệnh của một bộ phận cơ thể. Có bác sĩ chuyên về ngoài da, dị ứng, đường ruột, tim mạch, tiết niệu, xương khớp... Họ thường phải qua một kỳ thi để được chính thức công nhận và giới thiệu tước vị chuyên môn.

Ngoài kiến thức rộng, cập nhật hóa về bệnh, họ còn sử dụng các kỹ thuật khám phá, truy tìm nguyên nhân bệnh căn kỳ hơn, cần khéo tay, kinh nghiệm hơn, như kỹ thuật thông tim, cắt một nhúm tế bào ở thận, ở phổi, ở gan, nhìn vào ống phổi, ruột non, ruột già, hay khâu vết thương nhỏ trên võng mạc. Ta cần các bác sĩ này khi có một bệnh hiểm hay biến chứng mà bác sĩ gia đình ngần ngại giải quyết, hoặc sau thời gian điều trị, bệnh không thuyên giảm, hoặc ta cần những thử nghiệm ngoài phạm vi của bác sĩ gia đình.

Chúng ta đừng e dè khi gợi ý xin tham khảo chuyên môn vì bác sĩ gia đình thường rất vui vẻ giới thiệu, hơn nữa họ cũng không muốn bị liên lụy pháp lý nếu có chuyện gì xảy ra cho người bệnh.

Từ vài thập niên vừa qua, đã có một số bác sĩ chuyên về lão khoa, hoặc qua vài năm huấn luyện chính thức, hoặc do kinh nghiệm điều trị người già. Số bác sĩ này vẫn còn rất ít, nên thường được sử dụng trong việc săn sóc người cao niên yếu đuối với một nhóm chuyên viên về lão bệnh như người làm công tác xã hội, y tá, dinh dưỡng viên, chuyên viên phục hồi, dược sĩ... để đánh giá khả năng sinh hoạt, tình trạng sức khỏe của người già yếu đuối, đề nghị một chương trình săn sóc, điều trị hầu mang lại một số chức năng cho quý vị này.

Lựa chọn bác sĩ

Nói đến đức độ, thì người ta lại nghĩ đến câu “lương y như từ mẫu”. Người mẹ hiền đức ngọt ngào, nhẹ nhàng với con, nhưng không quá nuông chiều, hiểu con, sẵn sàng cho con, chỉ dạy cho con từ đường đi nước bước, sao cho con trở nên người. Một lương y cũng cần có một vài đức tính của người mẹ hiền, vì khi đau ốm, ta trở nên bất lực và phụ thuộc, như đứa trẻ thơ.

1- Kinh nghiệm.

Kinh nghiệm thâm lường qua sự việc đã gặp, đã làm. Một bác sĩ tốt gặp trường hợp bệnh mới, phải tham khảo sách báo, đồng nghiệp, suy nghĩ kỹ càng trước khi định bệnh, rồi ra đơn thuốc. Gặp bệnh đó vài lần, trở thành có kinh nghiệm, lần sau thấy là chẩn đoán, điều trị tức thì. Cũng như một bác sĩ giải phẫu giàu kinh nghiệm, một mình trên bàn mổ, có thể thay đổi chiêu thức đường dao để hoàn thành trường hợp mổ khó khăn.

Tuổi tác không phải là bảo chứng của kinh nghiệm, vì người thầy thuốc già vẫn có thể phạm cùng một lỗi lầm nhiều lần. Vì thế, khi có bệnh khó,

ta nên đến bác sĩ được biết có kinh nghiệm về bệnh đó, ta sẽ được săn sóc đúng thầy đúng thuốc.

2- Danh tiếng.

Nổi tiếng có thể hoặc xấu hoặc tốt. Nổi danh về y nghiệp, về y đạo, về giao tế nhân sự. Nổi danh do nhận xét của bệnh nhân, của đồng nghiệp, của nhân viên hợp tác.

Có những nhận xét công bằng, thì lại cũng có nhận xét thiên lệch, vì những lý do khác nhau. Nhưng nhận xét nào được nhiều người nhắc đi nhắc lại thì chắc là đáng tin cậy hơn.

3- Sẵn sàng phục vụ.

Bệnh đến bất thường, kêu bác sĩ gia đình, chỉ thấy tiếng máy trả lời bác sĩ đi nghỉ hè, xin liên lạc với bác sĩ trực phòng cấp cứu nhà thương, thì thực là quá thất vọng.

Bác sĩ đông khách, muốn xin hẹn phải đợi cả tháng, thì cũng rất bất tiện. Đầu còn cứu bệnh như cứu hỏa.

Thành ra, khi lựa các bác sĩ, nên hỏi rõ vài chi tiết như: chẳng may đau ban đêm, tôi sẽ phải liên lạc với ai; bác sĩ nào trong nhóm sẽ trực khi có khẩn cấp; khi nhập viện, bác sĩ có vào khám bệnh tôi mỗi ngày; khi cần khám giữa kỳ hẹn, tôi có được gặp bác sĩ hay người khác.

Thường thường một nhóm nhỏ bác sĩ hợp tác với nhau, họ thay phiên trực thì ta dễ có cơ hội gặp bác sĩ gia đình hay bác sĩ quen khi có khẩn cấp, nhờ đó nhu cầu trị bệnh được thỏa mãn dễ dàng.

4- Tác phong.

Như một tử mẫu, bác sĩ thường được bệnh nhân hy vọng là sẽ đối xử với mình chu đáo, hiểu biết, chịu đựng. Thầy thuốc tốt sẵn sàng dành thêm chút thì giờ giải thích rõ bệnh trạng, diễn tiến, biến chứng, phương cách trị liệu, đề phòng tái phát bằng ngôn ngữ dễ hiểu. Bệnh nhân sẽ thỏa mãn hơn nếu được bác sĩ yêu cầu góp ý kiến vào việc trị bệnh.

Bác sĩ cũng đối xử không quá nghiêm khắc, lạnh nhạt, kiêu kỳ, coi nhẹ nhân vị bệnh nhân. Khi bệnh nhân không vui lòng với thầy thuốc thì họ đi kiếm bác sĩ khác, đổi bảo hiểm, lơ là với chỉ dẫn của bác sĩ. Nhiều lúc bệnh nhân già ta cũng dễ dàng chấp nhận sự bất tinh của người thầy thuốc cao tuổi nhưng tận tâm và có khả năng.

Bốn phận bệnh nhân

Đã có những đòi hỏi của bệnh nhân với thầy thuốc, thì ngược lại thầy thuốc cũng có vài yêu cầu mà ta cần đáp ứng, vì sau khi đã lựa chọn được vị bác sĩ vừa ý, ta đã trở nên thân chủ của họ. Là người bệnh, người hưởng thụ chăm sóc y tế, ta có những trách nhiệm phải thực hiện để việc đi khám bác sĩ mang lại kết quả tốt đẹp.

1. Đã có hẹn, thì giữ hẹn, tới sớm một chút để có thì giờ ngồi nghỉ, coi lại những điều cần khai với bác sĩ. Nếu không giữ được hẹn, nên thông báo trước 24 giờ để bệnh nhân khác có thể được thay thế vào hẹn của mình.

2. Viết sẵn chi tiết bệnh với triệu chứng, tập trung vào điểm chính yếu, những thắc mắc muốn hỏi. Nếu có thể, ghi những bệnh quan trọng mà người thân trong gia đình đã, đang có.

3. Mang tất cả các dược phẩm đang uống để bác sĩ coi, tránh trường hợp cho thuốc giống nhau. Có thân nhân đi cùng cũng tốt vì người này nhắc ta câu hỏi bị quên, hay nhắc lại cho ta lời chỉ dẫn của bác sĩ.

4. Trình bày chính xác, rõ ràng về bệnh trạng của mình. Thí dụ đau, thì đau ở đâu, từ bao giờ, đau như thế nào, làm gì để bớt đau.

Đặt câu hỏi cho tới khi hiểu rõ bệnh trạng, cũng như trả lời câu hỏi đầy đủ.

Yêu cầu bác sĩ giải thích theo ngôn từ bình dân, dễ hiểu, dễ nhớ.

Sự hài lòng với săn sóc y tế tùy thuộc phần lớn vào hiệu quả sự thông cảm, đối thoại giữa thầy thuốc và bệnh nhân.

5. Về nhà, dùng thuốc, ăn uống, nghỉ ngơi đúng theo chỉ dẫn. Liên lạc với bác sĩ ngay khi có triệu chứng bất thường hoặc có tác dụng không muốn của dược phẩm.

6. Giữ đúng hẹn để được theo dõi kết quả việc trị liệu.



Trên đây là tương quan điều trị khoa học, giữa người có bệnh với người làm bớt bệnh.

Gần đây, khía cạnh tôn giáo trong tương quan này đã được nêu lên. Một cuộc nghiên cứu phối hợp của nhiều trung tâm y học có uy tín ở Mỹ đã đi đến kết luận là: tôn giáo có nhiều tác dụng tích cực vào sức khỏe của người cao tuổi, nhất là về sức khỏe tâm thần; và thầy thuốc nên thảo luận về tôn giáo với bệnh nhân, đôi khi cùng cầu nguyện, khi được yêu cầu.

Người cao tuổi thường tin tưởng vào tôn giáo hay đi lễ. Có người cho thân xác của mình là của Thượng đế, mọi lạm dụng (như ghiền rượu, thuốc), hoặc lơ là chăm sóc là ngược lại với giáo lý, đức tin, cho nên đi trị bệnh là làm bốn phận đối với Thượng Đế. Cũng có người quá tin lại nghĩ bệnh là do sự trừng phạt của Thượng Đế vì những tội lỗi đã phạm, nên chịu đựng sự trừng phạt mà không đi chữa trị, hoặc chờ khi được tha thứ thì hết bệnh.

Vì tính cách quan trọng của tôn giáo với người cao tuổi, nên đã có đề nghị trong chương trình đào tạo bác sĩ bao gồm phần nói đến ảnh hưởng đó trong việc trị liệu, và nhấn mạnh tới tương quan giữa tôn giáo và sức khỏe.

Mỗi tương quan thầy thuốc và bệnh nhân ở các quốc gia kỷ nghệ cao ngày nay chịu nhiều chi phối bởi các nhóm tài phiệt, thương mại. Thầy thuốc bị giới hạn trong việc trị bệnh, người bệnh bị hạn chế quyền được chăm sóc y tế. Lương y trở thành người cung cấp dịch vụ, thân chủ là giới thụ hưởng. Mỗi giao hảo trở nên lỏng lẻo, song phẳng, đôi khi căng thẳng vì nếu có sơ hở là đôi bên đổáo tụng đình, làm giàu cho nhóm người nhiều mưu mẹo pháp lý.

Nhưng, để sinh tồn, đôi bên vẫn phải giữ giao hảo tốt đẹp với nhau, để một bên hưởng lợi nhuận kinh tế, một bên có sức khỏe bình an.

Ngõ hầu cùng mong được an hưởng tuổi vàng.

ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN

ROBERT TRAER

Thích nữ Tịnh Quang dịch

(tiếp theo trang 30)

Tùy thuộc lẫn nhau

Như vậy, từ góc độ Phật giáo, nhân quyền cần phải được căn cứ vào những gì mà ngày nay có thể được mô tả như là một quan điểm sinh thái của thiên nhiên và nhân loại, và các quyền lợi cần phải được hiểu đối với các hình thức khác của đời sống và không chỉ đối với con người, nếu cái tôi trung tâm thường gắn liền với quyền cá nhân có thể tránh được. Về mặt này, tôn giáo thường là một trở ngại.

Các hình thức vi tế nhất được nguy trang dưới cái tự tôn xuất hiện trong tất cả các tôn giáo trên thế giới, chúng ta thấy nó trong các môn phái, tầng lớp và sự phân biệt giới tính. Làm thế nào chúng ta có thể nhỏ tặn gốc rễ tính tự tôn này? tất cả càng thêm khó khăn hơn bởi vì nó được khẳng định trong ngôn ngữ cao quý? Làm thế nào chúng ta có thể chấp nhận đa số, trân quý niềm tin riêng của mình mà không phủ nhận những người khác? Lòng tốt và sự khoan dung đã không đủ làm bằng chứng trong thế giới ngày nay. Điều cần thiết là một sự hiểu biết mới về thực tại, một tầm nhìn mới của cộng đồng lý tưởng, dựa trên sự tương quan và liên hệ lẫn nhau về đời sống.[32]

Unno kết luận "rằng nó là sự cần thiết cho Phật giáo đương đại để đưa đến một tuyên bố rõ ràng rõ ràng về quyền cá nhân," để hỗ trợ trong sự phát triển của một nền tảng đầy đủ cho nhân quyền."[33]

Tương tự như vậy, Robert Thurman lập luận rằng các kinh nghiệm Phật giáo có nhiều điều cung ứng đối với việc cân nhắc các quyền lợi con người "các nguyên tắc về nhân quyền có đầy đủ trong giáo lý ban sơ của Đức Phật" và được thể hiện trong Tăng thân, tuy nhiên, họ không bao giờ đưa đến một nền thể chế dân chủ cho đến thời gian hiện đại, và rồi chỉ đến lúc được sự giúp đỡ của bên ngoài.[34]

Thurman khẳng định: "cá nhân Phật tử" có một cuộc sống, sự quan hệ, xã hội, và những tập quán nổi bật được thấy như các trung tâm Giáo lý Phật giáo khi họ không có những điều như là sự cố chấp, không thay đổi, cô lập, bản chất "cá nhân" được đồng nhất."[35] Như vậy, trong Phật giáo cá nhân con người có những quyền lợi được thể hiện về mặt tâm linh cũng như thể chất về những thành tựu độc đáo và những cơ hội giá trị. Chúng ta đã đạt được được quyền lợi của mình xuyên qua sự đau khổ và vượt thoát lòng ích kỷ trong đại dương của sự tiến hóa, và không ai có thể tước đoạt chúng ta về điều đó, vì không có ai ban tặng những điều đó cho chúng ta. Xã hội không còn là con người thực sự khi họ không còn thừa nhận rằng sự thực thi của mỗi cá nhân là mục đích đối với toàn thể. Và con người tự do cũng từ bỏ các quyền lợi của mình trong việc đẩy mạnh về sự đáp ứng đối với người khác. Thật vậy, nó là lòng khoan dung tối thượng ban tặng cuộc sống ngay cả việc hy sinh chính mình đó là con người đã tiến hóa thành một con người hoàn toàn vượt ra ngoài các hình thái thấp hơn. Vì vậy nói về nhân quyền thì ngay đây không thể bỏ qua về trách

nhiệm, như là tự hoàn thiện (có nghĩa là, giác ngộ với vị tha) ước nguyện chia sẻ hạnh phúc về sự giải thoát với người khác bằng việc giúp đỡ họ trong việc tự tìm kiếm tuệ giác cho chính mình.[36]

Thurman cho rằng nhiều kinh văn cung cấp nền tảng cho một triết lý xã hội Phật giáo và các ghi chú được chạm khắc bằng đá về sắc lệnh của Hoàng đế Ashoka (thế kỷ thứ ba trước Công nguyên) thiết lập ra năm nguyên tắc cơ bản của chính trị Phật giáo: "(1) siêu việt chủ nghĩa cá nhân, (2) hòa bình bất bạo động, (3) đa nguyên tôn giáo với sự cùng cố giáo dục, (4) chế độ gia trưởng phúc lợi tử bi, và (5) sự tin cậy vào một cơ quan thẩm quyền để khẳng định các quyền của cá nhân qua những yêu sách giữa các nhóm."[37] Ông cũng thảo luận về Tây Tạng như là một "sự thử nghiệm Phật giáo lâu dài" trong "sự xúc tiến về những nhân quyền thuộc về xã hội và văn hóa."[38]

Biện giải hiện thời

Ngoài những nhận xét mang tính lý thuyết này, Phật tử đã bắt đầu nói về các nhân quyền với nhiều cách nhau.[39] Tín đồ Phật Giáo phản đối "vi phạm phạm nhân quyền" ở Trung Quốc, Tây Tạng, Lào, và Korea.[40] Phật tử tham gia với các thành viên khác của truyền thống tôn giáo trong các hội nghị liên quan với nhân quyền.[41] Phật tử tham dự vào nghị quyết về nhân quyền, chẳng hạn như Tuyên bố Seoul của Hội nghị châu Á về Tôn giáo và Hòa bình, trong đó đã thông cáo: "phẩm giá con người phải được bảo vệ bởi các quyền của con người, thông qua đó phẩm giá con người có thể được thể hiện đầy đủ."[42]

Vị U Thant cuối cùng, một Phật tử Miến Điện người giữ chức như Tổng thư ký UN, ít nhất một lần nhắc lại nhận xét Eleanor Roosevelt rằng Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới là "Magna Carta của Nhân loại."[43] Thêm vào đó, ông đã viết về gia đình:

Tuyên ngôn nhân quyền thế giới mô tả gia đình như là đơn vị tự nhiên và căn bản của xã hội. Nó dẫn đến bất kỳ sự lựa chọn và quyết định với sự chú tâm đối với tâm vóc của gia đình mà người ta phải trú ngụ một cách không thay đổi với gia đình riêng của mình, và không thể được thực hiện bởi bất cứ ai khác. Tuy nhiên, quyền của cha mẹ để tự do lựa chọn sẽ vẫn còn ảo tưởng, trừ khi họ hiểu biết về các sự lựa chọn thay thế mở ra cho họ. Do đó, quyền của mỗi gia đình với thông tin và tính khả dụng của sự phục vụ trong lĩnh vực này ngày càng được coi là một quyền cơ bản của con người và như là một thành phần không thể thiếu đối với phẩm cách của con người.[44]

Trong một tuyên bố rõ ràng phản ánh triết học Phật giáo, ít nhất được khớp nối bởi Abe và Inada, U Thant đã kêu gọi: "Tất cả chúng ta đều phải nuôi dưỡng và khuyến khích một xu thế quan điểm trong đó nhân quyền có thể phát triển. "Chúng ta phải sống đối với bất kỳ sự xâm phạm nào với quyền lợi và tự do với bất kỳ ai đó. Và, trên tất cả, chúng ta phải thực hành lòng khoan dung, và tôn trọng các quyền lợi và tự do của người khác."[45]

Tiền sĩ Tilokasundari Kariyawasam, Chủ tịch Hội Hữu Nghị Phụ Nữ Phật giáo Thế giới và là Phó Tổng Giám đốc Giáo dục ở Sri Lanka, cũng mạnh mẽ ủng hộ Nhân quyền: "Phật giáo là một triết lý và tôn giáo phổ cập, thúc đẩy mạnh mẽ nhân quyền hay các quyền của tất cả mọi vật tồn tại, người đàn ông,



phụ nữ, động vật và môi trường họ sống.”[46] Bà viết về sự ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đối với phụ nữ “như một con người sinh ra tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền hạn”, bà tuyên bố rằng “quyền lợi, nữ giới Phật giáo đã được hưởng trong nhiều thế kỷ cách mạng và táo bạo,” và gợi ý rằng sự quan tâm “đối với nhân quyền được nhìn thấy trong những nỗ lực của phụ nữ để đảm bảo sự bình đẳng vĩ đại đối với sự bước vào và tham gia ở trong Phật giáo.”[47]

Phật tử Thái Lan Sulak Sivaraksa, viết về Tăng đoàn như là một lý tưởng cho xã hội loài người, ông ta giải thích về căn bản đạo đức giới luật của Phật giáo phù hợp với điều kiện hiện đại. Ông cho rằng giới điều nói đến sự thật hôm nay đang xảy ra với các hình thái tập hợp mới: “Ngoài các kết nối mạng lưới của nền hòa bình toàn cầu, Những phong trào công lý và nhân quyền phát sinh một hệ luận cấp tiến, một quan niệm nổi loạn, đa nguyên, một sự thật năng động hăm he đến sức mạnh của các lực lượng của bạo lực, tham lam và vô minh”[48] Là một Phật tử, ông khẳng định: “Việc bảo vệ nhân quyền và công lý đặt đạo đức lên hàng đầu về chủ quyền tối cao dân tộc.”[49] Vì vậy, ông kêu gọi sự tham gia của Phật giáo trong các vấn đề quốc tế, Liên Hợp Quốc, và sự phát triển trong thế giới thứ ba.[50]

Phật giáo khẳng định các quyền con người, là tâm điểm đối với sự hiểu biết của họ về Giáo Pháp và cuộc sống từ giới luật Phật giáo. Mặc dù có những khó khăn về khái niệm biện minh cho nhân quyền, là tâm điểm của đức tin Phật giáo, ít nhất là một số Phật tử tìm ngôn ngữ nhân quyền biểu cảm sự quy y tôn giáo của họ đối với ba điểm tựa: Phật, Pháp, và Tăng đoàn.

Tất nhiên, ở các thời điểm và địa điểm khác nhau mà Phật tử đã biện hộ bạo lực với sự phòng thủ của một chế độ chính trị thuận lợi hoặc để tự vệ; năm 1959, một tăng sĩ Phật giáo tại Sri Lanka ám sát Thủ tướng Chính phủ, và gần đây nhất là tu sĩ Phật giáo Sri Lanka đã ủng hộ cuộc biểu tình bạo lực chống chính phủ. Một trong những tu sĩ giải thích rằng đây là chỉ đơn giản là định luật của nghiệp: “những người sống bằng thanh kiếm chết bởi thanh kiếm.”[51]

Tuy nhiên, nhà lãnh đạo lưu vong của Phật giáo Tây Tạng phù hợp với lối diễn đạt hiện đại xuyên qua nhiều quan điểm truyền thống về giáo lý Phật giáo. Đức Đạt Lai Lạt Ma cho rằng “tất cả chúng ta đều có quyền bình đẳng để được hạnh phúc”[52] bởi vì nhân tính chung của chúng ta: “ở

đây lòng thương được chia sẻ và vì thế nguyện vọng đạt đến hạnh phúc được chia sẻ và chúng ta tránh được khổ đau, cũng như các quyền cơ bản được mang đến từ đây, đó là tầm quan trọng hàng đầu.”[53] Ngài kết luận rằng: Trách nhiệm toàn cầu dựa trên sự hiểu biết về sự ước muốn, quyền lợi, và khả năng đạt được hạnh phúc cho tất cả chúng sinh. Khi chúng ta nhận ra tầm quan trọng của triển vọng này, một cảm giác thực sự của lòng từ bi sẽ trở thành có thể, và, cuối cùng, sự thực hiện hữu.”[54] Đối với Phật tử, hiểu biết và bảo vệ nhân quyền có thể được nhìn thấy không chỉ là hoa quả của trí tuệ và lòng từ bi, mà còn là một phương tiện để đạt được cả hai.

Chú thích:

¹ Four hundred thousand converted with him, one hundred thousand more converted after his cremation. As his ashes were distributed around India, hundreds of thousands of others converted. Sangharakshita, *Ambedkar and Buddhism* (Glasgow, Scotland: Windhorse Publications, 1986), 162-63.

² Ibid., 59.

³ Ibid., 60.

⁴ Ibid., 68.

⁵ Quoted in Dhananjay Keer, *Dr. Ambedkar: Life and Mission*, 2nd ed. (Bombay: 1962), 106. In Sangharakshita, *Ambedkar and Buddhism*, 76. Robert Aiken agrees that “the Buddha’s own teaching was egalitarian and democratic to the core.” Aiken, “The Lay Zen Buddhist Sangha in the West,” *The Pacific World*, New Series no. 4 (Fall 1988):77.

⁶ Dr. Baba Saheb B. R. Ambedkar, *Writings and Speeches*, 1 (Bombay: 1979), 57. Quoted in Sangharakshita, *Ambedkar and Buddhism*, 113.

⁷ B. R. Ambedkar, *Buddha and the Future of His Religion*, 3rd ed. (Jullundur: 1980), 7. Quoted in Sangharakshita, *Ambedkar and Buddhism*, 109.

⁸ Sangharakshita, *Ambedkar and Buddhism*, 157.

⁹ Ambedkar, *The Buddha and His Dhamma*, 2nd ed. (Bombay, 1974), 234. Quoted in Sangharakshita, *Ambedkar and His Religion*, 156.

¹⁰ Masao Abe, “Religious Tolerance and Human Rights: A Buddhist Perspective,” in *Religious Liberty and Human Rights in Nations and in Religions*, ed. Leonard Swidler (Philadelphia: Ecumenical Press, Temple University, 1986), 202.

¹¹ Ibid.

¹² Ibid., 204.

¹³ Ibid., 205.

¹⁴ Ibid. Ali A. Mazrui argues that the three monotheistic religious traditions contribute to the process of psychic subhumanization which precedes human rights violations, for these monotheisms create the “greater danger to human rights,” that is, “the dichotomy between ‘us’ and ‘them’.” He concludes: “Western civilization has become increasingly secularized, yet its two greatest challenges are, on one side, militantly monotheistic (Islam) and, on the other, self-consciously atheistic (Marxism). But Marxism, Western civilization and Islam are in any case interrelated. The dialectic in Marxism is dualistic; so is the constant tension between good and evil in both Christianity and Islam. The map of world power today is a map covered by Islam, Western civilization and Marxist systems. All three cultural universes betray the historic and normative impact of monotheism and its

derivative patterns of cognition. 'In the beginning was the Word, and the Word was of God, and the Word was God.' But perhaps the word was of man, and the word was man. And in the beginning were the rights of man." Mazrui, "Human Rights and the Moving Frontier of World Culture," in *Philosophical Foundations of Human Rights*, 243 and 264.

¹⁵ Ibid., 205.

¹⁶ Ibid., 206-11.

¹⁷ Kenneth K. Inada, "The Buddhist Perspective on Human Rights," in *Human Rights in Religious Traditions*, 70. Saneh Chamarik makes the same argument in "Buddhism and Human Rights," in *Human Rights Teaching* 2, no. 1 (1981), 14-20.

¹⁸ Ibid., 70.

¹⁹ *Majjhima-nikaya*, I, 190-91. *The Collection of the Middle Length Sayings*, trans. I. B. Horner (London: Luzac & Co., 1954), 1, 236-37. Quoted in Inada, "The Buddhist Perspective on Human Rights," 71.

²⁰ Ibid.

²¹ Ibid., 75.

²² Ibid.

²³ Ibid., 76.

²⁴ Ibid.

²⁵ Taitetsu Unno, "Personal Rights and Contemporary Buddhism," in *Human Rights and the World's Religions*, 129.

²⁶ Ibid., 130.

²⁷ Ibid., 131.

²⁸ Ibid.

²⁹ Ibid., 140.

³⁰ Ibid.

³¹ Ibid. Kenko Futaba argues that this sense of gratitude is central to the teachings of Shinran, who founded the Jodo Shinshu community on the principle of equality: "Any power structure that trampled on human dignity was absolutely contrary to the Nembutsu way which proclaimed equality of all human beings." Shinran's objective "was to realize Buddhahood and live dynamically in the flow of history in harmony with Amida's Primal Vow. Thus, he opened a world where all peoples could live equally in truth. He took issue with any social condition that obstructed the realization of human dignity—the complete fulfillment of the human person in the way of the Buddha." Kenko Futaba, "Shinran and Human Dignity: Opening an Historic Horizon," *The Pacific World*, New Series no. 4 (Fall 1988):57-58. This translation by Rev. Kenryu T. Tsuji is the first chapter of a book entitled *All of Shinran (Shinran no Subete)*, edited by Kenko Futaba.

³² Ibid., 145.

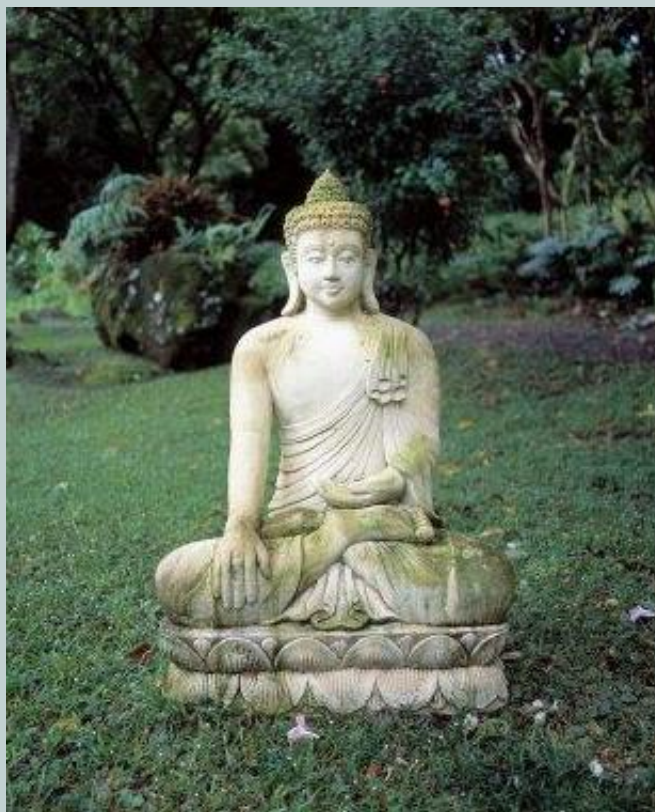
³³ Ibid.

³⁴ Robert A. F. Thurman, "Social and Cultural Rights in Buddhism," in *Human Rights and the World's Religions*, 148.

³⁵ Ibid., 150. Similarly, Henry Rosemont, Jr. maintains that the Confucian concept of the person, as "the totality of roles" one lives "in relation to specific others," is contrary to the Western notion of a freely choosing individual who has rights. Rosemont, "Why Take Rights Seriously? A Confucian Critique," in *Human Rights and the World's Religions*, 177.

³⁶ Ibid., 152-53.

³⁷ Ibid., 156. Aryasanga's *The Stages of the Bodhisattva*, trans. Jampel Thardod et al. (American Institute of Buddhist Studies, manuscript translation), sanctions revolutions against an



oppressive king; Nagarjuna's *Friendly Epistle* and *Jewel Rosary of Royal Advice*, written to the Satavahana King Udayi in the second century C.E. contains detailed prescriptions for government according to Buddhist principles; *The Teaching of the Manifestations of Liberative Strategies in the Repertoire of the Bodhisattvas*, which survives only in Tibetan and Chinese versions, conveys the teachings of Satyavadi on good government; and the *Universal Vehicle Scripture of Kshitigarbha Bodhisattva, the Ten Wheels of Government* describes all of social life from a Buddhist perspective. See Thurman, "The Politics of Enlightenment," *Lindisfarne Letter* (1975) and "Buddhist Social Activism," *Eastern Buddhist* (1983), and also Ven. Samdong Rinpoche, "Social and Political Strata in Buddhist Thought," in Samdong Rinpoche, *Social Philosophy of Buddhism* (Sarnath, 1972).

³⁸ Ibid., 161.

³⁹ See Bhikshu Shih Tao-an, "La Doctrine du Bouddha et les Droits de l'Homme," *Revue des Droits de l'Homme/Human Rights Journal* 10, nos. 1-2 (1977):5-13.

⁴⁰ A North American Buddhist Resolution on the Situation in Asia, prepared for the Conference on World Buddhism in North America by Buddhists Concerned for Social Justice and World Peace (Ann Arbor, Mich.: Zen Lotus Society, 10 July 1987).

⁴¹ "Seeking Solidarity Beyond Religious Differences: World Conference on Religion and Peace Discusses Disarmament, Development, and Human Rights," *Dharma World* (Special Issue October 1986):50-51.

⁴² "Asian Conference on Religion and Peace III Held in Seoul," *Dharma World* 13 (September/October 1986):7. Two pages earlier in the same issue, in an article entitled "Promotion of Human Dignity and Humanization," it was reported that "Discussion

focussed on the religious significance of human dignity, from which concepts of human rights originate."

⁴³ Quoted in Egan Schwelb, *Human Rights and the International Community: The Roots and Growth of the Universal Declaration of Human Rights, 1948-1963* (Chicago: Quadrangle Books, 1964), 7. See U Thant, *View from the UN* (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1978).

⁴⁴ U Thant, *Population Newsletter*, April 1968, 43. Quoted in *Human Rights Aspects of Population Programs: With Special Reference to Human Rights Law* (Paris: UNESCO, 1977), 111.

⁴⁵ Quoted in *The International Observance: World Law Day—Human Rights: 1968* (Geneva: World Peace through Law Center, 1968), 37.

⁴⁶ Tilokasundari Kariyawasam, "Feminism in Theravada Buddhism," paper presented at the conference, "Buddhism and Christianity: Toward the Human Future," Berkeley, Calif., 8-15 August 1987, 1.

⁴⁷ Ibid., 3-4. See also pages 8 and 9, where she writes of equal rights "as to marriage, during marriage, womanhood etc." and of rights "of freedom of peaceful assembly and association." Emphasis in the original.

⁴⁸ Sulak Sivaraksa, "Being in the World: A Buddhist Ethical and Social Concern," paper presented at the conference, "Buddhism and Christianity: Toward the Human Future," Berkeley, Calif., 8-15 August 1987, 6.

⁴⁹ Ibid., 7.

⁵⁰ See also Sulak Sivaraksa, "Buddhism and Development—A Thai Perspective," *Ching Feng* 26, nos. 2-3 (August 1983):123-33.

⁵¹ Mark Juergensmeyer, *Terror in the Mind of God: The Global Rise of Religious Violence* (Berkeley and Los Angeles, CA: The University of California Press, 2000), 113. From an interview with Venerable Palipana Chandananda, Mahanayake, Asigiriya chapter, Sinhalese Buddhist Sangha (Kandy, Sri Lanka), January 4, 1991.

⁵² His Holiness the Dalai Lama, "Hope for the Future," in *The Path of Compassion: Contemporary Writings on Engaged Buddhism*, ed. Fred Eppsteiner and Dennis Maloney (Berkeley, Calif.: Buddhist Peace Fellowship, 1985), 2.

⁵³ His Holiness the Dalai Lama, "Spiritual Contributions to Social Progress," in *The Path of Compassion*, 10. In a speech on 15 June 1988 at the European Parliament in Strasbourg, the Dalai Lama called for "respect for human rights and democratic ideals" in Tibet and pledged that a Tibetan government would adhere "to the Universal Declaration of Human Rights." Reprinted by the U.S. Tibet Committee. The Dalai Lama received the 1989 Nobel Peace Prize.

⁵⁴ His Holiness the Dalai Lama, "The Principle of Universal Responsibility," in *The Path of Compassion*, 17.

*Revision of material in *Faith in Human Rights: Support in Religious Traditions for a Global Struggle* (Washington, DC: Georgetown University Press, 1991).

Trích từ: E Book 3D (dạng sách đọc): **Sự Quyến Rũ Của Đạo Phật Trong Thế Giới Mới** - Thích nữ Tịnh Quang

PHƯỚC DUYÊN GẶP THẦY

Người chợt đến cho hồn con bờ ngỡ
Vài áng thơ vài lời rất giản đơn
Nhưng lòng con hạnh phúc chẳng gì hơn
Bởi nơi người cả tâm lòng cao thượng
Lời người nói bình thường không ca xướng
Mà cho con mở rộng một tầm nhìn
Về cuộc đời về kiếp sống nhân sinh
Về xử thế cách xưng hô cao thấp
Con bản tánh mạt sinh hay hấp tấp
Nay học ung dung phong thái tự nhiên
Được gặp thầy con thật có phước duyên
Con cung kính và vui mừng khôn tả
Mai thầy về lòng chợt buồn chi lạ
Nhưng gần xa cũng chẳng khác chi mô
Thầy của mây, của gió, của hư vô
Đã quá đủ dù một lần hội ngộ
Con không biết có điều chi thất thố
Những mong thầy hoan hỷ thứ tha cho
Con phạm phu tục tử lẫn mù loà
Nên lắm lúc vô minh quên thân phận
Con sống giữa chợ đời bao chen lấn
Nên toàn thân đầy dẫy những bụi trần
Mai thầy về Thiên Trúc được an thân
Con kính chúc người bình an thượng lộ!

thơ MỸ TRANG



Về lại Núi Không

UYÊN NGUYỄN

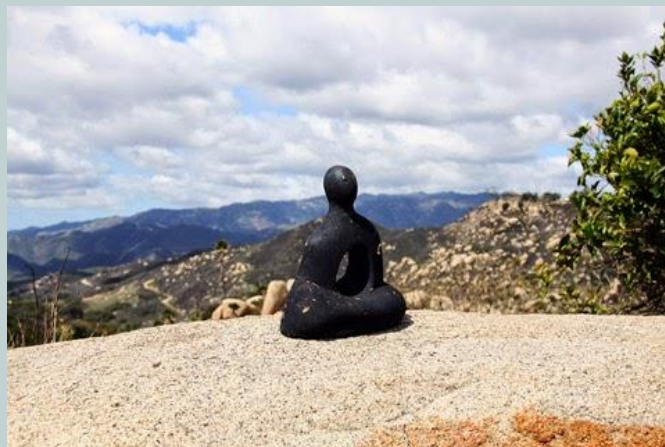
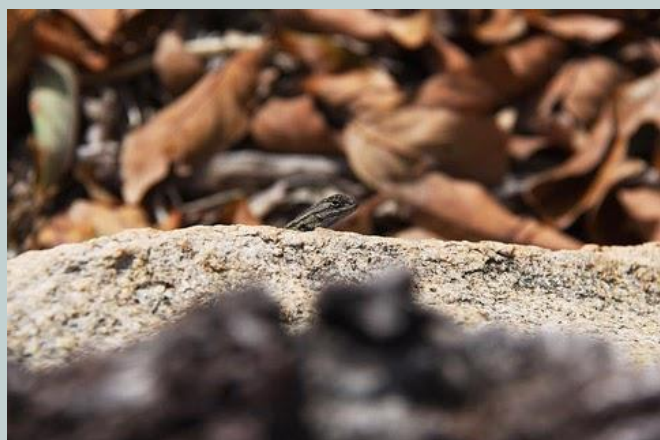
Theo sư về lại núi, sư ngồi bụng rỗng, không buồn không vui... Con đại bàng xếp cánh đậu xuống nghe kinh. Sư không nói.

Buổi trưa nắng dữ, dịu hẳn ở buổi chiều rồi tắt lịm ở buổi tối. Biển óng ả hắt lên màu trắng bạc. Sư ngồi lặng lẽ, gió xuyên qua khoang bụng rỗng, không buồn không vui...

Con kỳ nhông bò sát mặt đất, chắc lưỡi, so đo chí đại bàng.

Một chiếc lá động, run bóng. Con kỳ nhông lũi sâu vào khe đá. Đại bàng giật mình bay lên. Sư ngồi thả bụng rỗng, gió luồn qua khe, không buồn không vui.

05 tháng Tư, 2014



thơ

Đường Về

Đường trần bước ngắn chơi vơi
Làm sao chở hết gánh đời chông chênh
Đường thiên mở lối về bên
Cho ta một góc bình yên tháng ngày

Lối Về

Cội nguồn từ thuở sanh ra
Quê người gần bó nổi nhà chưa thông
Trải thân khắp chốn phiêu bồng
Lá chiều rơi rụng nhìn trông lối về

Lắng Nghe

Lắng nghe tiếng sóng vỗ bờ
Hợp tan sanh diệt bóng chờ đợi mây
Một đời xuôi ngược đó đây
Đêm tàn tỉnh mộng mới hay vô thường

KHA NGUYỆT



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ IV
 Tại San Diego, California, Hoa Kỳ - Từ 29/5 đến 2/6/2014



CẢM Ạ



Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và độc giả đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ấn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

HT. Thích Thiên Long \$1,000, TT. Minh Dung \$1,200, Chùa Pháp Vũ (FL) \$2,000, Tu Viện Hộ Pháp \$400, NS. Thích Nữ Giới Định \$240, NS. Thích Nữ Đức Thường \$300, Trần T. Cát Tường \$100, Thái Kế An \$100, Chùa Pháp Hoa (KS) \$100, Út Luông \$60, Khôi Hồ Pd. Nguyên Bình \$30, Hồng L. Ngô \$30, Mai Nguyễn \$25, Đào Nguyễn (AR) \$250, Nguyệt Bình \$50, Trần Ngọc Chơn \$100, Diệu Tịnh \$600, Robert Pharmacy \$50, Nhuận Quang Minh \$20, Nguyễn Lạc \$50...(danh sách còn tiếp tục trong số tới)

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp

NGÓN NGHỀ RÈN LUYỆN TÌNH THÔNG VẬN HÀNH CHỆCH HƯỚNG TAN THÂN NÁT ĐỜI

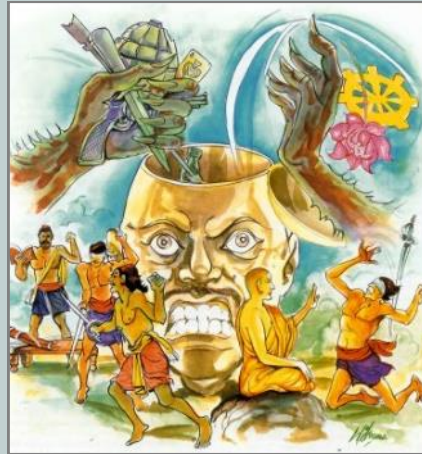
Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thuở xưa, tại thành Ba-la-nại, có một thanh niên khuyết tật, bị teo một chân, đi đứng không vững, nhưng có tài ném đá và tạo hình bằng lá cây nên được mọi người mến tài, đặt cho biệt hiệu là Thiện Xảo. Cậu thường ngồi tại cổng thành, dưới một gốc cây đa cổ thụ, ném đá biểu diễn và cắt tia hình dạng súc vật. Trẻ em trong thành thường vây quanh cậu, nhờ cậu làm cho chúng những con thú rừng như voi, cọp, sư tử, gấu, khi v.v với nhiều tư thế uyển chuyển, kỳ dị, bằng những chiếc lá đầy tạp sắc và lăm lăm cứa dễ thương. Để đáp lại tài năng và lòng hào hiệp của cậu, các em thay phiên mang thực phẩm và bánh kẹo đến cho cậu. Một hôm, trên đường ngoạn cảnh đến lạc viên, quốc vương đi ngang qua nơi hành nghề của cậu. Các em thấy ngựa xe rầm rập từ xa đi tới, chung vội đỡ cậu thanh niên bắt hạnh nhưng tài hoa vào sau gốc cây đa, đẩy cậu vào giữa những chùm rễ tua tủa, kín mít, rồi vội chạy tứ phương. Bấy giờ mặt trời đã lên cao, khí hậu oi bức, nhất là thấy cây đa khổng lồ, cành lá sum suê, quốc vương cho dừng xe hóng mát dưới tàng cây. Bỗng thấy ánh nắng cứ nhấp nhô trước mặt, quốc vương nhìn lên và thấy nhiều hình dạng thú rừng được cắt tia tài tình bằng lá cây đa và được máng trên các cành tỏa tỏa bên dưới. Nhà vua thích thú ngắm nhìn những con thú lá cây đang tung tăng nhảy múa trong gió, và hỏi:

- Những tác phẩm này của ai?

- Tàu quốc vương, một thái giám thưa, nghe nói đây là thú tiêu khiển của một thanh niên bị bại liệt một chân, nhưng có tài ném đá và tạo hình bằng lá cây nên được quần chúng phong cho mỹ hiệu là Thiện Xảo.

- Hãy tìm cậu ấy cho ta. Chân bị bại liệt nhưng tay thì tuyệt vời; ầu cũng là lẽ công bình của trời đất! Quốc vương đưa tay về vẫy mây sợi ria mép, trầm giọng nói. Sáng hôm sau, cậu thanh niên bại liệt được đưa đến hoàng triều, diện kiến quốc vương. Thấy cậu đứng co ro một chân, còn chân kia thì cụt ngắn và khẳng khiu như một que



củi, quốc vương động lòng, cho miễn lễ, và hỏi:

- Người tuy bất túc nhưng có biệt tài, đó là luật bù trừ trong vũ trụ. Ta có một đạo sĩ chuyên việc lễ nghi hoàng triều, nhưng hắn có tật lảm lời. Mỗi khi vào đền là hắn nói liên tu bất tận, không cho ai mở miệng mở mồm. Bực mình quá! Ta muốn mỗi khi hắn há miệng là người ném vào đó một cục phân dê. Liệu làm được không?

- Tàu bệ hạ, tiện nhi làm được.

- Bằng cách nào?

- Tàu bệ hạ, cho phép con gợi ý.

- Tự nhiên!

- Bệ hạ ngồi sau tấm màn, đối diện với đạo sĩ khi tiếp chuyện. Con sẽ dùng mũi dao nhọn khoét một lỗ tròn nhỏ nhô trên tấm màn, thế là xong.

Trưa hôm đó, quốc vương thực hiện kế hoạch, và cứ mỗi khi đạo sĩ há miệng là một cục phân dê bay vô mồm. Đến khi bao phân dê hết mà đạo sĩ vẫn còn hưng phấn thao thao. Thiện Xảo kéo vệt tấm màn, ngấm báo việc đã xong. Quốc vương nghiêm giọng, nói:

- Đạo sĩ, mỗi khi khai tấu điều gì, khanh nói ào ào như mưa gió; quên mất binh gia quân pháp, lễ giáo vương triều. Sợ bị cướp lời hả? Khanh nói hằng say đến nỗi nuốt hết một bao phân dê mà còn muốn nuốt thêm một bao nữa!

Giật mình như bị sét đánh, vị đạo sĩ Bà-la-môn cúi đầu im lặng, và từ đó về sau không dám hé mồm trước mặt quốc vương.

Đề tướng thưởng tài năng điều luyện, mấy hôm sau quốc vương cho triệu cậu thanh niên khuyết tật đến hoàng cung, khen rằng:

- Nhờ khanh mà ta có được tâm hồn yên tĩnh, đầu óc thanh thoi.

Đoạn quốc vương ra khẩu lệnh ban cho cậu thanh niên bắt túc kia tám mâm vàng bạc châu báu và bốn ngôi làng trù phú ở bốn hướng đông tây nam bắc của kinh thành. Một cận thần nghe tin đột xuất như thế bèn tức cảnh sinh tình:

Cho hay tiểu xảo riêng tư,

Mà ra bừa bối giúp người lừng danh.

Xả thân xây đắp kinh thành,

Chập chớn phước họa rắp ranh công hầu!

Bấy giờ có một người đàn ông đứng tuổi, khỏe mạnh, chân tay đầy đủ nhưng lam lũ quanh năm, nhất là đôi vai u lên, cứng nhắc nên được mệnh danh là Mã Kiên. Thấy cậu què nhờ chút tài vật mà được nền danh nên phận, bổng lộc triều đình, thoát ly nghèo khổ. Đúng là tàn nhưng chưa phế. Hy vọng vận may sẽ mỉm cười với số phận hẩm hiu của mình, ông đến gặp Thiện Xảo, tha thiết xin học nghề:

- Thưa thầy, tôi chừng này tuổi mà chưa có nghề ngỗng gì cả; gánh thuê vác mướn quanh năm, chai vai mòn gót mà vẫn khổ rách áo ôm. Thầy ơi! Cái nghèo bóp chết đời tôi, mấy ai ngó bợn da mồi tóc sương! Xin thầy thương tình truyền cho tôi đôi chút tài nghệ của thầy.

- Mô Phật!... Cháu có nghề nghiệp gì đâu mà truyền. Chú mìa mai cháu đấy chắc!

- Không dám!... Tôi nói thật mà. Cái tài ném đá và cắt tia lá cây của thầy đã nổi tiếng khắp kinh thành, quốc vương còn phải khâm phục. Xin thầy!

- Chú đừng nói vậy tổn thọ cho cháu tội nghiệp. Cháu hay ba hoa khoác lác với đám con nít cho vui ấy mà!

Để bày tỏ thiện chí học nghề, Mã Kiên sụp lạy Thiện Xảo ba lạy, tình nguyện chiều tối nào cũng xoa bóp tay chân và xách nước cho Thiện Xảo tắm.

Sau một thời gian, thấy Mã Kiên thật tình hiếu học, Thiện Xảo cảm kích, bung tay truyền hết tài nghệ của mình.

Một hôm, để hiểu ý nguyện của Mã Kiên, con người vai u cổ nám ấy lại có một tâm hồn chân thành, trung tín, không nệ tuổi tác, cần mẫn học hành, Thiện Xảo hỏi:

- Chú Mã Kiên, nay thì chú đã có được tất cả những gì mà chú mong muốn. Bây giờ chú định làm gì nào?

- Trước hết, xin cảm ơn thầy đã tận tình dạy dỗ. Mã Kiên sẽ biểu diễn nghệ thuật trước công chúng.

- Bằng cách nào?

- Bằng cách ném viên sỏi trúng ngay huyết đạo tử vong của một con bò hay một người đi đường.

- Trời đất! Chú muốn chết cả lũ hả? Chú muốn bị phạt một trăm quan tiền? Nhất là động đến cha mẹ, vợ chồng, con cái của người ta. Tù rục xương đây chú nhé!

- Thế à! Vậy tôi sẽ liệu cách, miễn sao thoát ly nghèo đói, nổi tiếng với đời.

- Nổi tiếng và khét tiếng khác nhau xa lắm đó nghe chú!

- Xin cảm ơn! Xin cảm ơn!

Mã Kiên sau đó bọc một túi đá cuội, hăng hái ra đường tìm kiếm mục tiêu.

Đầu tiên ông gặp một con bò cái đang lững thững đi trên lề đường. Ông vừa đưa tay vô túi bốc viên sỏi thì một ý nghĩ vụt đến: Không được! Thế nào nó cũng có bạn trai. Rồi ông gặp một cậu bé tay bế con gà tre. Máu nghề nghiệp lại rần rần rọ rọ, nhưng ông kịp phản tỉnh: Ấy chết, nó có cha có mẹ! Sau cùng, vừa thấy Xu-nét-ta (Sunetta), Đức Phật độc giác, đang từ một thảo am bốn bề gió lộng vào thành khất thực, ông chợt nghĩ: "Người này hẳn là... không mẹ không cha, không ông không bà, không cháu không con. Tội tình gì mà sợ. Chơi một phát xem sao!" Thế là ông cầm viên sỏi nhắm lỗ tai phải của Xu-nét-ta búng mạnh một cái, Ngài rung mình, và thấy lỗ tai trái có vài giọt máu rịn ra. Viên sỏi đã phóng đi như một mũi tên xuyên thủng hai mắt trống. Đau quá, Xu-nét-ta ngưng khất thực, nhứt niệm thiên hành quay về thảo am, và nhập niết bàn tức khắc.

Ngày hôm sau, không thấy Xu-nét-ta vào thành, dân chúng thắc

The Story of Satthikutapeta Verses 72 - Dhammapada

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (72) of this book with reference to a peta-ghost named Satthikutapeta.

The Chief Disciple Thera Maha Moggallana saw this enormous peta-ghost while going on an alms-round with Thera Lakkhana. In this connection, the Buddha explained that Satthikutapeta, in one of his previous existences, was very skilful in throwing stones at things. One day, he asked permissions from his teacher to try out his skill. His teacher told him not to hit a cow, or a human being as he would have to pay compensation to the owner or to the relative, but to find a target which was ownerless or guardianless i.e. with no mother, father or protector.

On seeing the Pacceka-Buddha, the idiot lacking in intelligence, thought the Pacceka-Buddha, having no relative or guardian, would be an ideal target. So he threw a stone at the Pacceka-Buddha, who was on an alms-round. The stone entered from one ear and came out of the other. The Pacceka-Buddha expired, when he reached the monastery. The stone-thrower was killed by the disciples of the Pacceka-Buddha and he was reborn in Avici Niraya. Afterwards, he was reborn as a peta-ghost and had since been serving the remaining term of the evil (kamma) consequences of his wrong deed. As a peta-ghost his enormous head was being continuously hit with red-hot hammers.

In conclusion, the Buddha said, "To a fool, his skill or knowledge is of no use; it can only harm him."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 72. The skill of a fool can only harm him; it destroys his merit and his wisdom (lit., it severs his head).

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

mắc: "Hắn là đã có việc chẳng lành với ngài khất sĩ rồi!" Họ kéo nhau đến thảo am và thấy Xu-nét-ta đã viên tịch. Ai ai cũng ngậm ngùi thương tiếc, che mặt khóc thầm. Riêng Mã Kiên, người đã trà trộn theo đám đông đến đó, thì hành diện khoe rằng:

- Đích thị rồi! Một phát là trúng ngay. Tài nghệ của ta như thế thì an tâm, nhứt định sẽ nổi tiếng, thật xứng đáng với công phu rèn luyện.

- Ông nói gì cơ? Một bò lão hời Mã Kiên.

- Hôm qua thấy sư này ngang qua cổng thành, tôi búng viên sỏi thử tài một chút, không ngờ kết quả mỹ mãn. Tài nghệ của tôi đúng là đã đến hồi điều luyện.

- Bà con ơi, một thanh niên quát lên, chính tên này đã ám sát Xu-nét-ta. Hãy bắt nó lại! Gõ nó lại!

Thế là Mã Kiên bị một trận đòn thâm da tím mặt và chết trong túi nhục. Hắn bị đọa vào địa

ngục A-tỳ, chịu nhiều thống khổ. Đến khi thoát kiếp thì lại làm ma búa tạ trên đỉnh kền kền.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn mỉm cười, nhìn đại chúng, hỏi:

- Các thầy có đoán ra Đức Phật độc giác Xu-nét-ta kia là ai không? Một tiền kiếp của ta đó!

- A Di Đà Phật, đại chúng chấp tay xá.

Đoạn Ngài tiếp:

- Nay các thầy Tỳ-kheo, nếu người tâm lượng hẹp hòi, đầu óc nông cạn, mà trong tay có chút quyền lực hay tiểu xảo thì dễ sanh sự, bất lợi; trước nhất là tự chuốc lấy thảm hại cho chính mình.

Ngài đọc kệ:

*Kiến thức và danh vọng,
Trở lại hại kẻ ngu,
Tiêu diệt ngay vận tốt,
Bủa nốt cả đầu ngu.
(PC. 72)*

New Mexico: Chùa Hội Phước Cúng Đường Khất Thực Mùa An Cư

Pháp Lâm

Sáng Chủ Nhật, ngày 01 tháng 06 năm 2014, Chùa Hội Phước tọa lạc địa chỉ 8624 Zuni Rd SE, Albuquerque, NM 87108 đã long trọng tổ chức lễ cúng đường cổ Phật Khất Thực lên chư Tăng Khóa An Cư và các tự viện lân cận.

Nơi Khuôn viên chùa Hội Phước cờ Phật Giáo phất phới tung bay như vui mừng vẫy tay chào đón chư tôn đức và đông đảo Phật tử khắp nơi quy tụ về tham dự. Đây là lần đầu tiên Phật tử New Mexico hạnh phúc được cung nghinh chư Tôn Đức thuộc hai hệ phái chính của Phật Giáo Nam Tông và Bắc Tông thực hành Nghi Cổ Phật Khất thực. Nổi vui mừng khôn xiết là hình ảnh màu y vàng của chư Tăng với "Bình Bát Cơm Ngàn Nhà" đã làm sống dậy hình ảnh Tăng đoàn lúc đức Phật còn tại thế gian. Chư Tăng câu hội về chùa Hội Phước vân tập trong thanh tịnh hòa hợp qua tiếng kệ lời kinh nói lên ý nghĩa chánh pháp còn lưu truyền, cuộc đời bớt khổ đau. Đây cũng là nhân duyên tốt để quý Phật tử, cùng tu cùng học, tạo dựng phước điền, gieo trồng từ bi trí tuệ vì đức chúng Tăng rộng như biển cả (Đức chúng như hải).

Lúc 5 giờ chiều cùng ngày lễ tạ pháp kính mừng 10 ngày tu học được thành tựu viên mãn. Tại buổi lễ TT. Thích Thánh Minh – Tổng vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đương kim trụ trì Chùa Hội Phước đã nhấn mạnh: Với phương châm "Phước huệ song tu" trên tinh thần "Tri hành hợp nhất" toàn thể hành giả an cư đã nỗ lực tinh tu tam nghiệp; lấy kinh văn làm tôn chỉ hành trì, mượn ý Tổ để nghiêm tâm diệu lý. Ngày tháng chuyên tu không phải là dài trong đời sống phạm hạnh, nhưng mỗi hạ đi qua, một tuổi hạ nửa được diễn vào "Vô tác giới thể" của mỗi hành giả an



cư. Riêng hàng Phật Tử tại gia, trong Khóa an cư này hơn 30 vị đã được truyền tam quy ngũ giới và chư Tăng đã làm lễ Bồ Tát cho đông đảo các giới tử đã thọ Bồ Tát, Thập Thiện được thính giới v.v...

Thượng Tọa đã tán thán ơn quý Phật tử thành phố Albuquerque đã nhiệt tình góp phần công đức hộ trì. Chân thành cảm ơn Tổng Hội Cư Sĩ, chương trình Phát Thanh Hương Sen, Chùa Bát Nhã, Việt Báo, Hội Cư Sĩ Orange County, Chợ Sài Gòn City, nhà hàng Seafood World, nhà quán Peek Family cùng quý đồng hương Phật tử tại quận Cam đã phát tâm ủng hộ cho buổi tiệc chay gây quỹ kiến tạo chùa Hội Phước New Mexico thành tựu viên mãn và đó cũng chính là thắng duyên cho mùa an cư được thuận lợi.

Tiếp theo sau đó, Phật tử Diệu Hòa thay lời cho ban hộ trì Tam Bảo nói lời phát biểu cảm tưởng rất tha thiết và chân tình:

"Kính thưa quý Thầy, thật là một điều diễm phúc vô biên cho hàng Phật tử chúng con, mùa hạ năm nay chúng con được quý Thầy đã không quản sự khó nhọc trong hoàn cảnh hiện tại, Ngôi chùa Hội Phước mới được thành lập cách đây hơi 2 tháng mà thực hiện mở khóa Kiết Hạ An Cư để chư Tăng và hàng Phật tử tại gia chúng con cùng nhau nương về. Nhờ duyên lành này chúng con có dịp cùng nhau tu học, mở mang kiến thức, trình độ Phật Pháp, phát huy ánh sáng chánh pháp, để cả hóa gia đình.

Đây là khóa tu an cư đầu tiên được tổ chức tại tiểu bang New Mexico. Chúng con được thưởng thức món ăn tinh thần tràn đầy pháp vị. Phật Tử chùa Hội Phước luôn luôn trân trọng, khắc cốt ghi tâm đạo tình và nghĩa tình mà chư Tôn Đức và quý vị đã dành cho. Chúng con nguyện suốt đời nương theo quý Ngài cố gắng trau dồi trí tuệ và đạo hạnh để xứng đáng là Phật Tử trung thành đạo pháp và thâm ân giáo dưỡng của Chư Tôn Đức. Trong giờ phút trang nghiêm này, chúng con thành tâm nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia trì cho Quý Thầy pháp thể khinh an, phước trí vẹn toàn, mãi mãi là bóng cao, đạo cả cho hàng Phật tử chúng con nương nhờ giải thoát".

Kể đó là chương trình văn nghệ kính mừng lễ tạ pháp. Buổi lễ đã kết thúc ở không gian và thời gian nhưng không kết thúc ở lòng người. Tuy diễn ra trong giờ phút ngắn ngủi mà để lại trong lòng người tham dự một dấu ấn khó phai với thời gian năm tháng. Nguyên đem công đức hôm nay hồi hướng khắp pháp giới chúng sanh đồng triêm lợi lạc.



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

DỤNG

Xa lộ thành thang quá, nó phóng xe quá nhanh, bắt chợt cảnh sát công lộ xuất hiện và quây đèn buộc nó tấp vào vệ đường.

"Chào ông! Ông có biết là ông đã chạy quá tốc độ cho phép?" Cảnh sát hỏi.

"Vâng thưa ông cảnh sát," nó trả lời hơi bực bội và lại kẻo nài thêm một câu: "Tôi biết lỗi rồi, ông có thể nào chỉ cảnh cáo chứ đừng ghi giấy phạt?"

"Tôi thông cảm với ông nhưng không thể được vì đây là trách nhiệm của tôi!"

Sau khi nhận giấy phạt, lòng dạ tức tối muốn chửi thề nhưng rồi bắt chợt nó nhớ ra: mình là Phật tử đã từng nghe pháp nào là nhân quả, tàm quý... Nó thấy mình có lỗi, mình gây cái nhân nên mình mới nhận kết quả này và nó thấy khâm phục sự liêm khiết và cần mẫn của người cảnh sát. Bao nhiêu bực bội tiêu tan và thấy lòng dễ chịu trở lại, miệng khẽ hát theo lời bản nhạc phát ra từ trong xe.

PHƯỚC BÁO

Cổ quận ngày trước lừng danh với tứ đại gia "Nhất Thi nhì Đạm tam Thư tứ Cử." Hơn một lần Thi từng huênh hoang:

- Gia tộc này của ăn ba đời hồng hết!

Dù giàu có nhưng Thi rất tẻ với người làm công, có người khuyên nên bỏ thí làm phước. Thi nói:

- Tiền bạc là thật, phước đức là mơ hồ. Tôi không lấy thật đổi mơ hồ.

Nhưng chẳng được bao lâu, đời bế dâu thay đổi. Cổ quận giờ có chủ mới, chủ mới vô cùng khắc nghiệt, cay độc... bao nhiêu của cải sản nghiệp bao năm tích lũy bị tịch biên hết, sau đó là những ngày vô cùng khổ khó.

Một hôm Thi quyết định ly hương. Sau khi thoát được và lênh đèn trên biển cả trải qua bao nhiêu kinh hoàng chín phần chết một phần sống. Thi còn ém được một túi vàng trong người mà không có một thứ gì ăn, ngồi trên biển nước mà khát cháy cả họng... Bấy giờ Thi hồi hận quì

xuống sấm hồi cầu Bồ tát gia hộ:

- Đời vô thường mà con ngu muội, giá mà ngày trước đem tài sản bỏ thí thì hay biết bao... Một cơn sóng lớn tràn tới làm chiếc tàu quay mòng mòng trên đại dương.

BẤT NHỊ

Giờ ăn trưa một nhóm công nhân Mỹ và nó cùng ngồi chung bàn, một người trong nhóm cầm miếng thịt lên và nói:

- Bạn ăn miếng thịt này đi ngon lắm, có ai cấm bạn ăn thịt mà bạn chỉ ăn toàn rau quả!

- Cảm ơn bạn, không có ai cấm cả. Tôi không ăn thịt vì tình thương. Rồi nó hỏi ngược lại:

- Các bạn có ăn thịt chó không?

- Ô không, đấy là điều tồi tệ vì chó là bạn thân của con người - tiếng lao nhao phản đối của cả nhóm.

Nó cười và tiếp:

- Con chó là bạn của người vậy con bò, heo... hay các vật khác nào có khác gì nhau, chúng cũng là bạn của người mà, sao bạn lại yêu con này mà ăn thịt con kia?

Cả bàn ăn chợt một sát-na lặng lẽ...



ĐỌC 'THIỀN TẬP' CỦA CƯ SĨ NGUYỄN GIÁC: BẢN ĐỒ TU THIỀN HỮU ÍCH CHO MỌI CĂN CƠ

Huỳnh Kim Quang

Đạo Phật là đạo giác ngộ. Giác ngộ là thấy tánh. Muốn thấy tánh thì tu thiền, như đức Thích Ca Mâu Ni do thiền dưới gốc cây Bồ Đề mà giác ngộ thành Phật. Cho nên, mục đích tối hậu của thiền Phật Giáo là thành Phật, là giác ngộ chân tánh. Vì vậy, Thiền Tông chỉ nói đến "kiến tánh thành Phật," không nói gì khác.

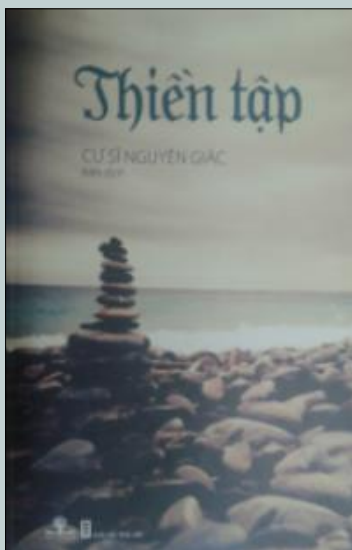
Nhưng không phải ai cũng có đủ căn cơ để tu thiền mà kiến tánh thành Phật ngay trong sát na hiện tiền, hay chí nữa cũng là trong đời này. Cho nên, trong Thiền Tông cũng có đốn ngộ và tiệm tu, cũng có Nam Năng và Bắc Tú. Thậm chí thâm tín Phật Pháp như Vua Lương Võ Đế thì có mấy ai, vậy mà trước câu nói trực chỉ của Tổ Sư Đạt Ma "Xây chùa, tạo tượng đều không có công đức," cũng không thể tự mình mở lối lên Thiểu Thất! Vì lẽ đó, để độ người hữu duyên theo căn cơ sai biệt, thiền cũng khai mở nhiều cửa phương tiện từ sơ cơ tiệm thứ điều tức, điều thân, điều tâm, đến hốt nhiên đại ngộ ngay nơi chiếc lá rơi.

Ngày nay thiền trở thành liệu pháp trị bệnh thân tâm một cách hữu hiệu được phổ biến khắp mọi nơi trên thế giới, từ bệnh viện y khoa, công ty thương mại đến trường học và quân đội. Có thể nói chưa bao giờ thiền được đại chúng hóa như bây giờ. Tuy nhiên, theo quy luật xã hội, cái gì được đại chúng hóa thì không tránh khỏi trở thành sản phẩm xã hội, mà đã là sản phẩm xã hội thì khó giữ được phẩm chất tinh ròng và nguyên vị của nó. Đó chính là trong cái được có cái mất! May thay, còn có những người ngày đêm âm thầm gìn giữ tinh yếu của thiền như các thiền sư chân truyền trong các thiền viện thâm nghiêm, hay như cuốn "Thiền Tập" của Cư Sĩ Nguyễn Giác.

Tác phẩm "Thiền Tập" được Cư Sĩ Nguyễn Giác biên dịch cách nay vài năm và lâu nay được đăng trong trang nhà của Thư Viện Hoa Sen tại địa chỉ: <http://thuvienhoasen.org> hoặc trên trang nhà Quảng Đức ở địa chỉ: <http://quangduc.com/> và nhiều trang mạng Phật Giáo khác.

Một trong những đặc điểm của cuốn "Thiền Tập" của Cư Sĩ Nguyễn Giác là tác phẩm này chứa đựng một bản đồ toàn diện về pháp môn thiền từ bước đầu căn bản chỉ dạy cách ngồi thiền, cách điều tức, điều thân và điều tâm, đến những phương thức thiền tập điều dụng cao siêu của cả ba truyền thống Phật Giáo: Tây Tạng, Nam Truyền, và Bắc Truyền. Đó là đặc điểm bởi vì có rất ít hay đúng hơn rất hiếm sách viết về tu thiền bằng tiếng Việt mà có đầy đủ pháp môn từ sơ cơ đến thượng thừa như vậy.

Điểm đặc biệt khác nữa là người biên dịch



"Thiền Tập" là Cư Sĩ Nguyễn Giác không phải chỉ là một học giả trên lý thuyết mà chính là một hành giả thiền trên bốn mươi năm và được truyền thụ trực tiếp từ những bậc thiền sư đạo cao đức trọng trong chốn thiền môn như Thiền Sư Tịch Chiếu, Viện Chủ Chùa Tây Tạng ở Bình Dương, Việt Nam. Cư Sĩ Nguyễn Giác cũng là tác giả của cuốn "Vài Chú Giải Về Thiền Đốn Ngộ," được xuất bản trên hai mươi năm trước tại Hoa Kỳ, và hàng chục tác phẩm nghiên cứu và dịch thuật khác về Phật Giáo.

Trong "Thiền Tập" của Cư Sĩ Nguyễn Giác đề cập đến ba truyền thống thiền của Phật Giáo Tây Tạng, Nam Tông và Bắc Tông, với những pháp môn tinh yếu và phổ truyền nhất của mỗi hệ thống. Trong đó, với Phật Giáo Tây Tạng thì có pháp môn Đại Thủ Ấn, Đại Toàn Thiện; với Phật

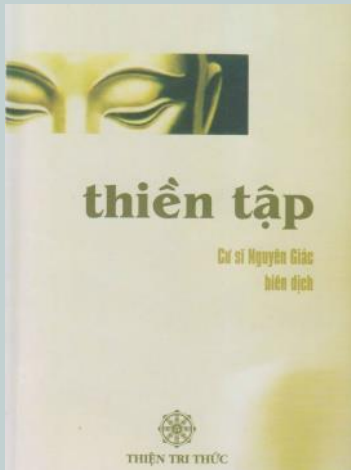
Giáo Nam Truyền thì có pháp môn Thiền Minh Sát; với Phật Giáo Bắc Truyền thì có pháp môn Thiền Mặc Chiếu, Thiền Công An.

Đôi khi người mới tu thiền nghĩ rằng phép thờ là bước đầu vào thiền nên không có công dụng màu nhiệm gì lắm. Nhưng không, trong "Thiền Tập" cho chúng ta thấy về điều dụng bất khả tư nghĩ của phép thờ như sau:

"Mặc dù thiền tập hơi thở chỉ là bước đầu thiền tập, nó có thể rất là mãnh liệt. Chúng ta có thể thấy từ pháp tu này là chúng ta có thể đạt được an tĩnh nội tâm và sự an lạc chỉ bằng cách kiểm soát tâm, mà không dựa vào bất kỳ điều kiện bên ngoài nào. Khi dòng niệm lắng xuống, và tâm chúng ta tịch tĩnh, một niềm hạnh phúc sâu thẳm và sự an lạc tự nhiên khởi lên. Cảm thọ về sự an lạc và sự sung mãn giúp chúng ta đối phó với sự bận rộn và khó khăn của đời sống thường nhật."

Khai thị về pháp đốn ngộ, "Thiền Tập" trích dẫn lời dạy của Thiền Sư Hám Sơn chỉ thẳng cội rễ của mọi pháp chỉ là "ảo giác và vô tự tánh," tất cả đều "phóng hiện từ chân tâm," như sau:

"Để thiền tập, người trước tiên phải dẹp bỏ hết mọi kiến thức và hiểu biết, và chỉ nhất tâm đưa toàn lực của người đặt lên một niệm. Tin vững chắc vào [chân] tâm của người rằng, nguyên thủy nó thanh tịnh và sáng rõ, không một chút trệ nào hết – nó thì sáng và hoàn thiện, và bao trùm khắp Pháp giới. Trong tự tánh, thì không hề có thân, không hề có tâm, không hề có thể giới, mà cũng không hề có vọng niệm nào, không hề có bất kỳ thọ tưởng nào. Ngay trong khoảnh khắc này, chính ngay một niệm này tự nó đã là vô sinh. Tất cả mọi pháp đang hiển



lộ trước người bấy giờ thực ra là ảo giác và vô tự tánh – tất cả vạn pháp đó đều là phản chiếu phóng hiện từ chân tâm của người.”

Phần cuối của “Thiền Tập” Cư Sĩ Nguyên Giác giới thiệu và trích dịch bài Kinh “Bahiya Sutta” trong Tiểu Bộ Kinh kể chuyện Đức Phật dạy bài pháp khẩn cấp cho Người Áo Vỏ Cây chúng A La Hán ngay tức thì khi nghe Phật dạy và đã viên tịch

không lâu sau đó. Bài pháp này cho thấy người nghe Phật có thể đốn ngộ thánh quả tức thì ngay trong lời dạy của vị đạo sư. Xin trích lại đoạn Kinh mà Đức Phật dạy cho ngài Bahiya để độc giả tường lãm:

“Thế này, Bahiya, ông nên tu tập thế này: Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tướng sẽ chỉ là cái được thọ tướng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri.” Cứ thế mà tu tập đi, Bahiya.

“Khi với ông, này Bahiya, trong cái được thấy chỉ là cái được thấy... [nhấn tới]... trong cái được thức tri chỉ là cái được thức tri, thì rồi Bahiya, ông sẽ không là ‘với đó.’ Này Bahiya, khi ông không là ‘với đó,’ thì rồi Bahiya, ông sẽ không là ‘trong đó.’ Này Bahiya, khi ông không ‘trong đó,’ thì rồi Bahiya, ông sẽ không ở nơi này, cũng không ở nơi kia, cũng không ở chặng giữa. Thế này, chỉ thế này, là đoạn tận khổ đau.”

Cư Sĩ Nguyên Giác viết trong “Thiền Tập” về sự chứng đắc quả vị A La Hán tức thì của Người Áo Vỏ Cây:

“Nhưng, làm cách nào ngài Bahiya -- một người đời thường, chưa từng quy y hay thọ giới gì cả... mà lúc tìm nghe pháp thì vẫn còn mang phong thái ngoại đạo, với kiểu lấy vỏ cây làm áo, và được gọi tên bằng Bahiya Áo Vỏ Cây -- sau khi nghe bài pháp yếu vài câu lại có thể “hốt nhiên đốn ngộ” và xóa sạch ác nghiệp muôn đời ngàn kiếp để vừa khi bị bỏ húc chết là nhập Niết Bàn vô dư ngay? Có nghĩa là, ngay khi tâm vừa đốn nhập được, thì vô lượng nghiệp tội sẽ không còn ràng buộc được nữa? Như vậy, khoảng cách giữa một người đời thường cho tới ngôi vị Thánh Quả A La Hán thực ra chỉ cách nhau vài sát na tâm? Thực ra, ngài Bahiya đã tu từ vô lượng kiếp rồi, đã là một tỷ kheo từ thời Phật Ca Diếp. Không có gì là tự nhiên cả, và ngài Bahiya sau này được Đức Phật nói là trường hợp chứng đạo mau nhất, xuất sắc nhất.”

Có được khoảnh khắc “hốt nhiên đốn ngộ” thì phải tu từ vô lượng kiếp cho nên, thiền là phải tập, phải tu tinh tấn mỗi sát na, mỗi giờ, mỗi ngày trong đời sống. “Thiền Tập” là cuốn sách rất bổ ích cho mọi người, mọi căn cơ. Xin hãy vào các trang mạng trên để đọc “Thiền Tập” của Cư Sĩ Nguyên Giác và học cách thực tập thiền.

Xin cảm niệm công đức của tác giả và trân trọng giới thiệu đến bạn đọc.

Huỳnh Kim Quang

VỀ ĐI EM!

*Yêu nhau mấy độ VÔ THUỜNG,
Xe MÂY em dẹt nhớ thương ngọt ngào.
Em mơ TRẮNG rung cầu ao,
Kẻ lên dấu ấn thể sao đời đời.
Em gom từng hạt SAO rơi,
Kết làm Vương miện lên ngôi Nữ Hoàng.
Vương cung xây bởi SẮC Vàng,
Của VẮNG DƯỠNG tỏa cao sang rạng ngời.
Áo em choàng hạt SUỜNG rơi,
Cùng anh nâng chén ly bôi giao hòa.
Dù nhau qua giải NGÂN HẠ,
"TA" vào VŨ TRỤ bao la CHON THUỜNG.*

XIN ĐỪNG QUÊN TÔI

*Anh à!
Trong mỗi tích tắc đi qua
Tôi chưa hề rời anh nửa bước
Tôi đã có mặt bên anh
Trước khi anh mở mắt chào đời
Cho đến khi anh nằm nôi
Không có tôi, anh cũng không còn tồn tại
Rồi anh lại-khỏi giữa cuộc đời thoải mái
Anh có biết! phải từ đâu?
Rất tiếc! tôi không mặc áo màu
Để cho anh dễ nhận
Và tôi cũng cam phận
Vì không ai có thể vẽ được chân dung
Nếu anh nhận ra được tôi
Anh có thể dùng tôi bất cứ
Tôi sẵn sàng với muôn sự
Với vạn loại chứ không chỉ riêng anh
Bất cứ nơi đâu...
Tôi cũng can dự đồng hành...
Tôi không có danh xưng
Nên anh gọi tôi là gì cũng được
Mình tôi không có cớ
Nên không có kích thước để đo
Tôi có thể dẫn co
Qua muôn ngàn hình dạng
Từ hạt bụi vi trần, cho đến vô hạn tận
Thế nhưng tôi đơn cô
Nếu anh không biết nhận
TỪ ÁN từ tôi
Anh sẽ ôm hận đến thiên thu...*

NGUYỆT-BÌNH

CL 6/4/2014 (Bài thơ làm trong bếp)

**KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN IV, TỔ CHỨC TẠI TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL,
THÀNH PHỐ SAN DIEGO, CALIF., TỪ NGÀY 29/5 ĐẾN 02/6/2014—THIÊN HÀNH, TRAI TĂNG**



Photos: Hoavouu.com

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN IV, TỔ CHỨC TẠI TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL, THÀNH PHỐ SAN DIEGO, CALIFORNIA, TỪ NGÀY 29/5 ĐẾN 02/6/2014—LỄ BẾ MẠC



Photos: Hoavouu.com

GHPGVNTN HK Tổ Chức Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 2 Nhiệm Kỳ II: Kêu Gọi DC, Cùng Cố Nội Lực Dân Tộc, Chống TQ Xâm Lược

North Hills, California (Bình Sa) - - Thứ Hai ngày 16 tháng 6 năm 2014 tại Chánh Điện Phật Học Viện Quốc Tế, Thành Phố North Hills California, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã tổ chức Đại Hội Thường Niên lần thứ II Nhiệm kỳ 2 với sự tham dự lễ Khai Mạc của khoảng 200 Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni, quý vị Cư Sĩ, và Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử.

Chư Tôn Giáo Phẩm gồm có: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm; HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH/GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nguyễn Ân, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH/GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH/GHPGVNTN/HK; và quý Hòa Thượng. Thượng Tọa Tổng Vụ Trưởng, gồm HT. Thái Siêu, HT. Thông Hải, HT. Tâm Vân, HT. Thiện Long, TT Thích Nhựt Huệ, Thượng Tọa Thích Minh Dung, TT Thích Tâm Tường, TT. Nhật Trí. TT. Thánh Minh,... Ni Sư Diệu Tánh, Ni Sư Giới Hương, NS Tuệ Từ, NS Giới Định, NS Như ? Quang... Đạo Hữu Trần Quang Thuận, Đh. Huỳnh Tấn Lê, Đh Nguyễn Thanh Huy, Đh. Vĩnh Hào, Đh Huỳnh Kim Quang, Htr. Nguyễn Từ Nguyễn Quốc Hưng...



Điều hợp chương trình đại hội là HT. Thích Nguyên Siêu.

Sau phần nghi thức khai mạc, niệm Phật cầu gia bị, tiếp theo Diễn văn khai mạc của HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Trong lời Khai Mạc, HT nói: "Nội lực của Tăng Già là biểu tỏ tinh thần thanh tịnh, hòa hợp giá trị cao quý trên con đường hoằng pháp lợi sanh, là sự thống hợp ý chí của hai hàng đệ tử tại gia và xuất gia: Hai tiềm lực



này luôn luôn chảy trong dòng chảy của Phật Giáo Việt Nam 2000 năm qua và gần 40 năm nơi hải ngoại để giáo pháp được lan truyền, con đường hoằng hóa được rộng mở, thắp sáng ngọn đèn chánh pháp nơi thế gian này. Thừa tiếp ngọn đèn chánh pháp ấy, GHPGVNTN HK luôn luôn nỗ lực, thi hành những Phật sự bằng khả năng của mình trong suốt thời gian một năm qua không ngừng nghỉ."

HT nhấn mạnh đến sự kết chặt đạo tình để tạo hòa hợp thanh tịnh trong Giáo Hội: "Chúng tôi được quyền ước vọng và tin tưởng rằng hôm nay hay mãi mãi trong tương lai, Giáo Hội chúng ta luôn có nhau. Có nhau trong niềm tin yêu, quý kính, có nhau trong đạo tình pháp lữ, bằng hữu. Đó chính là tiềm lực sống để phát huy năng lực thực hữu mà chúng ta đang nhắm đến cho bước đường phụng sự nhiều hơn nữa..."

Tiếp theo Đạo Từ của HT. Chánh Văn Phòng, trong lời Đạo Từ, HT. kêu gọi "đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành sứ mạng và Phật sự, hợp tác chặt chẽ các Châu, siết chặt tay nhau để xây dựng nền đạo giáo Việt Nam hải ngoại."

Sau đó HT. Thích Nguyên Siêu thông qua nguyên tắc phát biểu và biểu quyết.

Chương trình Đại hội gồm 3 phiên Khoáng Đại với phần phúc trình Phật sự của Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành và các Tổng Vụ; báo cáo tài chánh của Tổng Thủ Quỹ Hội Đồng Điều Hành; và thảo luận nhiều Phật sự cho năm tới.

Đại Hội đã cung thỉnh Hòa Thượng Thích Nguyên Trí làm Trưởng Ban Điều Hợp của Teamwork Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản PL 2559 tại Nam California. Đại Hội cũng đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ năm 2015 tại San Diego và khóa An Cư năm 2015 cũng tại Phật Học Viện Quốc Tế. Khoáng Đại III Thông qua Quyết Nghị Đại Hội.



Bản Quyết Nghị đã được thông qua bởi 55 đại biểu chính thức và quan sát viên, bao gồm chư tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT từ các tự viện, tịnh xá, tu viện, Phật học viện, trung tâm văn hóa Phật giáo, tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ đã tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ II, nhiệm kỳ 2 tại Phật học viện Quốc Tế vào ngày 16.6.2014.

Quyết Nghị gồm 10 điểm như sau:

1. Tiến hành việc thành lập một ủy ban đặc trách củng cố và phát triển các cơ sở hạ tầng; hợp thức hóa các tự viện và tổ chức Phật giáo tại các địa phương trở thành đơn vị cơ sở của Giáo Hội;
2. Khuyến thỉnh chư tôn đức Tổng vụ trưởng các tổng vụ Hoằng Pháp, Văn Hóa và Giáo Dục phối hợp tổ chức Đại Hội Hoằng Pháp để trao đổi kinh nghiệm hành đạo và triển khai các phương thức truyền bá chánh pháp thích ứng với nền văn hóa phương tây, phù hợp với nhân tâm và hoàn cảnh hiện tại nơi xứ người;
3. Chiếu các đề án đã được thông qua bởi Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I, tổ chức tại Chùa Cổ Lâm ngày 12 tháng 8 năm 2012, khuyến thỉnh Tổng vụ Ni Bộ tiến hành tổ chức Đại Hội Ni Bộ với sự cổ vũ và hiệp trợ của chư tôn đức hai Hội Đồng GHPGVNTN Hoa Kỳ; khuyến thỉnh Tổng vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch soạn thảo cẩm nang về oai nghi và ứng xử dành cho hàng Tăng sĩ để ứng dụng phù hợp trong nếp sống văn hóa phương tây hiện đại;
4. Khuyến thỉnh Tổng vụ Tăng Sự thực hiện việc thống kê danh sách các tự viện và Tăng Ni Việt Nam tại Hoa Kỳ.
5. Cung thỉnh HT. Thích Nguyên Trí làm Trưởng Ban Điều Hợp tổ chức Lễ Hội Phật Đản chung tại miền Nam California vào tháng 5 năm 2015;
6. Khóa An Cư Kiết Hạ năm 2015 sẽ được bảo trợ và tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, California; Đại hội Thường niên lần thứ III, nhiệm kỳ II, năm 2015, sẽ tổ chức vào các ngày trước hoặc sau khóa an cư kiết hạ này;
7. Hết lòng ủng hộ tinh thần, yểm trợ tịnh tài, tham dự giảng dạy hoặc tham gia chương trình tu học trong Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ V tại thành phố San Diego, California năm 2015 do Thượng Tọa Thích Minh Dung và chư tôn đức Tăng Ni Nam California đồng tổ chức;
8. Tích cực quang lâm tham dự Ngày Về Nguồn lần thứ VIII do Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại tổ chức tại Chùa Pháp Bảo, Úc châu ngày 27 đến 28 tháng 9 năm 2014; cũng như Ngày Về Nguồn lần thứ IX tổ chức tại Chùa Khánh Anh Pháp



Hình ảnh trong Đại Hội Thường Niên lần thứ 2 Nhiệm Kỳ II của GHPGVNTNHK tại Phật Học Viện Quốc Tế.



quốc từ ngày 13 đến 16 tháng 8 năm 2015; để biểu hiện niềm tri ân đối với Lịch Đại Tổ Sư và Thầy-Tổ, đồng thời xây dựng nền tảng cho việc trang nghiêm Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại;

9. Kiên trì theo đuổi cuộc vận động phục hoạt GHPGVNTN do Đức Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang khởi xướng từ năm 1992;
10. Kêu gọi nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cấp thiết thực hiện việc gầy dựng sức mạnh đoàn kết dân tộc để chống lại sự xâm lăng của Trung quốc; mà muốn vận dụng được sức mạnh của toàn dân, trước hết cần hủy bỏ vai trò độc đảng độc tôn của Đảng CSVN, mở rộng đối thoại, cho phép đa nguyên đối lập, để qui tụ thành phần trí thức tinh hoa của dân tộc; trả tự do tức khắc cho những nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền; đồng thời cho phép người dân biểu tình ôn hòa để phản đối Cộng sản Trung quốc xâm lấn đất liền, hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam.

Đại hội bế mạc vào lúc 6 giờ chiều cùng ngày, mọi người dùng cơm tối và sau đó chuẩn bị khai mạc khóa An Cư Kiết Hạ năm 2014. Khóa An Cư sẽ kéo dài từ ngày 17 đến ngày 27 tháng 6 năm 2014 tại Phật Học Viện Quốc Tế với sự tham dự của hơn 150 chư tôn đức Tăng, Ni đến từ khắp các tiểu bang Hoa Kỳ.